

HỒ
TRUNG
TỶ

THƠ VIỆT

ĐÁNG YÊU

LUẬT THƠ

DỄ HIỂU

In lần thứ nhất

XUẤT-BẢN TẠO-ĐÀN



HỒ - TRUNG - TÝ

Giáo - sư Việt - văn



T HƠ VIỆT ĐÁNG YÊU

L UẬT THƠ DỄ HIỂU



- ★ PHÂN-TÍCH LUẬT GIÁN-THANH
- ★ GIẢNG RÕ LUẬT CÁC THỂ THƠ
- ★ GIỚI-THIỆU MỘT SỐ THƠ CŨ VÀ THƠ MỚI TIÊU - BIỂU QUA CÁC THỂ-HỆ.

IN LẦN THỨ NHẤT

XUẤT-BẢN TẠO ĐÀN

SAIGON

Lời nói đầu

NÓI đến luật thơ, chúng ta thường nghĩ đến những quy-tắc rườm-rà cùng những bảng bằng trắc khô-khan, chẳng có gì là thi-vị.

Thực ra, làm thơ cần gì phải hiểu luật, và cũng không làm gì có thứ luật thơ gò bó cứng nhắc. Thi-sĩ, dầu người học-thức hay bình-dân, như đã tự bao giờ thấm-nhuần những qui-luật âm-thanh của tiếng nói, do tất cả những gì họ đã được nghe, được đọc từ thuở thiếu thời, kể từ lúc còn « nằm nôi nghe tiếng mẹ ru ». Đến khi hò-hát, ngâm-vịnh, họ chỉ phát-biểu theo cảm-xúc, và âm-thanh tự-nhiên được xếp đặt theo một hệ-thống hòa-âm hợp-lý.

Tiếng Việt vốn đơn-âm, mỗi tiếng chỉ là một vần, lại có 5 dấu, làm thành sáu bậc cao thấp khác nhau, tất nhiên cách lập-ngôn phải theo ít nhiều phép-tắc, cốt sao cho thuận miệng, êm tai. Sở dĩ trong quốc-ngữ có nhiều tiếng kép lấp-láy, nhiều trạng-tự chỉ thề-cách, nhiều từ-ngữ ghép có thề đảo nghịch vị-trí, thiết-tưởng một phần cũng do sự đòi hỏi phải duy-trì nhạc-tính mà ra.

Đặc-biệt trong văn vần, yếu-tố nhạc càng quan-trọng và rõ-rệt hơn.

Phân-tích những nhạc luật căn-bản của văn vần, rồi nhân đấy bàn đến các qui-tắc uyên-chuyên của từng thể thơ, cùng tuyển-trích phần nào những thi-ca kim cò, mong đóng ít góp nhiều vào việc phát-huy những sắc-thái đáng yêu của tiếng nước nhà. Đó là những đối-tượng trình-bày của quyển « THƠ VIỆT ĐÁNG YÊU — LUẬT THƠ DỄ HIỂU » này.

* Trước hết, dưới đề-mục LUẬT GIÁN-THANH, chúng tôi khảo-sát phần nhạc-luật căn-bản, tức là qui-luật âm-thanh cho mọi thể văn vần.

Luật gián-thanh cũng không có gì là rắc-rối, chẳng qua chỉ là phép biến giọng, tạo nên âm-điệu trầm-bồng, để cho bài thơ tự nó có thể là một khúc ngâm, một điệu hát.

Tìm hiểu phần này, chúng ta sẽ thấy, Thơ mới, những câu 7 chữ lại cùng một âm-điệu với thơ Đường Luật, Cò Phong; còn loại 7 chữ của ta

trong Song Thất và Song Thất Lục Bát thì tiết nhịp khác hẳn, không dính-dáng gì đến thơ luật của Tàu. Và câu 8 chữ, tưởng là một sáng-tạo của thơ mới, thì lại đã từng thấy trong Hát Nói.

✱ Từ Luật Gián-Thanh, chúng ta sẽ lần-lượt đi vào CÁC THỂ THƠ.

THẺ LỤC BÁT rất quê-hương và cũng rất « dễ thương » với nhịp « 2 chữ — một » cố-hữu :

*Đố ai | quét sạch | lờ rờng |
 Đề ta | khuyên gió | gió đừng | rung cây |
 Sáng trắng | sáng cả | vườn chè |
 Một gian | nhà nhỏ | đi về | có nhau |*

Hay với nhịp « 3 — chữ — một » ở câu lục :

*Bao nhiêu cảnh | bấy nhiêu tình |
 Nước kia mây nợ như mình với ta.*

và :

*Ngủ đi em | mộng bình-thường |
 Ru em sẵn tiếng thùy-dương mấy bờ.*

Hoặc tân-kỳ hơn :

*Phận hồng-nhan | có mong-mạnh |
 Nửa chừng xuân thoát gẫy cành thiên-hương*

Điều thơ-của-mọi-người này còn chấp-nhận rất nhiều lối biến-thức — đề cho mọi người đều có thể làm thơ — và do đấy đã cung-hiến cho chúng ta một nền văn-chương bình-dân vô cùng phong-phú.

THẺ SONG THẤT LỤC BÁT, khuôn-phép hơn, âm-điệu rất nhịp-nhàng réo-rắt, thích-hợp cho các khúc ngâm dài, bi-thương hay hùng-tráng. Đây cũng là một điệu thuần Việt, bắt nguồn từ những câu ca-dao.

THẺ ĐƯỜNG LUẬT, tuy từ Trung-Hoa du-nhập vào, nhưng tiết-điệu lại phù-hợp với âm-luật của tiếng ta nên đã một thời cực thịnh. Điều mà chúng ta ngày nay không chấp-nhận được ở thề-tài này, không phải là luật bằng trắc hay cách gieo vần — mà hiện vẫn còn thấy trong Thơ Mới — nhưng chính là sự bắt buộc phải đóng khung bài thơ trong một số câu nhất-định, với một lối dàn ý nhất-định và một phép đối-ngẫu cần nhiều xảo-thuật hơn tâm-tư.

HÁT NÓI, một logi văn vần phối-hợp tất cả các thể Việt, Hán, giàu nhạc-điệu, khá phóng-túg, nếu bớt đi những câu chữ nhỏ kiểu-cách, hình-thức sẽ rất gần với Thơ Mới ngày nay.

Và THƠ MỚI — Có lẽ 300 năm sau vẫn gọi là mới — kể cả những bài phá thề, không hề thoát khỏi qui-luật âm-thanh hằng chi-phối thơ Việt.

Lợi-diềm của Thơ Mới là có thể vận-dụng tất cả những cung-cách cấu-tạo các thể tài sẵn có, rồi giữ nguyên hay biến-chế đi, loại bỏ những khuôn phép gò bó phi-lý, và thu-nhận cả của thơ Pháp ít nhiều phương-pháp diễn ý, gieo vần. Nhờ vậy mà hình-trạng của Thơ Mới thật phong-phú, có thể rất quen thuộc, mà cũng có thể rất mới mẻ.

✧ Sau cùng là phần TRÍCH-DIỄM.— Với khoảng trên 100 bài thơ của chừng 50 thi-sĩ, tuy ít-ôi, chúng tôi hy-vọng có thể giới-thiệu với các bạn phần nào những màu sắc tươi thắm của vườn thơ Việt.

Ở mỗi thể thơ, chúng tôi chọn, chỉ mỗi người một đôi bài, nhưng của nhiều nhà thơ khác nhau, thuộc các thể-hệ khác nhau. Như vậy, các bạn sẽ có dịp « ngâm-ngạ vài điệu cũ », thường-thức vài điệu mới, và mong rằng không đến nỗi nhàm chán.

Thể Lục Bát chẳng hạn, cạnh những câu hò, câu ví cho thấy điệu thơ đã được người bình-dân sử-dụng tài-tình thế nào với bao nhiêu lối biến-thức, còn có Nguyễn-Du (tất-nhiên), Nguyễn-Trãi, Trần-tế-Xương, Dương-Khuê, Tân-Đà ..., còn có Lưu-trọng-Lư, Nguyễn-Bính, Huy-Cận, Bàng-Bá-Lân ..., với cả Hoàng-Trinh, Trục-Vũ, Hồ-Dạ-Thảo, Hoàng-Thiên-Phương ...

Nghĩ cũng lạ ! Trong những câu trên 6 dưới 8, những nhà thơ hầu như không còn gì cách-biệt nhau nữa. Dầu bình-dân hay bác-học, cô-diền hay hiện-đại, tất cả như đều qui-tụ về một nơi, trong một lúc, và tưởng như tâm-hồn họ cùng có những rung cảm giống nhau. Phải chăng nếp sống và ngôn-ngữ của người dân, cùng với cảnh-trí của núi sông và vui buồn của lịch-sử đã tạo nên điệu lục bát, làm thành một phương-tiện chung cho những người thơ Việt-Nam phát-biểu những tình-cảm Việt-Nam nhất của mình ?

Mặt khác, ngoài những bài có thể-thức tùy-thuộc vào những điều kiến-giải, chúng tôi còn tuyển những bài mà cá-tính đặc-biệt không được đề-cập đến trong sách, như thơ 9 chữ của Thanh-Thanh, thơ 2 chữ của Nguyễn-Vỹ, thơ trào-phúng của Tú-Mỡ, của Hà-thượng-Nhân, và thơ nói lên lòng triu-mến đối với tất cả những gì thuộc về quê-hương xứ-sở, từ những trang sử đẹp đến mảnh đất, dòng sông, câu hò ... của Vũ-hoàng-Chương, Tường-Linh, Kiên-Giang, Huy-Lực, Thế-Viên

Dù sao, những vần thơ trích ở đây cũng chỉ là phần không đáng kể trong thi-phẩm của từng thi-sĩ và càng không đáng kể so với kho tàng thi-ca Việt.

Chúng tôi cũng xin trân-trọng gửi đến các nhà thơ, nhà văn có bài trích trong sách chúng tôi những lời thành-thật xin lỗi, vì trong hoàn-cảnh hiện-tại, đã không thể gửi thư đến từng vị để xin phép.

VI

Mong rằng quyển sách nhỏ này — kết-quả những năm dạy học của chúng tôi — có thể giúp các bạn trẻ yêu thơ, nhất là các bạn học-sinh, chút ít tài-liệu để các bạn tự mình tìm hiểu thêm, bổ-túc cho những gì học được ở nhà trường, về ngôn-ngữ và thi-ca nước nhà.

H.T.T.



LUẬT
GIÁN - THANH

LUẬT GIÁN THANH

Chúng ta đều biết rằng, thoạt tiên chỉ có những câu hát mà chưa có những bài thơ, hay nói một cách khác, thơ và nhạc chỉ là một. Mãi về sau mới có sự phân-hóa giữa thơ và nhạc bác học, nhưng là một sự phân-hóa không rõ-ràng, dứt-khoát, vì trong nhạc vẫn còn thơ và trong thơ vẫn còn nhạc.

Trong một bài thơ, trường-độ chậm nhanh là tùy ở cách diễn ngâm, nhưng cung-bậc bằng trầm đã sẵn. Những cung-bậc này cao thấp là tùy-thuộc ở các dấu giọng « huyền, không, nặng, hỏi, ngã, sắc », mà người ta tổng-hợp lại bằng hai dòng thanh : bằng và trắc.

Đề cho thơ có nhạc, khi bố-trí âm-thanh, sử-dụng bằng trắc, các thi-gia đều mặc-nhiên tuân theo một qui-luật chung gọi là Luật Gián-Thanh.

Vậy Luật Gián-Thanh chi-phối âm-luật của tất cả thơ ta, từ các thể thuần Việt như Lục Bát, Song Thất Lục Bát, thể hỗn-hợp Việt Hán như Hát Nói, các thể thuần Hán như Đường Luật, Cồ-Phong cho đến cả Thơ Mới dù bất cứ loại nào (1).

Gián-Thanh có nghĩa là đổi thanh, nhằm vào những tiếng cuối mạch. Một câu thơ thường có 2, 3 hoặc 4 mạch, những tiếng cuối mạch, thanh phải nghịch nhau, tiếng này bằng thì tiếng kia trắc.

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG ĐẤT NƯỚC

Tôi đã đi

Từ Cà-Mau | ra Bến Hải |

Tôi đã dừng lại |

Khắp các nẻo đường |

Nước xanh màu | bát-ngét | đại-dương |

Hay trùng-diệp | núi rừng | cao-nguyên | đất đỏ |

(1) Nhưng không bao gồm thơ Tự-Do, ngoài phạm-vi khảo-luận của sách này.

Tôi đã qua

Khắp các | đô-thành | nguy-nga | to nhỏ |

Bãi bể | đồi thông |

Lúa Hậu-giang | bát-ngát | ngập đồng |

Dừa Bình-Định | tô xanh | miền cát trắng |

Tôi đã gặp

Cô gái | sông Hương | tóc thề | bay trong nắng |

Vành nón | nghiêng-nghiêng | che cả | bầu trời |

Tôi đã về |

Miền quê nhỏ | xa xôi | ...

Trưa buồn tẻ | theo tiếng gà | eo óc | ...

Tôi đã | theo xe |

Qua những | quăng đường | gian-nan | khó-nhọc |

Đà-lạt | Plei-ku |

Đất đỏ | lên hương | gió bụi | mịt-mù |

Cảnh xơ-xác | hay thẩn tiên | quái-dị |

Tôi đã nghĩ lại

Đêm trăng rằm | Quảng-Trị |

Nằm nghe sông | Bến Hải | khúc chia đôi |

Một chiếc cầu | mà hai nhịp | xa-xôi |

Vàng trắng xẻ | đôi phần | ngăn cách | ...

Tôi đã ghé

Đồng U-Minh | qua bao bụi bờ | sông lạch |

Nước phèn chua | bụi rậm | quần chân giày |

Đêm không mừng | mặc cho muỗi | no say |

Sao thồn-thức | trên đọt cây rừng | cô-quạnh |

Tôi ở lại |

Thủ-đô chiều | mưa tạnh |

Đời dâng lên | những làn má | căng tròn |

Bàn tay gầy | xoay mạnh | chiếc ly con |

Bao mộng-tưởng | ngất-ngây | cùng hớp rượu |

Tôi đã về

Phan-Rang | với Tháp Chàm | kỳ cựu |

Canh trường say | trong giấc ngủ | ru con |

Giọng hời... hời | ... náo-nuột | héo-hon |
Nghe nức-nở | tưởng như chùng | đứt ruột |

Tôi đã | lang-thang |
Giữa đồn-diền | Bận-Mê-Thuật |
Ly cà-phê | chôn tiếng gọi | lên đường |
Trống bập-bùng | đêm dạ hội | trên truông |
Hoảng sợ quá | lóa-lò | cô gái Thương | ...

Tôi đã ngồi
Trên đập | Đồng-Cam | khi nắng chiều | đổ xuống |
Theo nước về | cho đồng ruộng | thêm tươi |
Đôi vợ chồng | tát nước | hò ơi ! |
Gàu nước đổ | theo tiếng lòng | hối-hả |

Những nẻo đường đã qua
Từ quanh-co | khúc-khuỷu | ở thôn quê |
Hay đại-lộ | phẳng-phiu | tấp-nập | kẻ đi về |
Thơm biết mấy | những nẻo đường | đất nước |

Những người | tôi gặp được |
Dầu lạ | hay quen |
Dầu kẻ | giàu sang | lam-lũ | nghèo-hèn |
Dầu cụ già bảy mươi | cô gái ngây-thơ mười tám |
Dầu chị | sinh viên | trắng xanh |
Hay bác | nông dân | đen xạm |
Dầu Bác | Nam Trung |
Ôi đẹp | làm sao | duyên thắm | vô cùng |
Tôi yêu cả | những con người | đất Việt |

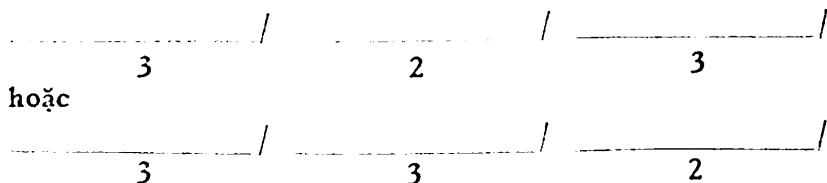
Những chuyến đi | qua rồi | tôi rất tiếc |
Làm sao | sống lại | những con đường |
Làm sao về | gặp lại | kẻ yêu thương |
Tôi ao ước | chuyến đi dài | bất tận | ...

HUY-LỤC

Bài thơ trên đây gồm những câu dài ngắn không đều, thề-thức tự-do, không theo một khuôn phép nào cả, nhưng không vì thế mà ngang giọng, khó nghe; trái lại nhạc-điệu rất dôi-dào. Chính là vì hầu hết các câu đã theo đúng « phép đòi thanh » vậy.

Tuy nhiên, Luật Gián-Thanh áp-dụng vào những tiếng nào trong câu là tùy số chữ của câu, nhất là tùy thề-tải của bài thơ mà chúng ta có thể ghi nhận như sau:

● 1.— CÂU 8 CHỮ, HÁT NÓI và THƠ MỚI cũng có cách ngưng nhịp giống nhau. Thông thường câu thơ chia làm 3 mạch. Riêng mạch đầu 3 chữ, còn 2 mạch sau, nếu mạch này 2 chữ thì mạch kia 3 chữ :



CHƠI HỒ TÂY

Thuyền lan nhè nhẹ
 Một con thuyền | đứng-đình | dạo hồ Tây |
 Sóng rập-rờn | sắc nước | lẫn chiều mây |
 Bát-ngát nhè ghẹo người du-lãm
 Yên thủy mang mang vô hạn cảm
 Ngư-long tịch tịch thực đồng tâm
 Rượu lưng bầu | mong mỗi | bạn tri-âm |
 Xuân vắng vẻ | biết cùng ai | ngâm họa |
 Gió hây hây nức mùi hương xạ
 Nhác trông lên | vách phấn | đã đôi bài |
 Thơ ai xin họa một vài.

(Hát nói)
 NGUYỄN-KHUYẾN



... Làng tôi ở | vốn làm nghề | chài lưới |
 Nước bao vây | cách biển | nửa ngày sông |
 Khi trời trong | gió nhẹ | sớm mai hồng |
 Dân trai tráng | bơi thuyền | đi đánh cá |
 Chiếc thuyền nhẹ | hăng như | con tuấn mã |
 Phăng mái chèo | mạnh mẽ | vượt trường giang |

(Quê-hương)
 T. H.



Những tiếng cuối mạch :

t b t
hoặc
b t b



Thỉnh-thoảng ta cũng gặp những bài có một đôi câu 4 mạch xen vào giữa những câu 3 mạch :

_____/ _____/ _____/ _____/

2 2 2 2

Trong bài « Hương-Sơn Phong-Cảnh », hát nói, của Chu-Mạnh-Trình :

... Thoảng bên tai một tiếng chày kình
Khách tan hải giặc mình trong giấc mộng
Này suốt | Giải Oan | này chùa | Cửa Võng |
Này am | Phật Tích | này động | Tuyết Quỳnh |
Nhác trông lên ai khéo vẽ nên hình
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt...

Trong bài « Tình tự », thơ mới, của H.C. :

Sáng hôm nay lòng em như tử áo
Ý trong veo là-lướt xếp từng đôi
Áo đẹp | chưa anh | hoa thắm, thêu đời |
Áo mơ ước anh bận giùm chiếc nhé
Vàng rạng | cùng xanh | hồng cười | với tía |
Xin mời anh chọn hình sắc yêu đương
Hồn em đầy đủ muôn ánh nghệ-thường
Anh hãy bận hồn em màu sáng chói...

Trong bài « Dân Ca » thơ mới, của Tường-Linh :

... Triều sóng | Bạch-đăng | vó ngựa | Quang-Trung |
Nòng súng kíp mũi tầm vông đề-kháng
.....
Giọng hò khoan xứ Quảng chứa-chan tình
Sông Hậu | sông Tiền | lời chị | lời anh |
Duyên phù-sa đậm đà câu vọng-cô...

Đối thanh trong những câu 4 nhịp :

a) b đối t — t đối b

hoặc :

 t đối b — b đối t

b) t đối b đối t đối b

hoặc :

 b đối t đối b đối t



● 2.— CÂU 7 CHỮ, loại song thất, trong *HÁT NÓI* và *SONG THẤT LỤC BÁT* :

_____ / _____ / _____ /
 3 2 2

... *Thương cái cò | lặn lội | bờ sông |*
Tiếng nỉ non | gánh gạo | đưa chồng |
Ngoài nghìn dặm | một trời | một nước |
Trông bóng nhận | băng khuâng | từng bước |
Nghe tiếng quên | khắc khoải | năm canh |

(Hát nói)

Gánh gạo đưa chồng
NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

... *Nào hãy đến | Tản-Đà | cốc tử |*
Quẻ càn khôn | bói thử | xem sao |
Xem tài thầy thấp hay cao
Mười câu họa có câu nào sai chẳng
Dù thầy có | tán trắng | tán cuội |
Nghe nhà thơ | lời nói | văn hoa |
Nhất khi rượu đã khê-khà
Tán đâu ra đấy đậm-đà có duyên.

(Song thất lục bát)

TẢN-ĐÀ CỐC-TỬ — T.M.

 b t b
hoặc :
 t b t



● 3.— CÂU 7 CHỮ, ĐƯỜNG LUẬT CỒ-PHONG và THƠ MỚI cách ngắt mạch như sau :

_____ / _____ / _____ /
 2 2 3

Riêng mạch cuối, chữ thứ ba tùy theo cách gieo vần mà dùng thanh cho thích-hợp, chữ thứ hai là chữ đối thanh với mạch giữa :

VẤN NGUYỆT

Trải mấy | thu nay | vẫn hăy còn |
 Cớ sao | khi khuyết | lại khi tròn |
 Hỏi con | ngọc thỏ | chùng bao tuổi |
 Chớ chị | hằng-nga | đã mấy con |
 Đêm thắm | cớ chi | soi gác tía |
 Ngày xanh | còn cứ | thẹn vùng son |
 Năm canh | lơ-lửng | chờ ai đó |
 Hay có | tình chi | với nước non |

(Đường luật)
 NGUYỄN-VĂN-SIÊU



... Trời Nam | riêng một | cõi doanh bông |
 Sơn thủy | thiên-nhiên | cảnh lạ-lùng |
 Bắc-đầu | Nam-tào | chia tả hữu |
 Huyền-đăng | trăm ngọn | đá chông-vông |
 Mấy chòm | cỏ thụ | bóng sầm uất |
 Một dãy | cao phong | thế trập-trùng |

(Cồ phong)
 Phong-cảnh Kiếp-Bạc
 PHAN-KẾ-BÍNH



... Gió thổi | sân trường | chiều chủ nhật |
 Ôi thời | thơ bé | tuổi mười lăm |
 Nắng hoe | rải nhạt | hoa trên đất |
 Đời dịu | vừa như | nguyệt trước rằm |

Bốn vách | nghiêm-trang | tiếng học bài |
 Đầu xanh | dăm chục | nét văn-khôi |
 Chiều xuân | chim sẻ | vô trong lớp |
 Ông giáo | trông lên | chúng bạn cười | ...

(Thơ Mới)
 Học sinh — H.C.

	2	4	6
	b	t	b
hoặc	t	b	t

Trong Thơ Mới thỉnh-thoảng ta cũng gặp một đôi câu có cách điệu của thể song thất:

_____ / _____ / _____ /
 3 2 2

... Gạo móng chim thơm mùi rạ ngọt
 Nấu ồi Hòn Đất, lò Hòn Me
 Chụm than đượm lửa lòng cây đước
 Ôi! lửa Cà-mau đẹp bóng quē

Tàu mật cật | em chằm | nón lá
 Anh đội đầu | che nắng | chang-chang |
 Sáng cây, khuya cấy, chiều giăng lưới,
 Anh nhớ tâm-tình gái Hậu-giang.

(Thơ mới)
 Đẹp Hậu-Giang — KIÊN-GIANG



- 4.— CÂU 6 CHỮ, trong thể LỤC BÁT và THƠ MỚI, thông thường là 3 mạch:

_____ / _____ / _____ /
 2 2 2

CÂY THÔNG

Ngồi buồn | muốn trách | Ông xanh
 Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười
 Kiếp sau | xin chớ | làm người |

Làng ta phong-cảnh hữu tình
 Dân-cư giang-khúc như hình con long
 Nhờ trời hạ kế sang đông
 Làm nghề cày cấy vun trồng tốt-tươi
 Vụ năm cho đến vụ mười
 Trong làng kẻ gái người trai đua nghề
 Trời ra, gắng | trời lặng, về |
 Ngày ngày tháng tháng nghiệp-nghề truân-chuyên
 Dưới dân họ | trên quan-viên |
 Công-bình giữ mực cầm-quyền cho thay

(Co-doo)

Đổi thanh trong những câu 2 mạch :

t

b



● 5. — CÂU 8 CHỮ, điệu LỤC BÁT, có 4 mạch, nhưng 2 mạch cuối đều bằng cả nên không đổi bằng với trắc mà đổi đoạn bình thanh (tiếng không dấu) với trường bình thanh (tiếng có dấu huyền) :

_____/ _____/ _____/ ____/
 2 2 2 2

— Sắc trời trôi nhạt dưới khe
 Chim đi | lá rụng | cành nghe | lạnh buồn

H. C.

— Làm trai cho đáng nên trai
 Xướng đông | đông tĩnh | lên đoài | đoài tan |

(Co-doo)

	b	t	b	(đbt)	b	(tht)
hoặc	b	t	b	(tbt)	b	(đbt)



● 6. — NHỮNG CÂU 5 CHỮ, 4 CHỮ

a) Câu 5 chữ có 2 mạch :

_____/ ____/
 2 3

*Khắc-khoải | cầm canh |
Cho đêm | cầm thú |
Súng đạn | vang lời |
Kính-hồn | vũ-trụ |
Bé thơ | nằm ngủ |
Trên môi không cười*

(Thơ mới)
TRỤ-VŨ



*... Chèo bẻ | bơi trăng | buồm mây | giọng gió |
Sớm ngọn | Tương kia | chiều hang | Vũ nọ |
Vùng-vẫy | Giang, Hồ | Tiêu-đạo | Ngô, Sở | ...*

Phủ sông Bạch-Đằng
ĐÔNG-CHÂU dịch

	t	b
hoặc	b	t

Tuy vậy, những câu từ 5 chữ trở xuống có thể xem như chỉ là một mạch của một câu dài, nên luật gián-thanh trong câu không cần-thiết nữa. Nhạc điệu bài thơ tùy-thuộc vào sự hòa-hợp âm-thanh giữa những tiếng cuối trong một đoạn từ 2 đến 4 câu. Do đấy ngay đến những nhà nho xưa, khi làm thơ 5 chữ, cũng tránh lối Đường-luật quá khắt-khe về bằng trắc và thường dùng lối cồ-phong phóng-túg hơn.

VỊNH HAI BÀ TRUNG

*Nước nhà gặp cơn bĩ
Trách-nhiệm gái trai chung
Quyết lo đền nợ nước
Há những vị thù chồng
Tham-tàn căm tước Chêch
Tai mắt tử nời Hồng
Em ơi, đứng cùng chị
Thù riêng mà nghĩa công
Xin đem phận bồ-liễu
Đánh liêu với non sông*

Một trận đuổi Tô-Định
 Quân lâu đuổi chạy cong
 Lĩnh-nam bảy mươi quận
 Mặc sức tay vẫy-vùng
 Mê-linh dựng nghiệp-đế
 Độc-lập nêu cờ hồng
 Bốn năm trước tự-chủ
 Nhi-nữ cũng anh-hùng

(Cồ-phong)
 DƯƠNG-BÁ-TRẠC



TIẾNG THU

Em không nghe mùa thu
 Dưới trăng mờ thồn-thức
 Em không nghe rạo-rực
 Hình ảnh kẻ chinh-phu
 Trong lòng người cô-phụ
 Em không nghe rùng thu
 Lá thu kêu xào-xạc
 Con nai vàng ngơ-ngác
 Đạp trên lá vàng khô

(Thơ mới)
 L. T. L.



TỰ-THÁN

Lấy ngu làm khôn
 Lấy vụng làm khéo
 Vào đâu cũng hợp
 Không tròn không méo
 Biết mình đỡ lo
 Nhường người khỏi hận
 Tự được ganh hơn
 Không bằng yên phận

(Cồ-phong)
 ƯU-THIÊN BÙI-KỶ



CON SÂU

*Con sâu xấu xí
Lột xác nhọc-nhăn
Thành con bướm-bướm
Muôn sắc rỡ-ràng*

*Người thơ nghèo khổ
Mực hòa thương đau
Trào ra ngòi bút
Hàng hàng ngọc châu*

(Thơ mới)
HOÀNG-NGỌC-KHÔI



● 7.— CƯỠC-CHÚ :

a) — Đối-thanh chỉ kẻ bằng đối trắc ; nhưng cũng có những trường-hợp đối *đoản bình-thanh* với *trường bình-thanh* như các chữ 6 và 8 của câu bát trong thể lục-bát. Ngoài ra thi-nhân cũng cho đối thanh như vậy vào những lúc không có đối bằng với trắc.

LIÊN-TƯỞNG

*Một con kiến vàng
Bò trên lá xanh
Em chợt nghĩ rằng
Tình yêu của anh*

LUÂN-HOÁN

Cách đối thanh giữa những tiếng cuối câu như trên cũng tạo được âm-hưởng cho bài thơ. Nếu dùng toàn *đoản bình-thanh* hoặc *trường bình-thanh*, bài thơ sẽ « *khô-độc* ».

b) — Vì thanh bằng vốn êm tai nên ta thường gặp trường-hợp trong một câu 3 nhịp, nhịp đầu đáng lẽ trắc, có thể đổi ra bằng.

*... Ngòi đầu cầu | nước trong | như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non*

Chinh-Phụ ngâm — ĐOÀN-THỊ-ĐIỀM

... Bến My-Lăng | thuyền không | nằm đợi khách |
 Rượu hết rồi ông lái chẳng buồn câu
 Trắng thì đầy | rơi vàng | trên mặt sách |
 Ông lái buồn đề gió lên mơn râu

Bến My-Lăng – YẾN-LAN



● 8.— Thử KHẢO-SÁT LUẬT GIẢN-THANH trong vài lối văn vần đặc-biệt :

a) — *Bình Ngô Đại Cáo*.— *Cáo* là một lối văn có đối, không cần vần, không có sự qui-dịnh chặt-chẽ về âm-thanh cách điệu.

Sau khi chiến-thắng quân Minh, Lê-Lợi bá-cáo cho nhân-dân rõ công-cuộc mười năm diệt giặc cứu nước. Nguyên-văn bằng chữ Hán của Nguyễn-Trãi.

Mấy đoạn dưới đây là trích ở bản dịch của Ưu-Thiên Bùi-Kỷ :

.

Ta đây :

Núi Lam-sơn | dấy nghĩa |
 Chốn hoang-dã | nương mình |
 Ngắm non sông | cảm nỗi | thế thù
 Thề sống chết | cùng quân | nghịch tặc |
 Đau lòng | nhức óc | chốc đà | mười mấy | nắng mưa |
 Nếm mật | nằm gai | há phải | một hai | sớm tối |

.

Đem nhân-nghĩa | dễ thắng | hung-tàn |
 Lấy chí nhân | mà thay | cường-bạo |
 Trận Bồ-dăng | sấm vang | sét dậy |
 Miền Trà-tân | trúc phá | tro bay |
 Sĩ-khí | đã hằng |
 Quân-thanh | càng mạnh |
 Trần-Trí | Sơn-Thọ | mất vía | chạy tan |
 Phương-Chính | Lý-An | tìm đường | trốn tránh |
 Đánh Tây-kinh | phá tan | thế giặc |
 Lấy Đông-đô | thu lại | cõi xưa |
 Dưới Ninh-kiều | máu chảy | thành sông |
 Bên Tuy-động | xác đầy | ngoài nội |

Trần-Hiệp đã thiệt mạng |
 Lý-Lượng lại phôi thây |
 Vương-Thông | hết cấp | lo lường |
 Mã-Anh | khôn đường | cứu đỡ |
 Nó đã | trí cùng | lực kiệt | bó tay | không biết | tính sao |
 Ta đây | mưu phạt | tâm công | chẳng đánh | mà người |
 chịu khuất |

.
 Năm Đinh-mùi tháng chín
 Liễu-Thắng từ Khâu-ôn tiến sang
 Mộc-Thạnh | từ Vân-nam | kéo đến |
 Ta đã | đề binh | thủ hiểm | đề ngăn lối | Bắc-quân |
 Ta lại | sai tướng | chẹn ngang | đề tuyệt đường | lương
 đạo |

Mười tám, Liễu-Thắng thua ở Chi-lăng
 Hai mươi, Liễu-Thắng chết ở Mã-yên
 Hai mươi năm, Lương-Minh trận vong
 Hai mươi tám, Lý-Khánh tự vận
 Lưỡi đao ta | đương sắc |
 Ngọn giáo giặc | phải lụi |
 Lại thêm quân | bốn mặt | vây thành |
 Hẹn đêm rằm | tháng mười | diệt tặc |
 Sĩ tốt | ra oai | tì hổ |
 Thần thú | đủ mặt | trảo nha |
 Gươm mài đá | đá núi | cũng mòn |
 Voi uống nước | nước sông | phải cạn |
 Đánh một trận | sạch không | kình ngạc |
 Đánh hai trận | tan-tác | chim muông |
 Cơn gió to | trút sạch | lá khô |
 Tờ kiến hồng | sụt toang | dể cũ |
 Thôi-Tụ | phải quỳ | mà xin lỗi |
 Hoàng-Phúc | tự trói | đề ra hàng |
 Lạng-giang | Lạng-sơn | thây chết | đầy đồng |
 Xương-giang | Bình-than | máu trôi | đỏ nước |
 Ghê-gớm thay | sắc phong vân | phải đổi |
 Thảm-đạm thay | sáng nhật nguyệt | phải mờ |
 Bình Vân-nam | ghen ở | Lê-hoa | sợ mà | mất mặt |

Quân Mộc-Thạnh | tan chung | Cần trạm | chạy để | thoát
 thân |
 Suối máu | Lạnh-câu | nước sông | rền-rĩ |
 Thành xương | Đan-xá | cỏ nội | đầm-đìa |
 Hai mặt | cứu binh | cúi đầu | chạy trốn |
 Các thành | cùng khốn | cởi giáp | xuống đầu |
 Bắt tướng giặc | mang về | nó đã | vấy đuôi | phục tội |
 Thề lòng trời | bắt sát | ta cũng | mở đường | hiếu sinh |
 Mã-Kỳ Phương-Chính | cấp cho năm trăm chiếc thuyền | ra
 đến cửa | chưa thôi | trống ngực |
 Vương-Thông Mã-Anh | phát cho vài ngàn cỗ ngựa | về đến
 Tàu | còn đồ | mồ hôi | ...



TIẾNG TRÚC TUYỆT-VỜI (Thơ phá thề)

Tiếng địch thổi | đầu đây |
 Cớ sao nghe | réo-rất |
 Lơ-lửng | cao đưa | tận lưng trời | xanh ngắt |
 Mây bay | gió cuốn | mây bay |
 Tiếng vi-vút | như khuyển van | như diều-dặt |
 Như hắt-hiu | cùng hơi gió | heo may |
 Ánh chiều thu |
 Lướt mặt | hồ thu |
 Sương hồng lam | nhẹ lan | trên sóng biếc |
 Rặng lan già | xao-xác | tiếng reo khô |
 Như khua động | nỗi nhớ-nhung | thương tiếc |
 Trong lòng | người đứng | bên hồ |
 Cô em đứng | bên hồ |
 Nghiêng tựa | mình cây | dáng thẩn-thơ |
 Chừng cô tưởng | đến ngày vui | sẽ mất |
 Mà sắc đẹp | rờ ràng | rồi sẽ tắt |
 Như bóng chiều | dần khuất |
 Dưới chân trời |
 Cho nên cô nghe | tiếng trúc | tuyệt-vời |
 — Thồn-thức | với lòng cô | thồn-thức |

*Man-mác | với lòng cô | man-mác |
 Cô để | tâm-hồn | tê-tái | buâng-khuâng |*

*Ta muốn nâng
 Tấm khăn hồng | lau mắt lệ | cho ai |
 Vì ta sợ | má đào | kia phai |
 Cũng như ta đã ca |
 Khuyên ngày vui trở lại |
 Cùng với ánh | quang-minh | còn mãi |
 — Cho người | với cảnh | quên già |*

T. L.



TỔNG - BIỆT (Thơ cồ-phong)

*Lá đào | rơi-rác | lối thiên-thai |
 Suối tiền | oanh đưa | những ngậm-ngùi |
 Nửa năm | tiên-cảnh |
 Một bước | trần-ai |
 Ước cũ | duyên thừa | có thể thôi |
 Đá mòn | rêu nhạt |
 Nước chảy | huê trôi |
 Cái hạc | bay lên | vút tận trời |
 Trời đất | từ nay | xa cách mãi |
 Cửa động | đầu non |
 Đường lối cũ |
 Nghìn năm | thơ-thần | bóng trăng chơi |*

TÂN - ĐÀ

Mặc dầu những bài thơ này có thề-thức rất phóng-túg, Luật
 Giác-Thanh cũng đã chi-phối các câu thơ một cách hiên-nhiên vậy.







LỤC BÁT

LỤC - BÁT

... Ta đi ta nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

(Ca-dao)

Thơ lục - bát bắt nguồn từ những rung cảm nhẹ - nhàng của người dân quê nên luật thơ vừa giản-dị vừa rộng-rãi.

● I. — SỐ CHỮ, SỐ CÂU: Cứ một câu 6 chữ đến một câu 8 chữ. Ngắn thì 2 câu, dài đến bao nhiêu cũng không hạn-định.

● II. — CÁCH HIỆP VĂN: Thề lục-bát chỉ có văn bằng, nhưng lại có cả yêu-vận và cước-vận.

— Tiếng cuối câu lục vần với tiếng thứ sáu câu bát.

— Tiếng cuối câu bát vần lại với tiếng cuối câu lục.

Rồi cứ thế tiếp-tục cho đến hết bài.

... Vào vườn hái quả cau xanh
Bồ ra làm sáu mời anh ăn trầu
Trầu này tằm những với tàu
Giữa đềm cát cánh hai đầu quế cay
Trầu này ăn thật là say
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng...

(Ca-dao)

Câu lục có một vần cuối, câu bát có hai vần, một vần lưng và một vần cuối.

● III. — LUẬT BẰNG TRẮC: Thơ lục-bát không phải gò bó trong những luật-lệ khắt-khe, chỉ cốt nghe êm tai là được. Xét âm-luật của thề này, ta thấy có nhiều trường-hợp như sau:

— Trường-hợp thứ nhất :

ÔNG TRẮNG

Ta lên | ta hỏi | ông trắng |
 Họa là | ông có | biết chẳng | sự đời |
 Ông to | ông ở | trên trời |
 Hân ông | soi khắp | nước người | nước ta |
 Năm châu | cũng một | ông mà |
 Kề ra | thì lại | mỗi nhà | mỗi ông |

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

Khi nhịp ngắt ở những tiếng 2,4,6, thì luật gián-thanh áp-dụng vào những tiếng ấy.

câu lục	2	4	6	
	b	t	b	
câu bát	2	4	6	8
	b	t	b	b

Âm-diệu trên đây là âm-diệu chính-thức của thể lục-bát nên ta thường gặp hơn cả. Đoạn-Trường Tân-Thanh của Nguyễn-Du gồm 3254 câu, thì đến 3180 câu được đặt theo lối này.

— Trường-hợp thứ hai :

Thí-dụ 1 :

— Mai cốt cách | tuyết tinh-thần |
 Mỗi người một vẻ | mười phân vẹn mười |
 — Khi chén rượu | khi cuộc cờ
 Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

NGUYỄN-DU

— Bao nhiêu cảnh | bấy nhiêu tình |
 Nước kia mây nợ, như mình với ta.

TÂN-ĐÀ

— Biết thuốc lá | biết chè tàu |
 Cao-lâu biết vị, hồng-lâu biết mùi.

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

Khi nhịp ngưng vào giữa câu — chỉ kể câu lục — thì cũng chú-trọng đến sự đổi thanh của những tiếng cuối nhịp.

Câu lục ; 3 6
 t b

Câu bát : Vẫn giữ nhịp đôi, không thay đổi.

Thí-dụ 2 :

— *Đau đớn thay | phận đàn bà |*
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.
— *Ôi Kim-lang | hỡi Kim-lang.*
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.

NGUYỄN-DU

Một đôi khi nhà thơ không cần theo đúng luật gián-thanh, nhưng nhờ thanh bằng vốn sẵn êm tai nên câu thơ không vì thế mà khó đọc.

Câu lục : 3 6
 b b

— Trường-hợp thứ ba :

Con mèo | mà trèo | cây cau |
Hỏi thăm | chú chuột | đi đâu | vắng nhà |
Chú chuột | đi chợ | đường xa |
Mua mắm | mua muối | giỗ cha | con mèo |

(Ca-dao)

2	4	6	
b	b	b	
2	4	6	8
b	t	b	b
2	4	6	
t	t	b	
2	4	6	8
t	t	b	b

Bài ca-dao này có một đôi chỗ đọc lên không được êm tai là vì đã không theo đúng luật gián-thanh, mà những chữ đáng lẽ bằng lại dùng trắc.



KẾT-LUẬN.— Các trường-hợp nêu trên đây cho ta thấy rằng :
Trong thể lục-bát, những chữ hiệp vần lúc nào cũng bằng, còn
thanh của những chữ khác có thể thay đổi.

Cước-chú.— Câu bát, những tiếng 6 và 8 đều bằng cả, song
một tiếng đã là trường bình-thanh (dấu huyền) thì tiếng kia phải
đoản bình-thanh (không dấu).

— Nói lời phải giữ lấy lời
Đừng như con bướm đậu rồi (tbt) lại bay (đbt)
— Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen (đbt) nhụy vàng (tbt)
(Ca-dao)



◎ IV. — LỤC-BÁT BIẾN-THỂ. — Có hai cách biến-thể :
Thay đổi cách gieo vần hoặc thêm chữ trong câu.

1) Thay đổi cách gieo vần : Tiếng cuối câu lục vần với tiếng
thứ tư câu bát mà không vần với tiếng thứ sáu.

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
(Ca-dao)

Khi đã hạ vần như vậy, dĩ-nhiên tiếng thứ tư câu bát phải bằng ;
những tiếng 2 và 6 đổi ra trắc thì đọc mới thuận tai.

Câu lục :	Không thay đổi			
Câu bát :	2	4	6	8
	t	b (vần)	t	b

2) Thêm chữ trong câu

— Thêm chữ vào câu lục :

Muốn tắm mát lên ngọn sông đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.

(Ca-dao)

— Thêm chữ vào câu bát :

Qua đình ghé nón trông đình.
Đình bao nhiêu ngói dạ thương mình bấy nhiêu.

(Ca-dao)

Thêm chữ trong cả hai câu lục và bát :

*Gió đưa con buồn ngủ lên bờ.
Nhà ai có rộng cho tôi ngủ nhờ một đêm.*

(Ca-dao)



◎ V.— VÀI NHẬN-ĐỊNH VỀ ĐỊA-VỊ THỀ LỤC-BÁT TRONG VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM.

1) **Qua văn-chương bình-dân.**— Hầu hết ca-dao đều làm theo thề lục-bát hoặc lục-bát biến-thức, mà giá-trị của ca-dao thì ai ai cũng đã rõ. Có điều ta cần đề ý là trong khi vận-dụng thề văn vần này đề diễn-đạt tình ý, người dân quê cũng đã có nhiều chẽ-biến làm cho điệu thơ trở nên phong-phú. Cả trăm, nghìn lối hát khác nhau của người bình-dân ở mọi nơi đều dựa vào tiết nhạc của thề lục-bát rồi tùy-nghĩ thêm bớt lời, đổi cung-diệu mà thành. Vì vậy lục-bát là điệu thơ có nhiều lối biến-thề hơn cả ; và dấu bắt đầu với thề-cách nào chẳng nữa, bài ca-dao cũng thường được kết-thức bằng những câu 6,8 :

*Tới đây những tuổi cùng khe
Chân sim, bóng đá, tiếng ve gọi sầu.*



*Ai đi đường ấy xa xa
Đề em ôm bóng trắng tà năm canh.*



*Uống nước ta phải nhớ nguồn
Thấy non sông rộng nhớ ơn cao dày.*



*Trước bến Vân-Lâu
Ai ngồi ai câu
Ai sầu ai thảm
Ai thương ai cảm
Ai nhớ ai trông*

*Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đầy, chạnh lòng nước non.*



*Sông kia nước chảy đòi dòng
Đền khêu hai ngọn anh trông ngọn nào
Muốn tắm mát lên ngọn sông đào
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh
Đôi tay vin cả đôi cành
Quả chín thì hái, quả xanh thì đừng
Ba bốn năm nay anh ăn ở trong rừng
Chim kêu vượn hót, anh nửa mừng nửa lo
Sa chân lỡ bước xuống đò
Gieo mình xuống sạp còn lo nổi gì
Gặp nhau thiên tải nhất thì.*



*Anh đi em ở lại nhà
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ
Lầm than bao quản muối dưa
Anh đi anh liệu chen đua với đời.*



HÁT XÀM

*Sáng trăng vắng-vặc cái đêm trăng rằm
Nửa đêm là đêm về sáng chứ mới trăng bằng là [ngon cây tre
Anh trót yêu em cho trọn chứ bên một bể
Đề em là em thơ-thần chứ mới ngồi kể trăng này bóng?trăng
Cái sự tình này ai thấu chẳng là cho chẳng
Đề em là em thề nguyện chứ với bóng trăng em chịu?sầu
Cái mối tương-tư một nhịp chứ đôi ba câu
Bắc Nam mà hai ba ngả, chứ chịu sầu đôi ba nơi...*



Khăn thương nhớ ai
 Khăn rơi xuống đất
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn vắt lên vai
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn chùi nước mắt
 Đèn thương nhớ ai
 Mà đèn không tắt
 Mắt thương nhớ ai
 Mắt ngủ không yên
 Đêm qua em những lo phiền
 Lo vì một nỗi không yên mọi bề.



HÁT ĐỐ

— Ở đâu năm cửa, nàng ơi
 Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng
 Sông nào bên đục bên trong
 Núi nào thất cô bông mà có thánh sinh
 Đèn nào thiên nhất tỉnh Thanh
 Ở đâu lại có cái thành tiên xây
 Ở đâu là chín từng mây
 Ở đâu lắm nước, ở đâu nhiều vàng
 Chùa nào mà lại ở hang
 Ở đâu lắm gỗ thồi nàng biết không
 Ai mà xin lấy túi đồng
 Ở đâu lại có con sông Ngân-Hà
 Nước nào dẹt gấm thêu hoa
 Ai mà sinh ra cửa, ra nhà, nàng ơi
 Kìa ai đội đá, vá trời ?
 Kìa ai trị thủy cho đời được yên ?
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời
 Xin em giảng rõ từng nơi từng người.

— Thành Hà-Nội năm cửa chàng ơi
 Sông Lục-đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng

Nước sông Thương bên đục bên trong
 Núi đức Thánh Tản thất cồ bông mà lại có thánh sinh
 Đền Sòng thiêng nhất tỉnh Thanh
 Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây
 Trên trời có chín từng mây
 Dưới sông lấm nước, núi này lấm vàng
 Chùa Hương-Tích mà lại ở hang
 Trên rừng lấm gỗ thời chàng biết không
 Ông Nguyễn-Minh-Không xin được túi đồng
 Trên trời lại có con sông Ngân-Hà
 Nước Tàu dệt gấm thêu hoa
 Ông Hữu-Sào sinh ra cửa, ra nhà chàng ơi
 Bà Nữ-Oa đội đá vá trời
 Vua Đại-Vũ trị thủy cho đời yên vui
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời
 Em xin giảng rõ từng nơi, từng người.



MẤY CÂU HÒ ĐỐI-ĐÁP TRÊN SÔNG

...Một ánh đèn nho nhỏ chói lênh-bềnh giữa sông, từ từ trôi lại như cố ý đón đầu:

— Hò ơ... thân anh như con phụng lạc bầy,
 Thấy em lẻ bạn, anh muốn vầy duyên loan.

Câu rao ấy thuộc về loại tầm - thường. Nhưng cảm mến cái giọng trai ấm-áp, con Bầy hát lại:

— Gặp mặt anh đây, em muốn vầy hai họ
 Sợ vợ anh ở nhà tiếng nọ tiếng kia.

Khách cười to:

— Anh nói với em, anh đã có vợ nhà,
 Vợ thì mặc vợ, anh xử hòa thì thôi.

Thừa lúc con Bầy đang rối trí, khách hò thêm một hơi:

— Anh thương em, thương quẩn, thương quít,
 Bồng ra gốc mít. Bồng xít gốc chanh.

Bồng quanh đám sậy. Bồng bậy vô mui.
 Bồng lui sau lái. Bồng ngoáy trước mũi.
 Đặt em nằm xuống đây...
 Kề từ khi em đau ban của lưới trắng, miệng đắng cơm hôi,
 Tiếc công anh đỡ đứng bằng gối,
 Bây giờ em vinh-hiền... em bắt anh đi bán nôi làm chi?

Ý trách người tình-nhân bạc bẽo! Trí nhớ của con Bầy bao giờ cũng có cách sẵn-sàng ứng phó:

— Bánh bờ một vốn, ba bốn đồng lời.
 Khuyên anh ở nhà cứ việc ăn chơi,
 Đề em đi bán kiếm ít tiền lời,
 Trước nuôi ba với má, sau lại nuôi mình;
 Cũng là tưởng nghĩa tưởng tình,
 Ai dè anh bạc nghĩa, em phải ở một mình bơ vơ!

Khách bên xuồng nọ lên tiếng:

— Ở nàng ơi!
 Kiến nghĩa bất vi vô dồng giả,
 Lâm nguy bất cứu mặc anh-hùng.
 Nàng còn nghĩ phận chữ từng.
 Thì trao dây xích buộc vòng sau đây.

Tức thì khách quày xuồng đi trước, rủ con Bầy tranh tài với khách. Nào chịu thua, con Bầy liền bơi theo sau.

Mái chèo phía trước nhịp-nhàng:

— Đêm khuya anh thức dậy xem trời:
 Anh thấy sao Nguyệt-Bạch.
 Ngó xuống lòng rạch:
 Anh thấy con cá chạch nó lội đỏ đuôi.
 Nước chảy xuôi, con cá xuôi nó lội ngược,
 Nước chảy ngược, con cá ngược nó lội theo.
 Anh than với em rằng số phận anh nghèo,
 Dũa tre đâu dám đánh dèo với dũa mun.

Giọng con Bầy lãnh-lót đuôi theo:

— Canh khuya em thức dậy
 Em lau nĩa, rửa đĩa, dọn bàn,

Tay em san rượu chát
Miệng em hát một đôi câu.
Trên lầu kia tiếng chuông đánh rộ.
Dưới nhà việc trống đồ tàn canh.
Em đây lịch-sự chi đó mà đi đâu năm bảy người giành ?
Giả như con cá kia ở chợ, dạ ai đành nấy mua...

SƠN-NAM
(Hương Rừng Cà-Mau)



2) Qua văn-chương bác-học cổ-diễn.

Điều lục-bát còn gọi là « truyện », nghĩa là các nhà nho chỉ dùng mỗi thề-tài này để viết những truyện bằng chữ nôm như Quan-Âm Thị-Kính, Bích-câu kỳ-ngộ, Nhị-Độ-Mai, Phan-Trần, (vô-danh) Hoa-Tiên truyện của Nguyễn-huy-Tự, Đoạn-trường Tân-thanh của Nguyễn-Du, Lục-Vân-Tiên của Nguyễn-dinh-Chiều...

Tính-cách thông-dụng đã rõ-rệt, mà khả-năng phô-diễn của điệu thơ cũng thật dồi-dào.

Đoạn-trường Tân-thanh gồm trên 3.000 câu cùng một thề lập đi lập lại mãi, người đọc chẳng những đã không chút nhàm chán mà còn được những văn, điệu của quyền truyện lời cuốn một cách say sưa. Nguyên-do, ngoài yếu-tố thiên-tài của Nguyễn-Du, còn phải kể đến âm-điệu uyên-chuyên phong-phú của thề lục-bát.

Đọc Tản-Đà, Chu-mạnh-Trinh, Trần-tế-Xương, Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn-Trãi, ta còn gặp một số bài lục-bát ngắn mà giá-trị không hề kém các bài Đường-luật, Cờ-phong hay Hát nói của chính họ.



ĐÔI THAY

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi dò!

TRẦN-TẾ-XƯƠNG



HỎI TRỜI

*Ta lên ta hỏi ông trời
 Trời sinh ta ở trên đời làm chi
 Biết chẳng hay chẳng biết gì
 Biết ngồi nhà hát, biết đi ả-đào
 Biết thuốc lá, biết chè tàu
 Cao-lâu biết vị, hồng-lâu biết mùi.*

TRẦN-TÉ-XƯƠNG



MONG ĐỢI

*Năm năm, tháng tháng, ngày ngày
 Lăn lăn, lữa lữa, rày rày, mai mai
 Có ai ta cũng thế này
 Không ai ta cũng như ngày có ai.*

DƯƠNG-KHUÊ



THÀNH HÀ-NỘI

*Phất-phơ ngọn trúc trắng tà
 Tiếng chuông Trấn-vũ canh gà Thọ-xương
 Mịt-mù khói tỏa ngàn sương
 Nhịp chày An-thái, mặt gương Tây-hồ.*

DƯƠNG-KHUÊ



TÂM - SỰ

*Chiếc thuyền lơ-lửng bên sông
 Biết đem tâm-sự ngổ cùng ai hay
 Chắc chi thiên-hạ đời nay
 Mà đem thân-thể làm rầy chiêm-bao
 Đã buồn vì trận mưa rào
 Lại đau vì nổi ào ào gió đông*

*Mây trôi nước chảy xuôi dòng
Chiếc thuyền lơ-lửng bên sông một mình.*

NGUYỄN-TRÃI



THỀ NON NƯỚC

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non
Nhớ lời «Nguyện nước thề non»
Nước đi chưa lại, non còn đứng không
Non cao những ngóng cùng trông
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày
Xương mai một nắm hao gầy
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương
Trời tây ngã bóng tà-dương
Càng phôi vè ngọc, nét vàng phôi-pha
Non cao tuổi vẫn chưa già
Non thời nhớ nước, nước mà quên non
Dù cho sông cạn đá mòn
Còn non còn nước, hãy còn thề xưa
Non cao đã biết hay chưa
Nước đi ra bề lại mưa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non nước nước chưa nguôi lời thề.*

TẢN-ĐÀ



ĐIÊN

*Ao ào gió thổi,
Liệng liệng cò bay.
Hay hơi là hay!
Lạ ơi là lạ!*

Giữa rừng rụng tử rơi hồng
 Cắm thương con chim nhận vợ chồng bắc nam
 Mệt mờ khói tỏa động Lam
 Triết-vương khuất mặt, Cờ-âm lạnh-lùng
 Tơ lý hồng, tơ lý hồng, hồng tơ, hồng tơ lý hồng
 Phương này có sông, sông Nhị-Hà, sông Nhị-Hà, sóng kêu
 dòn dã
 Phương này có núi, núi Ba-vì, núi Ba-vì, khuất ngả lâu tây
 Đầy mong chồng, cho đây nhớ vợ
 Đầy mong chồng, cho đây nhớ vợ
 Mạnh chung tình phân trở đôi nơi
 Đôi nơi chung dưới một trời
 Lúc sầu, lúc oán, lúc giận, lúc cười, ới hơi lại tươi.

TẢN-ĐÀ



CẨM THU, TIỄN THU

Từ vào thu đến nay
 Gió thu hiu-hắt
 Sương thu lạnh
 Trăng thu bạch
 Khói thu xây thành
 Lá thu rơi rụng đầu ghềnh
 Sông thu đưa lá bao ngành biệt-ly
 Nhận về én lại bay đi
 Đêm nghe vượn hót ngày thì ve ngâm
 Lá sen tàn-tạ trong đầm
 Nặng mang giọt ngọc âm-thầm khóc hoa
 Sắc đâu nhuộm ở quan-hà
 Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà-dương
 Nào người cố lý tha-hương
 Cẩm thu ai có tư-lường hơi ai !
 Nào những ai
 Bầy thước thân nam-tử
 Bốn bề chí tang-bồng
 Đường mây chưa bằng cánh hồng
 Tiêu-ma tuế-nguyệt, ngại-ngùng tu-mi

Nào những ai
 Sinh-trưởng nơi khuê-các
 Khuya sớm phận nữ-nhi
 Song the ngày tháng thoi đi
 Vương tơ ngắm nhện lơ thì thương hoa.

Nào những ai
 Tha-phương khách thổ
 Hải giác thiên nha
 Ruột tằm héo, tóc sương pha
 Gốc phần chạnh tưởng quê nhà đòi cơn

Nào những ai
 Cù-lao báo đức
 Sinh dưỡng đến ơn
 Kinh sương nghĩ nỗi mền đơn
 Giàu sang bắt nghĩa mà hơn nghèo hèn.

Nào những ai
 Tóc xanh mây cuốn
 Má đỏ hoa ghen
 Làn chơi duyên đã hết duyên
 Khúc sông trăng dài con thuyền chơi-vơi.

Nào những ai
 Dọc ngang trời rộng
 Vùng-vẫy bề khơi
 Đội trời đập đất ở đời
 Sa cơ thất thế quê người chiếc thân.

Nào những ai
 Kê vàng tỉnh mộng
 Tóc bạc thương thân
 Vèo trông lá rụng đầy sân
 Công-danh phù thế có ngần ấy thời.

Thôi nghĩ cho
 Thu tự trời
 Cảm tự người
 Người đời ai cảm, ta không biết
 Ta cảm thay ai viết mấy lời

*Thôi thôi
 Cùng thu tạm-biệt
 Thu hãy tạm lui
 Chi đề khách đa tình đa cảm
 Một mình thay cảm những ai ai.*

TẢN-ĐÀ



KIỀU VỚI TỪ - HẢI
 BIỆT-LY VÀ TÁI-NGỘ

*Nửa năm hương lửa đương nồng,
 Trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương.
 Trông vờ, trời bề mệnh-mang,
 Thanh gươm yên ngựa, lên đường thẳng giông.
 Nàng rằng: « Phận gái chữ tòng,
 Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi. »
 Từ rằng: « Tâm phúc tương tri,
 « Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ?
 « Bao giờ mười vạn tinh binh
 « Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường.
 « Làm cho rõ mặt phi-thường,
 « Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia,
 « Bấy nay bốn bề không nhà,
 « Theo càng thêm bận, biết là đi đâu ?
 « Đành lòng chờ đó ít lâu,
 « Chầy chăng là một năm sau, vội gì ? »
 Quyết lời dứt áo ra đi,
 Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi.
 Nàng thì chiếc bóng song mai,
 Đêm thâu đặng đặng, nhật cài then mây.
 Sân rêu chẳng vè dấu giày,
 Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phân.
 Đoái thương muôn dặm tử phần,
 Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
 Xót thay huyên cố, xuân già,
 Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi ?*

Chốc đà mười mấy năm trời,
 Còn ra khi đã da mồi, tóc sương,
 Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
 Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng.
 Duyên em dầu nối chỉ hồng,
 May ra khi đã tay bằng tay mang.
 Tắc lòng cố quốc, tha-hương,
 Đường kia nổi nọ ngồn-ngang bời-bời.
 Cánh hồng bay bổng tuyệt-vời,
 Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.
 Ngày đêm luống những âm-thầm,
 Lửa binh đâu đã âm âm một phương !
 Ngất trời sát khí mơ màng,
 Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh.
 Ngươi quen thuộc, kẻ chung quanh,
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
 Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,
 « Dẫu trong nguy-hiềm, dám rời ước xưa ».
 Còn đang dùng-dắt ngàn-ngơ,
 Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng loa.
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 Đồng thanh cùng gởi : « nào là phu-nhân ? »
 Hai bên mười vị tướng-quân,
 Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu.
 Cung nga, thế-nữ nổi sau,
 Rằng : « Vâng lệnh chỉ, rước châu vu-qui ».
 Sẵn-sàng phượng liễn loan nghi,
 Hoa quân pháp-phới, hà y rỡ-ràng.
 Dựng cờ nổi trống lên đàn,
 Trúc tờ nổi trước, đào vàng kéo sau.
 Hỏa-bài tiền lộ ruồi mau.
 Nam-dình nghe động trống châu đại doanh.
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ-công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
 Rõ mình lạ vẻ cân đai,
 Hãy còn hàm én, mây ngài như xưa.
 Cười rằng : « Cá nước duyên ư »
 « Nhớ lời nói những bao giờ hay không ? »

« Anh-hùng mới biết anh-hùng,
 « Rày xem phòng đã cam lòng ấy chưa ? »
 Nàng rằng « Chút phận ngầy-thơ,
 « Cũng may đây cát được nhờ bóng cây ?
 « Đến bây giờ mới thấy đây,
 « Mà lòng đã chắc những ngày một hai. »
 Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Đan tay về chốn trướng mai tự tình.
 Tiệc bày, thưởng tướng, khao binh,
 Om-thòm trống trận, rập-rình nhạc quân.
 Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần
 Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Đoạn-Trường Tân-Thanh

(Trích một đoạn)

NGUYỄN-DU



CHIÊU HỒN NƯỚC

Hồn xưa dòng dõi Lạc-Long
 Con nhà Nam-Việt người trong giống vàng
 Chi-na chung một họ hàng
 Xiêm-La, Nhật-Bản cùng làng Á-đông
 Trời Nam một dãy non sông
 Ngàn năm cơ-nghiệp cha ông hãy còn
 Từ khi đá lở sóng cồn
 Nước non trơ đó nào hồn ở đâu
 Chốc đà đã bấy nhiêu lâu
 Bơ-vơ như thề bờ-câu lạc đàn
 Xịch đâu một cuộc doanh-li-hoàn
 Ngàn Đông nổi gió, sóng tràn biển Nam
 Người đi gọi, kẻ đi tìm
 Biết đâu đài múa mà đem hồn về
 Mấy lần mưa ám mây che
 Băng-khuâng như tỉnh như mê nửa phần.

Hay là ở đám thôn-dân
 Hồn còn tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi
 Hay là ở đám dong chơi
 Hồn còn ham muốn cuộc chơi li-bì
 Hay là ở chốn sơn-khê
 Hồn còn ngơ-ngẩn chưa nghe chuyện gì
 Hay là ở đám khoa-thi
 Hồn còn mãi-miết giữ nghề văn-chương
 Hay là ở đám quan-trường
 Hồn còn tấp-tênh toan đường tìm ra
 Hỏi xem hồn ở gần xa.
 Gọi ra cho tỉnh, tỉnh ra thời về
 Xin hồn hãy tỉnh đừng mê
 Tỉnh ra rồi sẽ liệu bề khuyên nhau
 Khuyên nhau lấy chữ đồng-bào
 Lấy câu ích quốc, lấy điều lợi dân
 Đường bảo chúng, nghĩa hợp quần
 Tự cường thể ấy, duy-tân thể nào
 Sự học ta lấy làm đầu
 Công thương mọi việc liệu sau tính dần
 Cùng trong một bọn quốc-dân
 Gánh giang-san cũng một phần trên vai
 Than ôi ! Hồn nước ta ôi
 Tỉnh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm.

NGUYỄN-QUYỀN
 (Đông-Kinh Nghĩa-Thục)



Bài ca
 ĐỊA-LÝ VÀ LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

của trường
 ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

.
 Lạc-Long là tổ nước ta
 Nước Nam ngày trước gọi là Đại-Nam

Lịch-niên hơn bốn ngàn năm
 Hoàng-dân phỏng độ hai nhăm triệu người.
 Ba mươi sáu tỉnh chạy dài
 Năm trăm phủ huyện trong ngoài hai kinh.
 Thăng-Long là đất Hà-Thành,
 Lý, Trần, Lê đóng triều-đình ở đây
 Thái-Nguyên, Hưng-Hóa, Sơn-Tây
 Tuyên-Quang, thành Lạng, Lào-Kay, Cao-Bằng
 Hưng-Yên, Nam-Định, Bắc-Ninh
 Hải-Dương, Yên-Quảng, gần quanh Hải-phòng
 Tiền thay sông Nhị một dòng
 Thuyền xuôi lái ngược dầu lòng thanh-thời
 Tản-Viên, Tam-Đảo ngắt trời
 Rừng ngang một dải, liền mười sáu châu
 Đồng Tụ-Long, thiếp sông Ngâu
 Tiền rừng bạc bề để đâu sánh tày
 Phủ Thừa-Thiên cách nước mây
 Trần xưa Thuận-Hóa nay rầy Hoàng-Kinh
 Ngoài thì Quảng-Trị, Quảng-Bình
 Trong thì Quảng-Ngãi tới thành Quảng-Nam
 Qua Ba-Dội lại Đèo Ngang
 Ninh-Bình, Thanh-Hóa, Nghệ-An cũng gần
 Xa xa dãy núi Hải-Vân
 Nay Bình-Định trước Qui-Nhơn đó mà
 Tây-Ninh, Châu-Đốc, Khánh-Hòa
 Định-Tường đứng giữa, Biên-Hòa, Vĩnh-Long
 Cửu-Long sông nước mênh-mông
 Thành Gia-Định ấy là trong Sài-Còn
 An-Giang một tỉnh con con
 Hà-Tiên ngoảnh lại vẫn non nước nhà
 Cao-Man giáp cõi bao xa
 Kìa Ai-Lao mấy Tiêm-La gần kề
 Xem trong sáu tỉnh Nam-Kỳ
 Cửa nhiều gạo lăm kém gì mọi nơi
 Sa-cừ, vân mẫu, hạt trai
 San-hô, tê-giác, đồi mồi, tượng-nhà

Kỳ Quảng-Nam quế, Khánh-Hòa
 Trăm năm thiên bảo vật hoa dâu tằm
 Nước non vẫn nước non này
 Từ xưa che chống vắn xoay mấy người
 Đồng-Vương chẳng nói chẳng cười
 Ấm ấm ngựa sắt toại bởi Ân-binh
 Lĩnh-Nam hơn sáu mươi thành
 Hai bà Trưng-nữ đẹp bình như không
 Triệu-nương cũng bạn má hồng
 Chỉ non thề bề chẳng dong giặc thù
 Cờ đào thẳng trở sang Ngô
 Một tay Nữ-kiệt đồ xô hai thành
 Ba lần đánh vỡ Nguyên-binh
 Đức Trần-Hưng-Đạo uy-linh ai bì
 Giết Toa-Đô, bắt Mã-Nhi
 Sông Bạch-Đằng ấy là bia muôn đời
 Lam-Sơn quân xuống tự trời
 Tiếng Lê đã dậy khắp ngoài Chi-Lăng
 Đuổi Mộc-Thạnh, giết Liễu-Thắng
 Núi non lần dấy cho bằng mới thôi
 Tiếng thơm thơm khắp trên đời
 Làm gương cho chúng ta ngồi ta soi
 Đã sinh cùng giống cùng nòi
 Cùng trong đất nước cùng người đồng tông
 Xem như ruột thịt cho gần.
 Phải nên sum-hợp quây-quần lấy nhau
 Phúc cùng hưởng họa cùng đau
 Một gan một dạ ghi sâu chữ đồng
 Rồi ra trời sẽ chiều lòng
 Mầm Hồng cổ Lạc vun trồng nghìn thu.



3) **Qua thơ mới:** Triệt-đề công-kích thề Đường-luật, lạnh nhạt hẳn với các điệu song thất lục bát và hát nói, Thơ Mới vẫn dành cho thề lục bát một địa-vị đáng kể. Từ những thi-sĩ tiền-phong đến các nhà thơ trẻ tuổi đương thời, không mấy ai, không làm thơ lục

bát. Trong những bài thơ mới hợp-thề, lục bát vẫn là một thể tài được dùng đến nhiều hơn cả.

Ngay trong những tập thơ tự-do, cạnh những bài đầy sắc-thái xa lạ kiểu cách với những câu không vần không điệu, ta vẫn gặp những bài lục bát quen thuộc.

Nếu lục bát là hình-thức thi-ca độc-tôn của người nghệ-sĩ bình-dân, thì đó cũng là một thể-tài thân-yêu của những nhà thơ trí-thức xưa và nay. Những người này, dầu say theo những cung-cách mới lạ từ phương Bắc hay phương Tây lại, rồi thỉnh-thoảng cũng quay về với âm-điệu dung-dị dễ yêu của dân-tộc vậy.



CẢM-THÔNG

*Trùng-quan mây trắng thao thao
Non xanh bất tuyệt thương sao tấm lòng
Thái-bình sông núi cảm thông
Cho người tơ-tưởng miền trong cõi ngoài
Xa nhau mười mấy tỉnh dài
Mơ-màng suốt xứ, đêm ngày nhớ-nhung
Tâm-tình một nẻo quê chung
Người về cố quận, muôn trùng ta đi
Gặp nhau phút chốc phân-ly
Mắt người đẹp ấy hồn quê đôi đường
Tiếng người ấy tiếng cố-hương
Giọng người ấy giọng tình thương đất nhà
Biệt-ly lạ phải quan-hà
Sân ga trông nuôi cũng là tương-tư.*

H. C.



SUỐI MÂY

*Mời em lên ngựa với anh
Nương theo bãi sậy qua ghềnh suối Mây
Em ăn hộp quả sim này
Năm sau sim chín nhớ ngày lại lên*

Nói đi em ! mãi làm duyên
 Quê em ở xá ? tên em là gì ?
 Mời em xuống tắm suối Mây
 Em phơi áo lụa trên cây sim này
 Ủa ! sao má đỏ hây hây
 Ái-ân đã đến tự ngày nào em ?

L.T.L



HOA

Sao cho thế-giới mịt-mùng
 Hóa nên một chiếc nôi hồng ấm vui
 Tượng kia không quý bằng người
 Ngọc kia không quý bằng đời trẻ thơ
 Sao cho thắm lại sắc cờ
 Sử xanh chỉ trợn một tờ phương Đông
 Bao giờ cho lúa được bông
 Cho hoa tức vị cho rồng xuống ngôi
 Cần chi phải hiểu về tôi
 Ta là tiếng vọng của lời thiên thâu
 Cần chi phải hiểu về đầu
 Cánh tay vũ trụ đang âu-yếm mình
 Nằm tròn trong chiếc nôi xinh
 Chiếc nôi huyền-diệu của tình yêu thương
 Trong tim ta có hoa hường
 Ta vui xây dựng thiên-đường thế-gian.

TRỤ-VŨ



THỜI TRƯỚC

Sáng trăng, sáng cả vườn chè
 Một gian nhà nhỏ đi về có nhau
 Vì tắm, tôi phải chạy đầu
 Vì chồng, tôi phải qua cầu đặng cay

Chồng tôi thi đỗ khoa này
 Bỏ công kinh-sử từ ngày lấy tôi
 Kẻo không rồi chúng bạn cười
 Rằng tôi nhan-sắc cho người say sưa
 Tôi hằng khuyên sớm, khuyên trưa
 « Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng »
 Một quan là sáu trăm đồng
 Chắc-chiu tháng tháng cho chồng đi thi
 Công tôi cỡi ngựa vinh-quy
 Hai bên có lính hầu đi dẹp đường
 Tôi ra đứng ở gốc bàng
 Chồng tôi xuống ngựa cả làng ra xem
 Đêm nay mới thật là đêm
 Ai đem trăng giải lên trên vườn chè.

N.B.



SAY

Nói gì đây ? Viết gì đây ?
 Ở Xuân ! Rượu có còn say chúng mình
 Đỏ hoe ánh điện đỏ-thành
 Nhớ làm chi bãi dâu xanh đường mòn
 Sắt son ? Thôi kệ sắt son
 Chưa vui, gọi cả Saigon cùng vui
 Ở đâu rộn-rã tiếng cười
 Ở đâu tìm lại con người ngày xưa
 Nhiều đêm trở gối nghe mưa
 Dầu không rượu đắng vẫn thừa lòng đau
 Áo cơm lăm-lỡ mãi nhau
 Vẩn-chương chung một mối sầu cồ kim
 Nhìn ta bóng những lặng im
 Khó trong bọt rượu đánh chìm nhớ thương.

HOÀNG-TRINH



HÒA ĐIỀU

1.

Bướm hoang vào núi hẹn hò
Con trăng thơ dại ngủ nhờ khóm cây
Lũng xa nương ngón khô gầy
Năm con tuổi nhỏ tháng ngày hoang vu

2.

Một vùng mây rối xe tơ
Thơ thơm lúa cỏ thơ no mùi rừng
Bâng khuâng trời đất bâng khuâng
Từng hương hoa dại nở bừng dưới chân.

HỒ-ĐẠ-THẢO



THÌ THƠ SẼ HẾT LÀ THƠ

Nghĩ rằng viết một bài thơ
Cũng dễ như thờ cục đất làm vua
Triều-đình : một tấn trò đùa
Thiên-hạ vào hùa, tự hóa thần dân
Lo xa rồi lại tính gần
Cục đất ngu-đần không biết mình ngu
Bỗng không áo mão lọng dù
(Kiếp trước cần-cù chạy chẳng ra cơm)

Mạ vàng lên những cành rơm
Kiến nặng cũng gờm không dám vo-ve
Rung đùi ngâm lại mà nghe
Té chỉ là vè, không phải là thơ

Đời mình như một đường tơ
Nhấn dưới tay khờ điệu hát tai trâu
Chỉ ngâm tiếng nhạc nhiệm-mầu
Vớ kẻ trong đầu có một lương-tri

Đói nghèo, cứ đói nghèo đi
Mơ ước làm gì chức trọng quyền cao

Vợ thà túng huyệt từng hào
 Thiếu cục kẹo ngào con chẳng gầy thêm
 Lưng cong chẳng tại lưng mềm
 Đàn gầy êm dẽm đàn vẫn ngang cung
 Đời mình quan-trọng vô cùng
 Lọt tiếng tơ chùng : thơ hết là thơ.

THANH THANH



BAO - LA

Đường vẽ Lục-tĩnh chơn-von
 Xe qua bắc nhỏ thờ đồn hơi sông
 Người đi trên Cửu-long-giang
 Nước trong âm đục nắng hồng bời theo
 Bến đò qua lại dập-dù
 Âm-thanh tàu vọng quán lâu năm trơ
 Gió đồng thơm ngát rạ khô
 Ghe men theo rạch trong hồ người lên

Cánh gồng từng bước đi quen
 Lối mòn thăm-thăm cỏ chen chân người
 Xe qua tỉnh lẻ đơn-côi
 Buồn thiu tiếng hát xa-xôi tiếng hò
 Nhà xưa từng dây đơn-sơ
 Cây đơm trái chầu môi khô thêm-thường
 Đồng không vắng cánh chim muôn
 Xe lên xe xuống một đường về xuôi
 Qua Hà-tiên nước ngập trời
 Bao-la biên cả đời mỗi mệnh-mông
 Tôi về chơi cảnh Hồ-Đông
 Nước xanh êm lướt gió đồng nhẹ tênh
 Thuyền không qua thác qua ghềnh
 Nhấp-nhô đảo nhỏ sóng bênh-bồng mây
 Hè du bước lạc về đây
 Thái-bình-dương, kỷ-niệm đầy hồn tôi.

HOÀNG-THIÊN-PHƯƠNG



NGÕ HÈM

Nhà em ngõ hẻm hang cùng
 Lối đi góc-ngách, số chổng lên nhau
 Tìm em vừa khó vừa lâu
 Số không thứ tự biết đâu mà lần
 Bà con cô bác bình-dân
 Phần nhiều lao-động đồng lẫn như nhau
 Đêm về le-lói đèn dầu
 Mười hai nhà khá thì câu điện nhờ
 Sớm chiều vang tiếng « ra-dô »
 Bà con lối xóm nghe nhờ cũng vui
 Chạp-phô có tiệm thím Mười
 Cà-phê, hủ tiếu chú Luồi Trung-Hoa
 Ngõ quen quen lắm hàng quà
 Tiếng rao lạnh-lội người qua dập-dù
 Những chiều nắng đỏ xêu-xiêu
 Vo-ve tiếng muỗi kêu nhiều hơn ong
 Đêm hè trời nóng như nung
 Hàng ba ghế bố căng mừng khắp nơi
 Mùa mưa đường nhỏ thành ngòi
 Nước dâng bùn đọng lội hoài ngày đêm
 Trời mưa sáu tháng liên-miên
 Bà con lối ngõ đã quen lội bùn.

. . .

Ai thăm Chợ-lớn, Saigon
 Chưa vô ngõ hẻm là còn chưa thăm
 Tiền thuê đất độ non trăm
 Tiền sang nhà ước chừng dăm bảy nghìn
 Còn dân lao-động ít tiền
 Thì còn ngõ hẻm giữa miền phồn hoa.

BÀNG-BÁ-LÂN



NAM BẮC HỌP MẶT

Nhân dịp khánh-thành đường xe lửa Đông-Dương, diễn-tích « Nam Bắc họp mặt », — Lý-Toét, đại-biểu miền Bắc gặp Xã-Xê đại-biểu miền Nam, đôi bên tỏ tình thân-ái.

Lý-Toét :

... Gặp dịp vui này
 Chẳng mấy khi gặp dịp vui này
 Mừng Trung Nam Bắc ngày nay một nhà
 Thủa xưa nghìn dặm cách xa
 Nay nhờ xe lửa cũng hóa ra như gần
 Ba miền Nam quốc Nam dân
 Từ nay soán chặt tình thân ... bền thêm bền.

Xã-Xê :

... Nam Bắc nối liền
 Con đường Nam Bắc nối liền
 Cuộc vui lại gặp bạn hiền vô chời
 Tay bắt tay, niếm-nở ta tươi cười
 Chúc câu vạn phúc, trao lời hàn-huyên
 Bấy lâu chỉ biết tiếng, quen tên
 Bây giờ gặp mặt, anh em ... lòng thỏa lòng.

Lý-Toét :

... Cách núi, cách sông
 Xưa vì cách núi, cách sông
 Bờ xa xôi mặt cho nên lòng hóa sơ
 Gờm nhau năm vực bảy ngò,
 Bắc Nam đôi ngã, thờ-ơ lạnh-lùng
 Bây giờ Nam Bắc giao-thông
 Năng đi năng lại, chúng ta cùng hiền nhau.

Xã-Xê :

... Xa lạ chi đâu
 Ta cùng dân Nam-Việt, màu râu trên cõi đời
 Giờ qua lịch-sử mà coi
 Cùng nòi Giao-Chỉ, ấy là người đồng tông

Cùng chung một tổ họ Hùng
 Như cây một gốc, như con sông một nguồn
 Cùng chung một dải giang-sơn
 Người cùng một nước, khác chi con ... nhà một nhà ...

Lý-Toét :

... Chi nữa nói xa
 Nói gần, thời chi nữa nói xa
 Cái mũi ta cũng tẹt, cái màu da ta cũng vàng
 Cùng theo một phong-tục một cương-thường
 Lời ăn, tiếng nói, ta lại càng hết nhau
 Thế mà duyên-cớ vì đâu
 Người ta chia rẽ bấy lâu cho nó đành
 Nước quái gì cái nước « Tam canh »
 Nước quái gì cái nước « Cờ Chiêm-Thành » lạ chưa
 Đồng-bào sao có kẻ dong đưa
 Dân Nam chọc Bắc đề nghi-ngờ lẫn nhau
 Thừa cơ ở giữa buồng câu
 Khuấy nước đục ngầu, cho cá dễ ... ăn kiếm ăn.

Xã-Xệ :

... Nam-quốc Nam-nhân
 Bây giờ thời Nam-quốc, Nam-nhân
 Anh em ta khăng-khít tựa tay chân mới là
 Trung Nam Bắc trước là ba
 Từ nay gộp lại một nước nhà Đại-Nam
 Sao cho nước giàu, dân mạnh mới cam
 Còn trời còn đất, nước Việt-Nam ta vẫn còn
 Nhớ lấy câu : Một cây làm chẳng nên non
 Ba cây dùm lại mới nên hòn ... cao núi cao.

Lý-Toét :

... Cái nghĩa đồng-bào
 Tình liên-lạc, cái nghĩa đồng-bào
 Ta ghi vào trong dạ, tạc vào trong xương
 Nhiều điều phủ lấy giá gương
 Người chung một nước, ta phải thương nhau cùng
 Nhân ở miền Bắc tỉnh Bắc, với tỉnh Đông
 Vừa bị cơn tai-nạn bởi tay ông Thủy-tề

Nước to làm sập mấy con đê
 Anh em cam chịu nhiều bề gian-nan
 Ruộng vui, cửa mất, nhà tan
 Áo cơm thiếu-thốn, nỗi cơ hàn thấm thương
 Trong Nam thời thốc vạ, tiền rương
 Sao chẳng nên thừa dịp tỏ tình thương đồng-bào
 Xin hỏi rằng: ý bác nghĩ sao?
 Hay bác lại cho tôi là kẻ bước cuộc vào... chơi khó chơi.

Xã xê:

... Nhăm vậy bác ơi
 Bác đừng nhăm vậy bác ơi
 Cứu nhau khi hoạn-nạn mới thực người tình thân
 Hôm nay, bác đã quá chân
 Vào Nam, trò chuyện ân-cần cùng nhau
 Muốn ghi buổi gặp gỡ lần đầu
 Cùng nhau chén tác, chén thù
 Chúc cho nhà Đại-Việt thiên-thu... vàng vừng-vàng ..
 (Thình, thùng thình... thùng thình...)

T.M.



NHẠC XE BÒ

Đêm xưa trăng mới đứng đầu
 Đoàn xe bò đã qua cầu Hàng-Sanh
 Nhạc xe bò rộn âm-thanh
 Kho-khan mà thắm, mong-mạnh mà sầu

Bánh xe lốc-cốc
 Lên dốc đầu cầu

Bài thơ nghèo khổ, mở đầu giao-duyên
 Trăng mờ trăng cũng sáng lên
 Đề nghe dãi vọng tiếng rên xe bò
 Đường khuya heo hút xa mờ
 Cây cần gục khóc giữa mồ mông-lung
 Qua vòm bóng tối chập-chùng
 Cỗ xe chở nặng iêm lòng đường khuya

Tình thơ ý nhạc lẽ-thê
 Móng bò phân nhịp, vành xe hòa đàn
 Tình tang! Lốc cốc! Tình tang!
 Đời nghèo lẩn mãi theo đường vết xe
 Đi về một nẻo đi về
 Mòn bao vành sắt, nỗi nghèo không tan
 Hò xang! lốc cốc! hò xang!
 Nhịp rơi mẹ hát cho tan nỗi sầu

Sầu vì đâu

Hận vì đâu

Chỉ trời với ánh trăng sao thấu tình
 Đêm nay thức suốt tan canh
 Một mình mẹ kẻ, một mình con nghe
 — Lâu rồi mẹ phải đánh xe
 Sớm hôm chờ nướn kéo thuê kiếm tiền
 Đời nghèo vất vả, lênh-dênh
 Khi chèo khi nôi cũng trên xe bò
 Mái nhà là dạ xe hò ăy
 Rừng cột chính là đôi bánh xe
 Chiếc võng tòn-ten giăng dưới dạ
 Vật, người chung ở một nhà xe
 Xe lẩn chiếc võng nhịp như đu
 Vành sắt trăm năm phờ tếng ru
 Con ngủ say ỉm ỉm trong song nhạc
 Nhạc xe nức nở điệu ngau thu.
 Ấu ơ ...
 Ru con sẵn nhạc xe bò
 Ru con sẵn tiếng chuông chùa buồn tênh
 Mai này con lớn khôn lên
 Nhớ rằng: Cha bị quặc diện cầm tù
 Nhớ thù con phải trả thù
 Vì đâu?... con đánh xe bò... thế cha
 Đêm đêm ôm bóng trắng tà
 Cỏ xe lưu động mái nhà lang-hang
 Mẹ còn nhớ những năm đồ-khồ
 Cỏ xe bò thành cỏ xe tang

Chở thầy đem gởi nghĩa-trang
 Kiếm tiền tang khó mua nhang cúng chõng
 Nhưng năm ly-loạn bênh-bõng
 Lòng xe chở nặng những lòng tản-cư
 Bánh xe lốc cốc
 Xuống dốc đầu cầu
 Bài thơ qua đến đoạn đường tái-tê
 Giận đời ly-loạn
 Máu chảy dăm-dề
 Cột khăn tang trắng
 Mẹ dựng cờ xe
 Giữa lòng khăn trắng, mẹ để chữ tang
 < Tang cha mẹ vẫn trên đầu vớng
 Đề nhắc cho con một mối thù
 Tang chõng mẹ đội trên đầu
 Cho màu tóc bạc điệp màu khăn tang >
 Xe từng qua vạ dốc đường
 Mà đời mẹ, dốc đoạn trường ... chưa qua
 Mất lòa vì ngóng đường xa
 Giọng khàn vì hát < bài ca độc-hành >
 Tình tang : Lốc cốc ! tang tình !
 Nhạc vang hòa khúc viển trình đắm say
 Lòng đường là phím là dây
 Bánh xe là mấy ngón tay gãy đàn
 Khi xe lặn giữa lòng đường
 Đường ngân vang tiếng dương-cầm du-dương
 Đời nghèo khởi sắc lên hương
 Triển-miền trong nhạc vắn-vương xe bò
 Buồn thay ôi ! Tiếng chuông chùa
 Đẹp thay ! Tiếng vớng, câu hò, niềm ru
 Hơi người mẹ của Ngàn Thu
 Đời con quý nhất < bài thơ xe bò >.

KIÊN-GIANG

  **THƠ**
MỚI

THƠ MỚI

Danh-từ Thơ Mới chỉ một loại thơ xuất-hiện vào khoảng năm 1930, bắt nguồn từ sự chối bỏ những luật-lệ nghiêm-khắc của thơ Đường-luật, nhất là thể thất ngôn bát cú.

Phá bỏ niêm, luật, đối-ngẫu, không hạn-định số câu, số chữ, không chịu ràng buộc trong những qui tắc chật hẹp về bố-cục và cách gieo vần, Thơ Mới có thể là những bài có câu đều-đặn (nhiều nhất là các điệu 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ, đến các điệu 4 chữ, 6 chữ), hoặc những bài có câu dài ngắn không đều, từ 2, 3 chữ đến 9, 10, 12 chữ. Cũng có thể là những bài làm theo thể lục bát, hay những bài hỗn-hợp các thể trên.

Mặc dầu rất phóng-túg và chịu ảnh-hưởng sâu-xa của thể-thức thơ Pháp, Thơ Mới vẫn không từ bỏ hẳn những cung-cách về vần điệu, âm-thanh cổ-hữu của thi-ca Việt.

● I. -- VẦN

Vần của Thơ Mới thật phong-phú. Có đến 7 cách gieo vần, hầu hết là vần ở cuối câu. Toàn bài không mấy khi gieo một vần mà thường bỏ vần liên châu, hết vần này đến vần khác. Nhiều bài còn được phân ra nhiều đoạn 4 câu, mỗi đoạn dùng một vần. Vần trắc cũng thường thấy và hay xen kẽ với vần bằng.

1) *Vần liên-tiếp*. — Hai vần *bằng* tiếp đến hai vần *trắc*, rồi cứ thế tiếp theo mãi.

Đã thấy vần này trong hát nói.

TÌNH TỰ

Sáng hôm nay lòng em như tử áo
 Ý trong veo là lượt xếp từng đôi
 Áo đẹp chưa anh ? Hoa thắm thêu đời
 Áo mơ ước anh bận giùm chiếc nhé

Vàng rạng cùng xanh, hồng cười với tía
Xin mời anh chọn hình sắc yêu-đương
Hồn em đầy đủ muôn ánh nghệ-thường
Anh hãy bận hồn em màu sáng chói

Anh có biết hôm nay là ngày hội
Của lòng ta. Em trần-thiết trang-hoàng
Anh đã về ; em nghe dưới chân vang
Hoa lá nở với chuông rền giọng thắm
Thuở chờ đợi, ôi, thời-gian rét lạnh
Đời tàn rơi cùng sao rụng canh thâu
Và trắng lu xế nửa mái tình sâu
Gió than-thở biết lấy lời van-vi

Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã nghìn xưa
Yêu giữa đời mà hồn ở trong mơ
Tình rộng quá đời không biên-giới nữa
Đây cửa mộng hồn em anh hãy mở
Màu thanh-thiên rời-rợi gió long-lanh.

H.C.



LÁ THƯ VỀ HUẾ

Tui biết ngoài miền bậu đợi cánh chim xanh
Mang lại tin lành của người ngàn dặm ngái
Thấp một tuần hương vọng mười phương bậu vãi
Cho kẻ xa nhà mau trở lại quê hương

Có thuở đời mô en với ả đương thương
Tạm cách đôi đường mà tình thường nở sỡ
Ánh sáng phồn hoa rạng lòa nơi phố chợ
Ai bao chưa hề quyến dỗ khách thiêu-thân

Bước tới nơi ni bấn loạn cả tâm thần
Cuộc sống quay cuồng như tuồng chong chóng lượn
Phải đuổi xua ngay những tình vay ý mượn
Đề rứt theo đà tiến tới với người ta

Chừ tả rặng ra tất cả về nguy-nga
 Đô-thị Saigon hờn mình châu bất diệt
 Vô thấu miền Nam mình càng yêu nước Việt
 Nhưng cũng lại càng thương nhớ Huế trung-nguyên

Thiếu một sông Hương với sáu nhịp Trường-Tiền
 Vành nón bài thơ nghiêng duyên ngày bốn bận
 Áo trắng lú-lo — ngàn o như rúa lặn —
 Mui má lên hường, phôi nở, đáng đi thanh

Thiếu một Ngự-Bình sau méo trước tròn vành
 Nước mắm chan canh, bánh bèo chèo mảy chục
 An-Cự điểm trời hể mưa trong, nắng đục
 Lãng tâm chùa chiến thúc giục gót nhàn lâm

Nhớ quá đi thôi, dào-dạt ý tình cam
 Nhấn bậu kiên tâm chờ tui ngày tái hợp
 Mai một tìm về giữa lòng quê thăm ngợp
 Sẽ viết trăm bài thơ Huế đẹp hơn ri.

THANH THANH



2) Văn gián-cách.— Trong một đoạn 4 câu có 2 văn. Câu 1 văn với câu 3, hoặc, thông-thường hơn, câu 2 văn với câu 4.

ĐẸP HẬU-GIANG

Đề tặng người Việt yêu Hậu-giang.

Đây Hậu-giang! Đây Hậu-giang
 Nhánh sông gần bó Cửu-long-giang
 Phù-sa cuộn chảy trong dòng nước
 Khói sóng hòa hơi thở xóm làng

Nơi đây đời sống thanh-bình lắm
 Với đất phì-nhiều nước Hậu-giang
 Vú sữa Cần-Thơ căng đáng mộng
 Năm rơm Long-Mỹ ủ ngàn sương

Muối Bạc-Liêu mặn tình biên cả
 Tiêu Hà-Tiên nồng ý quê-hương

Thơm-tho khói thuốc mùi Cao-Lãnh
Cá cháy bùi ngon vị Sóc-Trăng

Gạo móng chim thơm mùi rạ ngọt
Nấu nồi Hòn Đất, lò Hòn Me
Chụm than đượm lửa lòng cây đước
Ói ! lửa Cà-Mau đẹp bóng quê

Tàu mật cật, em chăm nón lá
Anh đội đầu, che nắng chang chang
Sáng cày, khuya cấy, chiều phăng lưới
Anh nhớ tâm-tình gái Hậu-giang

Năm nào thiếu áo không mừng ngủ
Sao nhớ bàn tay gái Thất-Sơn
Đêm tối ... nhờ bàn đờng đệm nóp
Mặc cho tiếng súng vọng bên đồn

Qua mùa nước nổi, vùng Châu-Đốc
Nhớ lá Cà-mau, với lóng tre
Cộng choại U-Minh thương nức lạt
Đèn khuya chói sáng giữa Nhà Bè

Hòn Tre, Phú-Quốc dù xa bãi
Vẫn nổi tình thương với đất liền
Nước biển phù sa hòa máu đất
Đắp bồi cho máu trở về tim

Nếu thiếu lá dừa soi bóng nước
Thiếu bông lúa trổ, búp măng tre
Cánh diều không vút trên lưng gió
Thì chết trong lòng những ý quê

Nếu cô thôn-nữ ngừng câu hát
Cô gái thương hồ bật tiếng ca
Đờn nguyệt không hòa câu vọng-cò
Hoa bần thôi rụng xuống phù-sa

Nhớ lại năm nao ngày chạy loạn
Ngồi trên bến cũ lắng thời-gian

Vô tình tôi vớt trong dòng nước
 Giọt máu miền Nam, máu Việt-Nam
 Nước chảy một dòng ra biển cả
 Vẫn mang tình nước Cửu-long-giang
 Sông ơi ! dù nước ra khơi biển
 Vẫn nhớ rẽ bần, đất Hậu-giang.

KIÊN-GIANG



3) Văn trắc.— Câu 1 vần xuống câu 3, câu 2 vần xuống câu 4.
 Văn này mượn cung cách của thơ Pháp. (Thay vì văn bằng, văn trắc,
 thơ Pháp có văn âm và văn dương).

HÒA BÌNH

Hòa-bình trong mắt em
 Trong đường kim sợi chỉ
 Tiếng động trên môi mềm
 Giấc trưa dài yên nghỉ

Hòa-bình trên dòng nước
 Len-lỏi khắp ruộng đồng
 Lúa yêu đời xanh mượt
 Xóm làng ngủ bên sông

Hòa-bình trong tiếng trẻ
 Cười vỡ vụn pha-lê
 Trong tiếng kêu gọi mẹ
 Đường xa ru chân về

Hòa-bình trong khói bếp
 Nhẹ bốc chiều lên cao
 Tiếng hò khoan mấy nhịp
 Dâng lên đêm trăng nào

Hòa-bình trong hơi thở
 Anh lính ngủ hiền-từ
 Trưa êm-đềm xóm nhỏ
 Những tháng ngày vô-tu

Chim bồ-câu lên giọng
Cất tiếng kêu hòa-bình
Tiếng kinh cầu ngân vọng
Bao giờ hết chiến-tranh.

HUY-LỤC



TRÊN ĐƯỜNG VỀ

Một ngày biếc thị Thành ta rời bỏ
Quay về xem non nước giếng dân Hời
.
.

Đây những tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đổ nát dưới thời-gian
Những sông vắng lẽ mình trong bóng tối
Những tượng Chàm lở lói rỉ-rên than

Đây những cảnh ngàn sâu cây lả ngọn
Muôn ma Hời sờ-soạn đất nhau đi
Những rừng thăm bóng chiều lan hỗn-độn
Lừng hương đưa rộn-rã tiếng từ quy

Đây chiến-địa nơi đôi bên giao trận
Muôn cô hồn tử-sĩ hét găm vang
Máu Chàm cuộn thác ngày niền oán hận
Xương Chàm luôn rào-rạt nổi căm hờn

Đây những cảnh thái-bình trong Chiêm quốc
Những cô-thôn vàng nhuộm nắng chiều tươi
Những Chiêm-nữ nhẹ-nhàng quay lại ấp
Áo hồng nâu phủ phất xóa lời vui

Đây điện các huy-hoàng trong ánh nắng
Những đền-dài tuyệt mỹ dưới trời xanh
Đây chiến-thuyền nằm mơ trên sông lặng
Bầy voi thiêng trầm-mặc dạo bên thành

Đây trong ánh ngọc lưu-ly mờ ảo
Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà

*Những Chiêm-nữ mơ-màng trong tiếng sáo
Cùng nhịp-nhàng uyển-chuyển uốn mình hoa*

*Những cảnh ấy trên đường về ta đã gặp
Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi
Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời.*

C. L. V.



4) **Vần Ôm.**— Câu 1 vần với câu 4, câu 2 vần với câu 3.
Mượn cung cách thơ Pháp. Rất ít thấy dùng.

*... Chị nhìn tôi nói đùa
— Khéo nhé em, mắc nghẹn
Tôi nhìn cha, bên lên.
Đối chị không thêm thừa
Mẹ cười : — Đừng thế, con
Năm mới, cho vui-vẻ
Tôi đã chạy-ton ton
Nhập bầy cùng các trẻ
Nắng vàng đã lên cao
Người đi đây trước ngõ
Nhà nhà treo liễn đỏ
Trẻ nhỏ chạy mau mau.*

TẾT — ANH-TUYẾN



5) **Vần tứ tuyệt.**— Giống như cách gieo vần ta thường thấy trong những bài tứ tuyệt xưa. Một đoạn 4 câu có 3 vần ở các câu 1, 2 và 4.

CHÙA HƯƠNG

(Thiên ký-sự của một bé ngày xưa)

*Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me em dậy
Em vẫn đầu soi gương*

Khăn nhỏ, đuôi gà cao
Em đeo giải yếm đào
Quần lĩnh, áo the mới
Tay cầm nón quai thao

Me cười : «Thầy nó trông
Chân đi đôi dép cong
Con tôi xinh xinh quá
Bao giờ cô lấy chồng»

— Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mới mai đưa tiếng
Khen tươi như trăng rằm

Nhưng em chưa lấy ai
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm
— Ý đợi người tài trai

Em đi cùng với me
Me em ngồi cáng tre
Thầy theo sau cười ngựa
Thắt lưng dài đỏ hoe

Thầy me ra đi dò
Thuyền mấp-mênh bên bờ
Em nhìn sông nước chảy
Đưa cánh buồm lô-nhô

Mơ xa lại nghĩ gần
Đời mấy kẻ tri-âm
Thuyền nan vừa lẹ bước
Em thấy một văn-nhân

Người râu thanh lệ thường
Tướng mạo trông phi thường
Lưng cao dài, trán rộng
Hỏi ai nhìn không thương..?

Chàng ngồi bên me em
 Me hỏi chuyện làm quen
 « Thưa thầy đi chùa ạ
 Thuyền đông, giờ ôi chen »

Chàng thưa : « vâng, thuyền đông »
 Rồi ngắm trời mênh-mông
 Xa xa mờ núi biếc
 Phơn-phớt áng mây hồng

Dòng sông nước đục lờ
 Ngâm-nga chàng đọc thơ
 Thầy khen hay, hay quá
 Em nghe rồi ngẩn-ngơ

Thuyền đi bến Đục qua
 Mỗi lúc gặp người ra
 Thẹn-thùng em không nói
 « Nam mô A di đà »

Réo-rắt suối đưa quanh
 Ven bờ, ngọn núi xanh
 Dịp cầu xa nho nhỏ
 Cảnh đẹp gần như tranh

Sau núi Oản, Gà, Xôi
 Bao nhiêu là khỉ ngồi
 Tới núi con Voi phục
 Có đủ cả đầu đuôi

Chùa lấp sau rừng cây
 (Thuyền ta đi một ngày)
 Lên cửa chùa em thấy
 Hơn một trăm ăn mày

Em đi chàng theo sau
 Em không dám đi mau
 Ngại chàng chê hấp-tấp
 Số gian-nan không giàu

Thầy me đến diện thờ
 Trầm hương khói tỏa mờ
 Hương như là sao lạc
 Lốp sóng người lô nhô

Chen vào thật lấm công
 Thầy me em lễ xong
 Quay về nhà ngang bảo
 « Mai ta vào chùa trong »

Đêm hôm ấy em mừng
 Mùi trầm hương bay lừng
 Em nằm nghe tiếng mõ
 Rồi chim kêu trong rừng

Em mơ, em yêu đời
 Mơ nhiều ... viết thể thôi
 Kẻo ai mà xem thấy
 Nhìn em đến nực cười

Em chưa tỉnh giấc nồng
 Mây núi đã pha hồng
 Thầy me em sắp sửa
 Vàng hương vào chùa trong

Đường mây đá cheo-leo
 Hoa đỏ, tím vàng leo
 Vì thương me quá mệt
 Săn-sóc chàng đi theo

Me bảo: « Đường còn lâu
 Cứ vừa đi ta cầu
 Quan-Thế-Âm Bồ-Tát
 Là tha-hồ đi mau »

Em ư? Em không cầu
 Đường vẫn thấy đi mau
 Chàng cũng cho như thế
 (Ra ta hợp tâm đầu)

Khi qua chùa Giải-oan
 Trông thấy bức tường ngang
 Chàng đưa tay lẹ bút
 Thảo bài thơ liên hoàn

Tấm-tắc thầy khen hay
 Chữ đẹp như rồng bay
 (Bài thơ này em nhớ
 Nên chả chép vào đây)

Ô chùa trong đây rồi
 Động thắm bóng xanh ngời
 Gấm thêu trần thạch-nhũ
 Ngọc nhuộm hương trầm rơi

Me vui mừng hả hê
 «Tặc! Con đường mà ghê»
 Thầy kêu: «Mau lên nhé
 Chiều hôm nay ta về.»

Em nghe bỗng... rùng-rời
 Nhìn ai luống ghen lời
 Giờ vui đời có vậy
 Thoáng ngày vui qua rồi

Làn gió thổi hây hây
 Em nghe tà áo bay
 Em tìm hơi chàng thổi
 Chàng ôi, chàng có hay

Đường dây kia lên trời
 Ta bước tựa vai cười
 Yêu nhau, yêu nhau mãi
 Đi, ta đi chàng ôi

Ngun-ngút khói hương vàng
 Say trong giấc mơ-màng
 Em cầu xin Trời Phật
 Sao cho em lấy chàng.

NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP



6) **Vần hỗn-hợp.** — Phối-hợp 2 hay nhiều cách gieo vần trên. Vì tính-chất phóng-túng của thơ mới, vần hỗn-hợp được dùng nhiều hơn cả.

TẾT

Chị đẹp như tiên-nga
 Áo dài lụa, quần là
 Má hồng phơn-phớt đánh
 Mang giày cườm kết hoa

Anh tôi diện áo tây
 Gọi tôi đi mừng tuổi
 Tôi chạy vào khoanh tay
 Ấp-úng mừng năm mới

Mẹ lấy một phong bao
 — Cậu ấm lại đây nào
 Rồi xoa đầu tôi bảo
 — Ồi chào! Nó đã cao

Chị bóc bánh chưng xanh
 Dem lại mời cha, anh
 (Mừng một, Me ăn lạt)
 — Ăn xong ta xuất hành

Tôi không cần ăn bánh
 Tôi không cần xuất hành
 Thì thùng, trống lân đánh
 Tôi vôi-vàng nuốt nhanh

Chị nhìn tôi nói đùa
 — Khéo nhé em, mắc nghẹn
 Tôi nhìn cha, bên-lên
 Đổi chị không thêm thừa

Me cười: — Đừng thế con
 Năm mới cho vui-vẻ
 Tôi đã chạy ton-ton
 Nhập bầy cùng các trẻ

Nắng vàng đã lên cao
 Người đi đây trước ngõ

*Nhà nhà treo liễn đỏ
 Trẻ nhỏ chạy mau mau
 Lân múa trước cửa đình
 Ông già áo thụng xanh
 Treo đầu tre bánh pháo
 Thì-thùng trống giục nhanh.*

*Pháo nổ nghe dồn tan
 Ông địa bụng chang-bang
 Hầm-hừ lân phun khói
 Dựng đứng bộ râu vàng.*

*Chúng tôi cười đảo-diên
 Vui nhất có Tề-Thiên
 Vù vù cây thiết-bảng
 Cặp mắt nhìn láo-liên*

*Mặt trời đã lên cao
 Pháo nổ nghe rào rào
 Tôi cười không biết mệt
 Ngày tết ! Vui biết bao !*

ANH-TUYẾN

Bài này có văn gián-cách, văn tréo, văn tứ-tuyệt, văn ôm.



SƯƠNG RƠI

*Sương rơi
 Nặng trĩu
 Trên cành
 Dương-liễu
 Nhưng hơi
 Gió bắc
 Lạnh-lùng
 Hiu-hắt
 Thấm vào
 Em ơi*

Trong lòng
 Hạt sương
 Thành một
 Vết thương
 Rồi hạt
 Sương trong
 Tan-tác
 Trong lòng
 Tỏ-tơ
 Em ơi
 Từng giọt
 Thánh-thót
 Từng giọt
 Diêu-tàn
 Trên nắm
 Mồ hoang
 Rơi sương
 Cành dương
 Liễu ngã
 Gió mưa
 Tơ tả
 Từng giọt
 Thánh-thót
 Từng giọt
 Tơ-bời
 Mưa rơi
 Gió rơi
 Lá rơi
 Em ơi!...

NGUYỄN-VỸ

Bài này có vần gián-cách, vần tréo, vần liên-tiếp.



7) Văn lặp.— Chỉ dùng cho toàn bài một văn, theo lối gián-cách. Giống như trong cò-phong độc-văn.

TÌNH QUÊ

*Trước sân anh thơ-thần
 Dăm dăm trông nhận về
 Mây chiều còn phiêu-bạt
 Lang-thang trên đời quê
 Gió chiều quên ngừng lại
 Dòng nước luôn trôi đi
 Ngàn lau không tiếng nói
 Lòng anh đường đê-mê
 Cách nhau ngàn vạn dặm
 Nhớ chi đến trắng thề
 Dầu ai không mong đợi
 Dầu ai không lắng nghe
 Tiếng buồn trong sương đục
 Tiếng hờn trong lũy tre
 Dưới trời thu man-mác
 Bùn-bạc khắp sơn-khê
 Dầu ai trên bờ liễu
 Dầu ai dưới cành lê
 Với ngày xanh hờ-hững
 Cố quên tình phu-thê
 Trong khi nhìn mây nước
 Lòng xuân cũng náo-nề ...*

HÀN-MẶC-TỬ

● II. — ÂM-THANH TIẾT-ĐIỆU

Không có điều bó buộc nào, chỉ cần sao cho điệu thơ được êm-ái. Và như thế, nhiều bài đã mặc nhiên tuân theo luật gián-thanh cổ hữu của thơ ta.



1) — 6 chữ :

	1	2 /	3	4 /	5	6 /
		t		b		t
hoặc		b		t		b

LỜI VỀ

*Thuở trước quê Em ở Bắc
 Vô Nam từ độ lên mười
 Mây trắng ngày ngày xa tắp
 Thương quê em buồn khôn nguôi*

*Mái tóc dừa xanh Thủ-đức
 Ngọt ngào thay trái Sầu riêng
 Gió bãi phù-sa Bến-lức
 Nay nhuần sữa mẹ linh-thiên*

*Em đâu chỉ là con gái
 Quê xinh soi bóng sông lành
 Theo mẹ băng chùng quan-tái
 Bao giờ quên lũy tre xanh*

*Anh nhé giùm em nhắn với
 Nhớ quê em ngại thăm quê
 Lửa phương trời, duyên Khánh-hội
 Bạc-liêu dễ ở, khó về*

*Vó ngựa từ ngày võ xuống Nam
 Truông mòn đura lối Hải-vân san
 Áo nâu phai nhạt màu cây cỏ
 Lá rụng hoa rơi đất nước Chàm.*

H. DZ.



2) — 7 chữ :

	1	2 /	3	4 /	5	6	7 /
		t		b		t	
hoặc		b		t		b	

TIN BÃO MIỀN TRUNG

Nhà tôi ở bên sông trống gió
 Mái lá đơn sơ, cột gỗ gầy
 Mùa bắc, bếp chiều không lửa đỏ
 Trưa nồm trở mạnh, vách lung-lay
 Năm năm, mỗi độ đông vừa chớm
 Xóm dưới, làng trên, ngại lụt nhiều
 Giòng nước Thu-Bồn thành nỗi sợ
 Khi rừng xa vọng thác vang reo
 Mưa... những tuần mưa nối tiếp nhau
 Đồi bờ sông lớn nước dâng mau
 Nước dâng ngòm-ngợp, trôi cuồn cuộn
 Nước ngập gần xa trắng một màu
 Đồng lúa vườn rau, nước xóa nhanh
 Nước xô nhà ngói, cuốn nhà tranh
 Nước ngâm, cỏ chết, trâu bò đói
 Bốn hướng trời không chút nắng hanh
 Người ở miền Trung mùa lụt tới
 Nhắc nhau câu chuyện « bão năm Thìn »
 Năm nay lại cũng năm Thìn nữa
 Lụt đã tràn dâng, bão đã lên
 Bão đã lên ! — Ở xứ ta nghèo
 Ai ra ngoài nớ, gửi sào theo
 Có bao nhà đổ, bao người chết
 Bao lúa, khoai, ngô... hóa bột bèo
 Nhà tôi ở đó, mong-mạnh lắm
 Tay mẹ làm sao chống gió cuồng

*Con ở phương Nam chiều vẫn ấm
Nghe lòng như có nước sông tuôn...*

TƯỜNG - LINH



3) — 5 chữ:

1	2 /	3	4 /	5
	t		b	
hoặc	b		t	

VIỄN - KHÁCH

*Đương lúc hoàng-hôn xuống
Là giờ viễn-khách đi
Nước đượm màu ly-biệt
Trời vương hương biệt-ly*

*Mây lạc hình xa-xôi
Gió than niềm trách móc
Mây ôi và gió ôi
Chớ nên làm họ khóc*

*Mắt nghẹn nhìn châu dạ
Môi khô hết nín lời
Chân rời tay muốn rã
Kẻ khuất, kẻ trông vời*

*Hôm nào như hôm qua
Má kè trên gòis sánh
Anh đi đường có hoa
Tôi nằm trong tủi lạnh*

*Buổi chiều ra cửa sổ
Bóng chụp cả trời tôi
— Ôm mặt khóc rưng rức
Ra đi là hết rồi.*

X.D.



Nhưng ta cũng thường gặp những câu không theo luật đối thanh. Trong những câu như vậy, thanh bằng thường nhiều hơn thanh trắc, nhờ đó câu thơ vẫn giữ được âm-diệu dễ nghe.

BÀI CA XỨ HUẾ

Tôi viết bài ca xứ Huế
 Giữa mùa phượng nở ven sông
 Trời xanh không còn mây trắng
 Mội em thắm nụ cười hồng

Đây xóm Kim-Luông trầm lặng
 Đường dài bóng trúc che xanh
 Thuyền nan đi trên dòng biếc
 Run trong sương khói hoàng-thành

Đây nhịp cầu dài Bạch-Hồ
 Ngõ-ngang duyên lẽ chia đôi
 Một dòng sông sâu cách trở
 Cầu xa nắng đỏ chân đời

Đây bóng dừa ru êm vắng
 Bến đò Thừa-phủ gió đưa
 Nhịp chèo thuyền sang rung nắng
 Tình cô lái trẻ đơn-sơ

Đây dòng sông Hương in bóng
 Trường-tiền mấy nhịp cầu thơ
 Nghiêng nghiêng tóc huyền áo trắng
 Những cô thiếu-nữ sang bờ

Đây trời Đông-Ba son trẻ
 Mái cầu Gia-hội đưa duyên
 Nội thành chìm trong quạnh-quẽ
 Đêm đêm, bến Ngự u-huyền !

Và đây trăng mùa Thôn Vỹ
 Đường xanh áo biếc giai-nhân
 Mộng xưa cầm ca lẻ gởi
 Đây tơ kỹ-nữ buông chùng !

Có ai đi về xứ Huế
Mà lòng chẳng nhớ chẳng thương
Thuyền câu xuôi dòng bến Ngự
Đèn hoa soi đuốc canh trường

Nắng mùa xưa rơi vàng-vọt
Bướm vờn xóm nhỏ Ngự-viên
Bóng ai qua đường áo tím
Mà sao thoáng hình dáng tiên

Tôi viết bài ca xứ Huế
Gửi người bạn tự trăm phương
Rằng mười năm qua khói lửa
Nơi đây mộng xẻ đôi đường.

THẾ-VIÊN



MÀU TÍM HOA SIM

Nàng có ba người anh đi bộ-đội
Những đứa em nàng
Có em chưa biết nói
Khi tóc nàng còn xanh
Tôi người chiến-binh
Xa gia-đình — yêu nàng
Như tình yêu em gái
Ngày hợp-hôn
Nàng không đòi may áo cưới
Tôi mặc đồ quân-nhân
Đôi giày đinh
Bết bùn đất hành-quân
Nàng cười xinh xinh
Bên anh chổng « độc-đáo »
Tôi ở đơn-vị về
Cưới nhau xong là đi
Từ chiến-khu xa
Nhớ về ái-ngại

Lấy chồng đời chiến-chinh
 Mấy người đi trở lại
 Lỡ khi mình không về
 Thì thương người vợ chờ
 Bé bỏng chiều quê.
 Nhưng, không chết người trai khói lửa
 Mà chết người gái nhỏ hậu-phương
 Tôi về không gặp nàng
 Má tôi ngồi bên mộ con.
 Đây bóng tối
 Chiếc bình hoa ngày cưới
 Thành bình hương tàn lạnh vây quanh
 Tóc nàng xanh xanh
 Ngắn chưa đầy búi
 Em ơi ! giây phút cuối
 Không được nghe em nói
 Không được trông thấy nhau một lần
 Ngày xưa, nàng thích hoa sim tím
 Nàng vá cho chồng tấm áo ngày xưa
 Một chiều rừng mưa
 Trên chiến-trường Đông Bắc
 Ba người anh
 Được tin em gái mất
 Trước tin em lấy chồng
 Gió sớm thu về
 Gờn gợn nước sông
 Đưa em nhỏ lớn lên
 Ngỡ-ngàng trông anh chị
 Khi gió sớm thu về
 Cỏ vàng chân mộ chí
 Nhưng chiều hành-quân
 Qua những đồi hoa sim
 Những đồi hoa sim.
 Màu tím hoa sim...
 Tím cả chiều hoang viễn-biệt

*Nhìn áo rách vai
Tôi hát trong màu hoa
« Áo anh đứt chỉ đường tà
« Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu ».*

H.

Đôi khi tác-giả cũng ngắt mạnh hoặc xếp đặt âm-thanh một cách khác thường, cốt tạo nên âm-hưởng tương xứng với khí-thể nội-dung câu thơ.

Xưa, thơ lục bát, Nguyễn-Du viết :

*Phận hồng-nhan / có mong-mạnh /
Nửa chừng xuân / thoát gầy cành thiên-hương.*

Cách ngắt mạch của câu lục, nhất là của câu bát không còn theo qui-tắc thông-thường nữa. Nhịp ngưng ở chữ thứ ba làm mất thế quân-bình của câu thơ tạo nên một âm-điệu gãy đổ đề nói đến một cái chết đột-ngột, một đời xuân sắc nửa chừng.

Trong một bài thơ cò phong, Tản-Đà viết :

*Tài cao, phận thấp, chí-khí uất
Giang-hồ mê chơi quên quê-hương.*

Nhiều thanh trắc nối tiếp nhau ở câu trên đề diễn-tả những nỗi niềm bất-mãn, bức-dộc, u-uất.

Câu dưới toàn thanh bằng cốt gọi lại một tâm-lý buông xuôi, thả lỏng.

Ngày nay, sự phóng-túg của thể-thức thơ mới càng giúp cho thi-nhân dễ-dàng hơn trong việc vận-dụng những nhạc-điệu tượng-ý, tượng hình, hay tượng thanh.

Những cảm-hứng mông-lung của X.D. với bao tình ý bàng-bạc trong gió trắng, hoa cỏ được dàn trải miên-man, bất-chấp cả khuôn-khò câu thơ, đoạn thơ :

*Với bàn tay ấy ở trong tay
Ta đã vui quên hận tháng ngày
Một tối trắng cao gieo mộng tưởng
Vào luồng gió nhẹ thần-thơ bay*

Một tối vòm trời đắm sắc mây
 Cây tìm nghiêng xuống cánh hoa gầy
 Hoa nghiêng xuống cỏ trong khi cỏ
 Nghiêng xuống làn rêu. Một tối đầy

Những lời huyền-bí bốc lên trắng
 Những ý bao-la tỏa xuống trần
 Những tiếng ân-tình hoa bảo gió
 Gió đào thỏ-thẻ bảo hoa xuân

Bóng chiều đi vụt. Bỗng hôm nay
 Ta lại đa mang hận tháng ngày
 Dưới ánh trắng cười ta kiếm mãi
 Dầu bàn tay ấy ở trong tay.

(Với bàn tay ấy)

X. D. có những câu 7 chữ :

Ái-vân đèo cao núi hiềm trở
 Ngất dựng hùng-quan từ vạn thuở
 Trắng lợt đầu non sừng-sừng mây
 Vực thẳm, triền nghiêng, cây núu cây
 Đường quanh, đá chồm, dốc treo ngược...

Điều thơ trúc-trắc gợi cho người đọc hình ảnh hùng-vĩ mà cheo-leo của một ngọn đèo cao tưởng chừng không ai vượt nổi.

« Tiếng địch sông Ô » của Phạm-Huy-Thông được xem như là một bầu anh-hùng-ca với những nhịp điệu mạnh-mẽ lôi cuốn tâm-hồn người đọc :

... Khắp bốn phương giáo mác tỏa hào-quang
 Liên-tiếp nhau chen-chúc xung quanh ven trời lớn
 Mấy lần trại — lười xa-xôi, mịt-mùng và chắc-chắn —
 Dóng trùng trùng điệp điệp trên đầu non
 Cờ chur hầu đỏ rực như pha son
 Quấn-quại cong trên nền trời lá mạ
 Gió quất bên tai Vương. Và rộn-rã

*Tiếng quân reo, tiếng ngựa hí, tiếng loa vang
Theo gió chiều vi-vút vắng đưa sang..*

Nói đến tiết điệu tân-kỳ của thơ mới, tưởng cũng nên nhắc đến những câu thơ toàn thanh bằng :

*Ổ đêm nay trời trong như gương
Không làn mây vương không hơi sương
Tơ trắng buông rèm trên muôn cành
Tơ trắng vàng run như âm-thanh
Từ đâu tiêu sầu reo vi-vu
Buồn như làn mây hiền mùa thu.*

Tiêu Sầu — HÀN.MẶC-TỬ

Và những câu có các chữ vần không đối bằng với trắc mà đối đoản bình-thanh với trường bình-thanh :

*Tôi yêu Bao-Tự mặt sầu bi (đbt)
Tôi mê Ly-Cơ hình nhịp-nhàng (tbt)
Tôi tưởng tôi là Đường-Minh-Hoàng (tbt)
Trong cung nhớ nàng Dương-Quý-Phi (đbt)*

Nhị hồ — X. D.

Lối dùng toàn thanh bằng hoặc vần bằng trên đây không được các nhà thơ hưởng-ứng mấy. Có lẽ vì nó làm nghèo âm-hưởng của một thứ tiếng có 2 thanh bằng nhưng đến 4 thanh trắc chẳng ?



Muốn cho điệu thơ phù-hợp với sự diễn-biến của nội-dung bài thơ, các nhà thơ mới còn sáng tạo ra lối thơ hợp-thề.

Cảnh trạng, tình ý nào, điệu thơ ấy.

Thanh-thoát, nhẹ-nhàng thì dùng điệu 5 chữ.

Trang-trọng, cồ-kính có điệu 7 chữ

Bi-thiết hay hùng-hồn có điệu 8 chữ

Êm-đềm, thân-mật có điệu lục bát.

Thi-sĩ được tự-do lựa chọn đề đưa nhiều điều thơ khác nhau vào một bài.

DÂN CA

Qua làn sóng điện
 Tiếng hát cất lên
 Nhạc bình-dân nâng giọng hò Trung-Việt
 Điệu quê-hương như tiếng mẹ ru mình

 Ngày xưa
 Tôi là đứa trẻ
 Lớn lên trong khúc ru hời
 Biết khóc biết cười, biết nghịch quai nôi
 Giấc ngủ chiều trăng thoảng hương hoa bưởi
 Tiếng mẹ ru tiếng cuộc đời diệu vợi
 Tôi thấy chập chờn đôi cánh trắng ca-dao
 Tôi thấy núi nhiều chim, biển đầy cá, trời đầy sao
 Mùa xuân lắm hoa đào, hoa huệ
 Trong tiếng hát có người hiếu-đễ
 Hết lòng phụng-dưỡng mẹ cha :
 « Đói lòng ăn hột chà-là
 « Đề cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng »
 Tôi gần với vùng trăng, cánh gió
 Tôi ngao-du nội cỏ, ngàn cây
 Ải-Vân vời-vọi đèo mây
 Khôn lớn chữ thầy, áo mẹ, cơm cha
 Hương rạ mới tháng ba tháng tám
 Lệ Xuân Thu đình đám hội hè
 Thương nhau, nhìn mảnh trăng thề
 Cầu tre, lối sỏi, đi, về có nhau
 Truyện Tấm Cám đượm màu ân oán
 Truyện Vân-Tiên : nghĩa bạn, tình yêu
 Đa đoan thân-phận Thúy-Kiều
 Ngàn sau còn hát « nhiều điều giá gương » ...

Điểm cỏ, cầu sương
 Hát buồn, hát tủi
 Thiêm-thiếp trường-giang thảng đợi năm chờ
 Anh lái Trương-Chi hát rung màu trắng lạnh
 Vọng sang lầu Thừa-Tướng, Mỹ-nương mơ ...
 Nhưng cho dù tình duyên tan vỡ
 Cho dù lúa cháy, đồng khô
 Nước quân-quại ngàn thu Bắc-thuộc
 Đêm thực-dân mờ phủ suốt trăm năm
 Tiếng hát găm lên tiếng máu
 Âm dân-ca bùng dậy ý kiêu-hùng
 Triều sóng Bạch-Đăng, vó ngựa Quang-Trung
 Nòng súng kíp, mũi tầm-vông đề-kháng
 Trời vẫn cứ xanh, trăng vẫn sáng
 Đêm thanh-bình lúa nếp hong sương
 Thế-hệ già ngân mãi điệu quê-hương
 Thế-hệ trẻ uống từng lời sữa ngọt
 Tiếng hát truyền-lưu, thiết-tha, cao vút
 Cầu tre, lối sỏi, mấy kẻ đi, về
 Hẹn mùa xuân trầu cau, cheo cưới
 Đất Tự-Do ngọt bùi, thơm hồng
 Nắng hạ, mưa đông
 Hát thương, hát nhớ
 Lời vẫn, tình dài
 Ở những người mặc áo vá vai
 Những chàng trai tuổi cần công nợ
 Những cô gái duyên tình dang-dở
 Những mảnh đời đói rách lọng-đong
 Họ lần về ven mạn sông Hồng
 Tìm khuây-khỏa trong âm-trình sa-mạc
 Hay gửi lòng theo tình thơ, ý nhạc
 Điệu trống quân vang vọng canh trường
 Nhớ nhau thì về thăm nước sông Hương
 Trao tâm-sự qua mái nhì, mái đầy
 Sáng lên nữa, ơi vùng trắng thảng bầy
 Giọng hò khoan xứ Quảng chứa-chan tình
 Sông Hậu, sông Tiền, lời chị, lời anh

Duyên phù-sa đậm-dà câu vọng-cờ
 Hát lên mẹ, hát cho vơi sầu khô
 Hồ lên em, nương nhịp điệu mà vui
 Con thương về xóm nhỏ xa xôi
 Mẹ cấy lúa đồng sâu cấy cấy mưa bắc
 Tấm áo tứ thân gói cuộc đời chân thật
 Và em

năm tháng giết thơ-ngây
 Bếp lửa nghèo không soi rõ bàn tay

Hỡi người nghệ-sĩ
 Ngân điệu quê-hương
 Người hát nữa hay sắp ngừng đấy nhỉ
 Còn đưa tôi trở lại mấy con đường?

TƯỜNG-LINH





***SONG THẮT
LỤC
BÁT***

SONG THẤT LỤC BÁT

Đề làm tăng nhạc điệu réo rắt cho tiếng hò, giọng hát, người thi-sĩ bình-dân của ta còn biết dùng vần trắc xen vào những câu vần bằng :

— *Làm thơ mà dán cây chanh*
Trai bỏ học hành, gái bỏ bán buôn
Gái bỏ bán buôn thì còn lịch sự
Trai bỏ học hành mỗi chữ năm roi

— *Trèo lên cây bưởi hái hoa*
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay

— *Ba đồng một mớ trầu cay*
Sao anh không hỏi những ngày còn không
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.

Ca-dao

Từ những câu hát đơn-sơ di-dỏm với một hình-thức không có khuôn-khổ nhất định như trên, những thi-sĩ học-thức đã tạo thành một lối thơ cứ hai câu 7 chữ tiếp xuống một câu 6, một câu 8, gọi là thể song thất lục bát.

NÓI CHUYỆN VỚI ẢNH

Người đâu cũng giống đa tình
Ngỡ là ai lại là mình với ta
Mình với ta dẫu hai nhưng một
Ta với mình tuy một mà hai

Năm nay mình mới ra đời
 Mà ta ra trước đã ngoài đôi mươi
 Cuộc nhân thế câu cười tiếng khóc
 Nghề sinh nhai lối dọc đường ngang
 Dầu xanh ai đã điếm sương
 Những e cùng thẹn những thương cùng sầu
 Đôi ta vốn cùng nhau một tướng
 Lạ cho mình sung-sướng như tiên
 Phong tư tài mạo thiên nhiên
 Không thương, không sợ, không phiền, không lo
 Xuân bất tận trời cho có mãi
 Mảnh gương trong đứng lại với tình
 Trăm năm ta lánh cõi trần
 Nghìn năm mình giữ tinh-thần chưa phai.

TÀN-ĐÀ



● 1.— CÁCH HIỆP VĂN

Thề song thất lục bát có cả yêu-vận, cước-vận, vần trắc, vần bằng.

- 1) Tiếng cuối câu thất một vần với tiếng thứ năm câu thất hai (vần trắc).
- 2) Tiếng cuối câu thất hai vần với tiếng cuối câu lục (vần bằng).
- 3) Tiếng cuối câu lục vần với tiếng thứ sáu câu bát (vần bằng).
- 4) Tiếng cuối câu bát vần lại với tiếng thứ năm câu thất một (vần bằng).

Rồi cứ thế tiếp-tục.

Trông mé đông là buồm xuôi ngược
 Thấy mênh-mông những nước cùng mây
 Đông rồi thời lại sang tây
 Thấy non chất ngất, thấy cây rườm-rà
 Trông nam thấy nhạn sa lác-đắc
 Trông bắc thời ngàn bạc màu sương
 Khấp trong trời đất bốn phương
 Cõi tiên khơi thăm, biết đường nào đi.

Khóc vua Quang-Trung — LÊ-NGỌC-HÂN

Cước-chú: Có khi tiếng cuối câu bát không vần xuống tiếng thứ năm câu thất một, mà lại vần xuống tiếng thứ ba:

*Cớ sao cách trở nước non
 Khiến người thôi sớm thời hôm đeo sầu
 Trang phong-lưu đang chùng niên-thiếu
 Sánh nhau cùng đan-dấu chữ duyên
 Nở nào đôi lứa thiếu-niên
 Quan-sơn đề cách hàn-huyên cho đành
 Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu...*

Chinh-phụ-ngâm diễn nôm
 ĐOÀN-THỊ-ĐIỀM



● II.— LUẬT BẰNG TRẮC

Hai câu lục bát đã được khảo-sát ở bài trước, vậy chỉ xét hai câu thất. Nhịp của câu thất ngắt ở những tiếng 3, 5, 7 nên luật gián-thanh áp-dụng vào những tiếng ấy.

*Vì mặt trắng | thương người | mệnh bạc |
 Khúc đoạn-trường | tả bước | lưu-ly
 Lờ-mờ nước chảy mây đi
 Tri-âm biết có chung kỳ là ai
 Dòng thệ thủy | núi mài | sông lở |
 Tắm lòng son | gột rửa | bao phai |
 Bận mình chi mấy chữ tài
 Túi cơm giá áo như ai cũng nhân.*

Truy-diệu cụ Nguyễn-Du
 ƯU-THIÊN BÙI-KỶ

	3	5	7
Thất một	T	B	T
Thất hai	B	T	B

Cước-chú: Gặp trường-hợp tiếng cuối câu bát vần xuống tiếng thứ ba câu thất một (như đã nêu ở phần cước-chú trên) lẽ dĩ-nhiên tiếng thứ ba này phải đối ra bằng, những tiếng khác thanh vần giữ nguyên.

Thất một :	B	B	T
Thất hai :	B	T	B



◎ III.— ĐỊA-VỊ THỂ SONG THẤT LỤC BÁT

Thề song thất lục bát, mặc dầu có những câu 7 chữ, vẫn chỉ là một thể văn vần thuần-túy Việt-Nam. Cách ngưng nhịp, âm-luật và lối bỏ vần của những câu song thất hoàn-toàn khác-biệt với cách điệu của các câu thất ngôn cô-phong hay Đường-luật.

Điệu song thất lục bát thực ra không mấy thịnh-hành trong ca-dao. Thường ta cũng gặp những bài gồm mấy câu vần trắc cùng đi với mấy câu vần bằng, nhưng cách cấu-tạo của các bài thay đổi vô chừng, không thành một nền-nếp nào cả.

Trái lại trong văn-chương nho-sĩ, các nhà thơ thường dùng thề-tài có âm-điệu trầm bổng réo-rắt này để viết các ngâm-khúc, kê-lễ những nỗi-niềm buồn rầu u-uất như Chinh-phụ-ngâm bản dịch của Đoàn-thị-Điễm, Cung-oán Ngâm-khúc của Nguyễn-gia-Thiều, Văn-tế thập loại chúng-sinh của Nguyễn-Du. Khóc vua Quang-Trung của Lê-ngọc-Hân, Tỳ-bà-hành diễn nôm của Phan-huy-Vĩnh...

Ngoài ra, qua các thi-phẩm như Bình Ngô Đại Cáo bản dịch của Phi-Khanh, những bài ca ngợi chiến-công lịch-sử của Vũ-hoàng-Chương, ta thấy âm-điệu của Song thất lục bát còn có thể thích-hợp cho những khúc ca hùng-tráng.

Trong thơ mới, thi-nhân thường dùng điệu song thất lục bát viết những bài trào-phúng trên các báo hàng ngày hơn là để diễn-đạt tâm-tinh.

*Chim xa rừng thương cây nhớ cội
Người xa nguồn trời nỗi lắm nơi
Nước non là nước non trời
Ai chiaặng nước, ai dờiặng non.*

Ca-dao

*Tiếng hát ngư-ông giữa sông Nhật-lệ
Tiếng kêu đàn nhạn về ống Hoàn-sơn
Một mình em ngồi giữa lòng thuyền
Tiếng ca du nguyệt đoạn-trường ai hay.*

Ca-dao

Bên này sông có trồng bụi sả
 Bên kia sông ông xã trồng một bụi tre
 Trách ai làm bụi tre nó ngã, bụi sả nó rầu
 Phải chi ngoài biển có cầu
 Anh ra đó giải đạu sầu cho em.

Ca-dao

Cây đa trốc gốc
 Thợ mộc đang cưa
 Gặp em đứng bóng đang trưa
 Trách trời vội tối, phen chưa hết lời.

Ca-dao

Tỉnh Thừa-Thiên dân hiền cảnh lịch
 Non xanh nước biếc điện ngọc đền rồng
 Tháp bảy tầng, Thánh miếu, chùa Ông
 Chuông khua Diệu-đế, trống rung Tam-tòa
 Cầu Trường-tiền sáu nhịp bắc qua
 Tả Thanh-long, hữu Bạch-Hồ
 Dợi khách âu ca thái-bình.

Ca-dao

— Nghe anh lâu thông lịch sử
 Em xin hỏi thử đất Nam Trung
 Hỏi ai Gia-Định tam hùng ?
 — Ông Tánh, ông Nhân, cùng ông Huỳnh-Đức
 Ba ông hết sức phò nước một lòng
 Nổi danh Gia-định tam hùng
 Trọn nghĩa thủy chung có ông Võ-Tánh
 Tài cao sức mạnh, trọn nghĩa quyên sinh
 Bước lên lầu cao bát giác thiêu mình như không.

Ca-dao



HẢI NGOẠI HUYẾT THU

Lời huyết lệ gửi về trong nước
 Kề tháng ngày chưa được bao lâu

Nhắc trông phong cảnh năm châu
 Gió mây bâng-lãng, dạ sầu ngàn-ngơ
 Hồn cố quốc vắn-vơ vơ-vắn
 Khôn tìm đường dò nhắ hỏi han
 Bâng khuâng đỉnh núi chân ngàn
 Khói tuôn khí uất, sóng tràn trận đau
 Tưởng nông nổi đồng bào thêm oán
 Nghĩ thân mình dám quản một hai
 Tiện đây cật dạ mấy lời
 Lại xin tỏ giải cùng người quốc nhân
 Mong người nước dần dần tỉnh ngộ
 Dem lời này khuyên nhủ cùng nhau
 Nước ta mất bởi vì đâu ?
 Hãy xin bày tỏ như sau mấy điều
 Một là vua chẳng yêu gì nước
 Hai là quan chẳng thiết chi dân
 Ba là dân chỉ biết dân
 Mặc quân với quốc, mặc thần với ai ...

SÀO-NAM PHAN-BỘI-CHÂU

(trích một đoạn)



CUNG OÁN NGAM-KHÚC

Nào lối dạo vườn hoa năm ấy
 Đóa hồng đào hái buổi còn xanh
 Trên gác phượng, dưới lầu oanh
 Gối du tiên hãy rành rành song song
 Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng
 Đề thân này cỏ úng tợn mành
 Đông-quân sao khéo bất tình
 Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân
 Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ
 Cành liễu mành bẻ thuở đương tơ
 Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà
 Mãnh xuân y hãy sờ sờ dấu phong

Bây giờ đã ra lòng ruộng rẫy
 Đề thân này nước chảy hoa trôi
 Hóa-công sao khéo trên người
 Bóng đèn tà nguyệt nhử mùi ký sinh
 Cánh hoa lạc nguyệt minh đường ấy
 Lửa hoàng-hôn như cháy tấm son
 Hoàng-hôn thôi lại hôn-hoàng
 Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa
 Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng
 Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn
 Tình buồn cảnh lại vô duyên
 Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này
 Khi trận gió lung lay cành bích
 Nghe rầm rì tiếng mách ngoài xa
 Mơ hồ nghe tiếng xe ra
 Đốt phong hương hỏa mà hơ áo tàn
 Ai ngờ tiếng dễ than rì rĩ
 Giọng bi thu gọi kẻ cô phòng
 Vắng tanh nào thấy vãn mòng
 Hơi thê lương lạnh ngắt song phi huyền
 Khi bóng tỏ chênh vênh trước nóc
 Nghe vang lừng tiếng giục bên tai
 Đề chừng nghĩ tiếng tiêu đời
 Nghiêng bình phẫn mốc mà đời má nheo
 Ai ngờ tiếng quyên kêu ra rả
 Điệu thương xuân khóc ở sương khuê
 Lạnh-lũng nào thấy ủ-ê
 Khi bi thương sức dức hè lạc hoa ...

NGUYỄN-GIA-THIỆU

(trích một đoạn)



KHỐC VUA QUANG-TRUNG

Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt
 Cảnh điêu-hiu, thánh-thốt châu sa

Tưởng lời di-ngữ thiết-tha
 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê
 Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở
 Mối sầu này, ai gỡ cho xong
 Quyết liễu mong vẹn chữ « tòng »
 Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e
 Còn trứng nước, thương vì đôi trẻ
 Chữ thâm tình không nhẽ bỏ đi
 Vậy nên nấn-ná ngày trì
 Hình dường như ở, hồn thì đã theo
 Năm canh luống chiêm bao lẫn-quất
 Mơ tưởng còn phảng-phất thiên-nhan
 Tiếng say trên gối trước màn
 Khi mê dường thấy, khi tàn lại không
 Nhà ngọc vũ tiếng đồng vắng-vắng
 Khúc quân thù sao vắng âm hao
 Mơ-màng luống những khát-khao
 Ngọc-kính chốn ấy, ngày nào tới nơi
 Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ
 Nguyện « đồng sinh » sao đã kíp phai
 Xưa sao sớm hỏi, khuya vời
 Nặng lời vàng đá, cạn lời tóc tơ
 Bây giờ bỗng thờ-ơ lặng-lẽ
 Linh cô-đơn, ai kẻ biết đâu
 Xưa sao gang tấc gần châu
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca
 Bây giờ bỗng cách xa đôi cõi,
 Tin hàn-huyên khôn hỏi thăm lên
 Nửa cung gầy phiếm cầm lạnh
 Nỗi con cô-cút, nỗi mình bơ-vơ
 Nghĩ nông nỗi ngàn-ngờ đòi lúc
 Tiếng tử qui thêm giục lòng thương
 Nào người thay, cảnh tiêu-lương
 Dạ thường quẩn-quại, mắt thường ngóng trông
 Trông mé đông, lá buồm xuôi ngược
 Thấy mệnh-mông những nước cùng mây

Đông rồi, thời lại trông tây
 Thấy non chắt-ngắt, thấy cây rườm-rà
 Trông nam, thấy nhạn sa lác-đác
 Trông bắc thời ngàn bạc màu sương
 Khắp trông trời đất bốn phương
 Cõi tiên khời thăm, biết đường nào đi ? ...

LÊ-NGỌC-HÂN

(trích một đoạn)



KHỐC DƯƠNG-KHUÊ

Bác Dương thôi đã thôi rồi
 Nước mây man-mác, ngậm-ngùi lòng ta
 Nhớ từ thuở đặng-khoa ngày trước
 Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau
 Kính yêu từ trước đến sau
 Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời
 Cũng có lúc chơi nơi dạm khách
 Tiếng suối reo róc-rách lưng đèo
 Có khi từng gác cheo-leo
 Khúc vui con hát lựa chiều cầm xoang
 Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp
 Chén quỳnh-tương ấm ấp bầu xuân
 Có khi bàn soạn câu văn
 Biết bao dòng bút, điền phần trước sau
 Buổi dương cửu cùng nhau hoạn-nạn
 Miếng đầu thắng chẳng dám tham trời
 Tôi già bác cũng già rồi
 Biết thôi, thôi thế thời thôi mới là
 Đường đi lại tuổi già thêm nhác
 Trước ba năm, gặp bác một lần
 Cầm tay hỏi hết xa gần
 Mừng rằng bác vẫn tinh-thần chưa can
 Kề tuổi tôi còn hơn tuổi bác
 Tôi lại đau trước bác mấy ngày

Làm sao bác vội về ngay
 Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng-rời
 Ai chẳng biết chán đời là phải
 Vội-vàng chi đã mãi lên tiên
 Rượu ngon không có bạn hiền
 Không mua, không phải không tiền không mua
 Câu thơ nghĩ đắn đo muốn viết
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa
 Giường kia treo những hững-hờ
 Đàn kia gảy cũng ngàn-ngơ tiếng đàn
 Bác chẳng ở, dầu van chẳng ở
 Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương
 Tuổi già hạt lệ như sương
 Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa-chan.

YÊN-ĐỒ



NGÀY TRỞ VỀ

Thiếp chẳng đại như người Tô-phụ
 Chàng hẳn không như lũ Lạc-dương
 Khi về đeo quả ấn vàng
 Trên khung cửa, dăm dây đuông làm cao
 Xin vì chàng xếp bèo cõi giáp
 Xin vì chàng rũ lớp phong sương
 Vì chàng tay chuốc chén vàng
 Vì chàng diêm phấn đeo hương nẻo-nùng
 Mở khăn lệ chàng trông từng tấm
 Đọc thơ sầu chàng thẩm từng câu
 Câu vui đôi lấy câu sầu
 Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời
 Sẽ uống vui lần lần từng chén
 Sẽ ca lẫn den đến từng thiên
 Liên ngâm đối ẩm đòi phen
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già

Cho bỏ lúc xa sầu cách nhớ
 Giữ gìn nhau vui thuở thanh-bình
 Ngâm nga mong mỗi chữ tình
 Nhường này âu hẳn tài lành trượng-phu.

Chinh-phụ ngâm ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM dịch
 (trích một đoạn)



TỶ-BÀ HÀNH

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách
 Quạnh hơi thu, lau lách đìu-hiu
 Người xuống ngựa, khách dừng chèo
 Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti
 Say những luống ngại khi chia rẽ
 Nước mênh-mông đượm vẻ gương trông
 Đàn ai nghe vắng bên sông
 Chủ khuây-khỏa lại, khách dùng-dăng xuôi
 Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá
 Dừng đây tơ nấn-ná làm thịnh
 Rời thuyền ghé lại thăm tình
 Chong đèn thêm rượu, còn dành tiệc vui
 Mời mọc mãi, thấy người bở-ngỡ
 Tay ôm đàn che nửa mặt hoa
 Vận đàn mấy tiếng dạo qua
 Dấu chưa nên khúc, tình đà thoảng hay
 Nghe não-nuột mấy dây buồn-bực
 Đường than niềm ấm-ức bấy lâu
 Mây châu tay gảy khúc sầu
 Giải bày hết nỗi trước sau muôn vàn
 Ngón buông, bắt, khoan khoan đìu-dặt
 Trước Nghê-thường sau thoát Lục-yêu
 Dây tơ nhượng đồ mưa rào
 Ni-non dây nhỏ khác nào chuyện riêng
 Tiếng cao thấp lựa chèn lẫn gảy
 Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu

Trong hoa, oanh ríu-rít nhau
 Nước tuông róc-rách, chảy mau xuống ghềnh
 Nước suối lạnh, dây mành ngừng đứt
 Ngừng đứt nên phút bật tiếng tơ
 Ôm sầu, mang giận ngằn-ngờ
 Tiếng tơ lạnh ngắt bấy giờ càng hay
 Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước
 Ngựa sắt giong, xô-xát tiếng đao
 Cung đàn trợn khúc thành-tao
 Tiếng buông xé lụa, lụa vào bốn dây
 Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt
 Một vầng trăng trong vắt lòng sông
 Ngậm-ngùi đàn bát xệp xong
 Áo xiêm khép-nếp hầu mong giải lời
 Rằng: «Xưa vốn là người kẻ chợ
 Cồn Hà-mô trú ở lân-la
 Học đàn từ thuở mười ba
 Giáo phường đệ nhất chĩnh đà chép tên
 Cả Thiện-tài sợ phen dừng khúc
 Á Thu-nương ghen lúc diêm tô
 Ngũ-lăng chàng trẻ ganh đua
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn
 Vành lược bạc gãy tan dịp gỡ
 Bức quần hồng hoen-ố rượu rơi
 Năm năm lần lửa vui cười
 Mai trắng hóa chẳng đoài-hoài xuân thu
 Buồn em thấy, lại lo dì thác
 Sầu hôm mai đời khác hình dung
 Cửa ngoài xe ngựa vắng không
 Về già mới kết duyên cùng khách thương
 Khách trọng lợi khinh đường ly cách
 Mai buôn chè sớm tETCH nguồn khơi
 Thuyền không đậu bến mặc ai
 Quanh thuyền trắng dải nước trời lạnh-lùng
 Đêm khuya sức nhớ vòng tuổi trẻ
 Chợt mơ màng dòng lệ nhỏ hoen

Nghe đàn ta đã trạnh buồn
 Lại sầu nghe nổi nỉ non mấy lời
 « Cùng một lúa bên trời lặn đặn
 Gặp gỡ nhau lạ sẵn quen nhau
 Từ xa kinh khuyết bấy lâu
 Tầm-dương đất trịch gối sầu hôm mai
 Chốn cùng-tịch lấy ai vui thích
 Tai chẳng nghe đàn địch cả năm
 Sông Bồn gần chốn cát lăm
 Lau vàng, trúc võ, âm-thầm quanh hiên
 Tiếng chi đó nghe liền sớm tối
 Cuộc kêu sầu, vượn nói véo von
 Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn
 Lăn lăn tay chuốc chén son ngập-ngừng
 Há chẳng có ca rừng, địch nội
 Giọng liú-lo, buồn nổi khó nghe
 Tỳ-bà nghe đạo canh khuya
 Đường như tiếng nhạc gần kề bên tai
 Hãy ngồi lại, gảy chơi khúc nữa
 Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca »
 Đứng lâu đường cảm lời ta
 Lại ngồi lựa phiếm đàn đà kíp dây
 Nghe nẻo-nuột khác tay đàn trước
 Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi
 Lệ ai chan-chứa hơn người
 Gian-châu Tư-mã dượm mùi áo xanh.

PHAN-HUY-VỊNH diễn nôm



BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

.
 Năm Đinh-Mùi giữa trong tháng chín
 Từ Khâu-ôn, Thăng tiến binh sang
 Thạnh thì từ nẻo Vân-nam
 Hai đàn hồ đối kéo tràn vào ta

Trước thế nguy ta đã phòng giũ
 Tự đều binh ngăn lữ Bắc-quân
 Mọi nơi hiểm-yếu xa gần
 Lại sai tướng chẹn lương quân giặc trời
 Cho chúng tuyệt hết nơi tiếp-viện
 Cho chúng thêm một chuyển lao-đao
 Quân vây ta đánh thúc vào
 Phá tan thế giặc khác nào chẻ tre
 Ngày mười tám trận Chi-Lăng đi
 Tên Liễu-Thắng đã phải cong đuôi
 Sống thêm đến buổi hai mươi
 Mã-Yên một trận hết đời Liễu-Thắng
 Lương-Minh ngày hăm lăm thiệt mạng
 Lý-Khánh hôm hăm tám từ đời
 Dao ta đang lúc sắc ngời
 Giáo quân giặc phải chịu lùi lại ngay
 Thêm bốn phía quân vây thành tặc
 Cùng hẹn ngày diệt giặc cường-xâm
 Tướng binh nhất trí đồng tâm
 Chi lòng chiến trận mười lăm tháng mười
 Khấp sĩ tốt ra oai tì hổ
 Thần thú càng tỏ rõ thảo-nha
 Nặng thù vì nước vì nhà
 Oan khiên ấy gọi tính đã mấy mươi
 Gươm mài đá, đá thời phai vệt
 Voi uống thì sông hết nước sông
 Bao phen sôi giận dùng dùng
 Nên càng quyết rửa cho xong căm-hờn
 Đánh một trận sạch trơn kinh ngạc
 Đánh hai trận tan-tác chim muông
 Gió to trút sạch lá vàng
 Kiến khơi tổ rồng sụt toang dề già
 Thôi-Tự phải quì mà xin lỗi
 Hoàng-Phúc kia tự trối ra hàng
 Lạng-sơn cho đến Lạng-giang
 Thây phơi xương trắng ngập đàn ải quan

Lại Xương-giang, Bình-than nơi đó
 Máu đỏ tươi nhuộm đỏ suối nguồn
 Ấm ăm thác đổ nước son
 Trùng trùng nuôi biển táng hồn Bắc-quân
 Gấm thay sắc phong vân cũng đời
 Ánh hai vùng chịu nổi mờ trong
 Binh Vân-nam sợ run lòng
 Đến Lê-hoa bị ghen không lối vào
 Quân Mộc-Thạnh làm sao nhớn-nhác
 Bỏ Thăng thành tan-tác chạy mau
 Thảm thay! suối máu Lãnh câu
 Ghê thay! Đan-xá đầu lâu đầy thành
 Quân hai mặt cứu binh sợ chết
 Đã cầm đầu chạy miết về xa
 Còn bao thành lũy khẩu tà
 Vội đều cởi giáp xin ta cho hàng

.
 Than ôi mảnh nhưng y vùng-vẫy
 Đại định nay đã thấy nên công
 Bốn phương tỏ rạng mây hồng
 Câu ca thái vũ ngoài trong vang lừng
 Hội vinh-thanh tung-bừng khắp chốn
 Sáo lạc-hoan vang rộn từng mây
 Bình Ngô Cáo một thiên này
 Ngỏ cho dân nước đó đây biết cùng.

Trích Bản dịch của PHI-KHANH



AI - QUỐC

Nay ta hát một thiên á-quốc
 Yêu gì hơn yêu nước nhà ta
 Irang-nghiêm bốn mặt sơn-hà
 Ông cha ta để cho ta lọ vàng

Trải mấy lớp tiền-vương dựng mở
 Bốn ngàn năm dài gió dầm mưa
 Biết bao công của người xưa
 Gang sông, tắc núi, dạ dưa, ruột tằm
 Hào Đại-hải âm-thầm trước mặt
 Đãi Cửu-long quanh quất miền Tây
 Một tòa san-sát xinh thay
 Bên kia Vân, Quảng, bên này Côn-lôn
 Vẻ gấm vóc nước non thêm đẹp
 Rắp những mong cơ-nghiệp dài lâu
 Giống khôn há phải đàn trâu
 Giang-sơn nở đê người đầu vẫy-vùng
 Hai mươi triệu dân cùng của hết
 Bốn mươi năm nước mất quyền không
 Thương ôi ! công-nghiệp tồ tông,
 Nước tanh máu đỏ, non chông thớt cao
 Non nước ấy biết bao máu mủ
 Nở nào đem nuôi lũ sài-lang
 Cờ ba sắc, xứ Đông-dương
 Trông càng thêm nhục, nói càng thêm đau
 Nhục vì nước, mà đau người trước
 Nông-nỗi này, non nước cũng oan
 Hồn ơi ! về với giang-sơn
 Muôn người muôn tiếng hát ran câu này
 < Hợp muôn sức ra tay Quang-phục
 Quyết có phen rửa nhục báo thù ... >
 Mấy câu ái-quốc reo hò
 Chữ đồng tâm ấy phải cho một lòng.

HOÀNG-TRỌNG-MẬU



CHIẾN-SĨ HÀNH

Hai năm trước cuối mùa thu xẩm
 Lửa cấm hờn cháy nám trời xanh
 Gió ngàn tứ hướng lộng hành
 Mây thù bủa khắp kinh-thanh loạn-ly

Trước nhục nước kề chi thân nửa
 Xếp bút nghiên mài giữa kiếm cung
 Cao tay thề với non sông
 Noi gương xưa những anh-hùng giục ngang
 Tiếng trống giục rền vang đêm tối
 Hàng cờ bay theo lối gió đưa
 Ra đi khỏi hồ sông thừa
 Lên yên ngựa, chiến-bào chưa nhạt mùi
 Đêm thánng chín nghe trời hiu-quạnh
 Ngày lập đông sương lạnh biên-thùy
 Người đi rồi lại người đi
 Mười mong chín nhớ làm chi? Hỡi người
 Loa truyền hịch lời lời thống-thiết
 Hịch nhờ loa cho biết tin nhà
 Khói hờn loạn phủ ải xa
 Lửa hờn dậy khắp sơn-hà Việt-nam
 Lời loa thét bay tràn quan-ải
 Bóng quân-kỳ lấp dải Trường-sơn
 Tám mươi năm nuốt tuổi hờn
 Lòng dân rung chuyển nhịp đờn tiến binh.

VŨ-ANH-KHANH

(trích một đoạn)



TRẢ TA SÔNG NÚI

Nhân ngày kỷ-niệm liệt-sĩ

Trải bốn nghìn năm dựng nước nhà
 Sông khoe hùng-dũng, núi nguy-nga
 «Trả ta sông núi!» Bao người trước
 Gào thét đòi cho bọn chúng ta
 Trả ta sông núi! từng trang sử
 Dân-tộc còn nghe vọng thiết-tha
 Ngược vết thời-gian, cùng nhẩn-nhủ
 Không đòi, ai trả núi sông ta?

Cờ báo phục hai Bà khởi-nghĩa
 Đuôi quân thù xưng Đế một phương
 Long-Biên sấm dậy sa-trường
 Ba thu xã tắc miếu đường uy-nghi
 Xót nòi giống quân chi bồ-liễu
 Giòng Cầm-kê còn réo tinh-anh
 Một phen sông núi tranh giành
 Má hồng ghi dấu sử xanh đời đời.

Bề dâu mấy cuộc đời đời
 Lòng trăm họ vẫn dầu sôi bùng bùng
 Mai-Hắc-Đế, Phùng-Hưng Bối-cái
 Liều thế cô giăng lại biên-cương
 Đầu voi Lê-Hải Bà Vương
 Dù khi chiến-tử vẫn gương anh-hào

Tinh-thần độc-lập nêu cao
 Sài-lang kia! Núi sông nào cửa người?

Núi sông ấy của người dân Việt
 Chống Bắc-phương từng quyết thư-hùng
 Ngô-Quyền đại phá Lưu-Cung
 Bạch-Đằng-giang nổi muôn trùng sóng reo
 Hồn tự chủ về theo lửa đuốc
 Chữ Thiên thư « Nam-quốc sơn-hà »
 Phá tan nghịch lỗ không tha
 Tướng quân Thường-Kiệt gan già mấy mươi
 Gươm chiến thẳng trở vờ Đông Bắc
 Hịch vãi nêu tội giặc tham-tàn
 Dụng nhân nghĩa, vớt lăm than
 Danh thơm ải ngoại, sấm ran biên-thùy
 Khí thiêng lòa chói tư bề
 Phường đô-hộ có gai ghê ít nhiều?

Cửa Hàm-tử vắng tanh vết cáo
 Bến Chương-dương cướp giáo quân thù

Trận Đà-Mạc dẫu rằng thua
 Làm Nam-quỷ, chẳng làm vua Bắc-dinh
 Chém kiện-tướng đồn binh Tây-kết
 Triều Phú-Lương găm thét giang tân
 « Phá cường địch báo hoàng ân »
 Trẻ thơ giòng máu họ Trần cũng sôi
 Kìa trận đánh bèo trôi sóng giập
 Sông Bạch-Đằng thây lấp xương khô
 Những ai qua lại bây giờ
 Nghe hơi gió thoảng còn nghe quân reo
 Hịch Vạn-kiếp lời kêu tướng sĩ
 Hội Diên-Hồng quyết nghị toàn dân
 Khuông phù một dạ ân cần
 Vó thiêng ngựa đá hai lần bần rây
 Sơn-hà mấy độ lung-lay
 Máu bao chiến-sĩ nhuộm say màu cờ.

Cảm ý núi ngời mơ độc-lập
 Thuận tình sông trôi gắp tự-do
 Ấy ai đầu dựng cư-đồ
 Gấm thêu lời chiếu Bình Ngô thủa nào ?
 Cơn nguy khốn ra vào sinh tử
 Thân nằm gai lòng giữ sắt son
 Linh-sơn lương chứa hao mòn
 Quân tan Côi-Huyện chẳng còn mấy may
 Chén rượu ngọt cùng say thắm-thía
 Tình cha con mà nghĩa vua tôi
 Thuận dân là hợp ý trời
 Sử xanh chót-vốt công người Lam-Sơn.

Quốc dân chung một mối hờn
 Cần câu đánh giặc mà hơn giáo dài !

Chống ngoại địch gươm mài quyết chiến
 Voi Quang-Trung thẳng tiến kinh-kỳ
 Phá Thanh-binh trận Thanh-Trì
 Sông Hồng khoanh-khắc lâm-lý máu hồng

Núi dậy sấm cho sông lờ chớp
 Cờ Tây-Sơn bay rợp Bắc-hà
 Xác thù xây ngất Đống-Đa
 Bụi trường-chinh hãy còn pha chiến-bào
 Tinh-thần độc-lập nêu cao
 Sài-lang kia, Núi Sông nào của người ?

Cường-quyền vẫn muôn đời cường áp
 Dưới bàn tay giặc Pháp càng đau
 Chúa tôi nhỏ lệ cùng nhau
 Khuà chiêm hải ngoại rừng sâu kéo cờ
 Dạ Cầm-Vương trơ trơ thiết thạch
 Kẻ Văn-thân Hiệp-khách cùng chung
 Hoàng-Hoa-Thám, Phan-đình-Phùng
 Khói reo Thanh Nghệ, lửa bùng Thái-Nguyên
 Hợp Nghĩa-Thực kết liên đồng chí
 Xuất-dương tìm tri-kỷ Đông-Đô
 Phan-Sào-Nam, Phan-Tây-Hồ
 Long-đong bốn bề mưu đồ cứu dân
 Vận nước chữa hết tuần bĩ cực
 Sức người khôn đo sức ông xanh
 Mỗi phen gắng gỏi tung-hoành
 Thương ôi, sự-nghiệp tan-tành mỗi phen
 Nguyễn-thái-Học gan bền chí cả
 Hợp đồng bang đóng đả nên đoàn
 Rừng xanh bụi đỏ gian-nan
 Mong đem nhiệt-huyết đội tàn cường-quyền
 Tổ-chức việc tuyên-truyền ám-sát
 Khắp nơi nơi từng hạt từng châu
 Xiết bao hy-vọng buổi đầu
 Một đêm Yên-bái ngờ đâu tan-tành.

Ôi Việt-sử là tranh-đấu sử
 Trước đến sau cầm-cự nào ngơi
 Tinh-thần cách-mạng sáng ngời
 Bao người ngã, lại bao người đứng lên
 Ngày nay muốn Sông bền Núi vững
 Phải làm sao cho xứng người xưa

Yêu nòi giống, hiền thời cơ
 Bốn phương một ý phụng thờ giang-sơn
 Đừng lo yếu, hãy chung hờn
 Cần câu đánh giặc từng hơn giáo dài.

Trả Núi Sông ta ! Lời di-vãng
 Thiên thu còn vọng đến tương-lai
 Trả ta Sông Núi, câu hùng-tráng
 Là súng là gươm giữ đất đai...
 Trông lên cao ngất phương trời
 Hồn thiêng Liệt-sĩ bừng tươi sắc cờ.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG



TÂM-SỰ XUÂN XƯA

Xích lại đây ca bài thôn-dã
 Anh biết rồi : trời đã sang xuân
 « Ngựa xe nao-nức áo quần »
 Rót say cho bỏ mấy tuần rượu ngon
 Năm tháng vậy trơ còn thương nhớ
 Em ơi em ! xin chớ ngờ nhau
 Ở đây áo vải cơm rau
 Trối giam thân-thể công hầu mà chi
 Anh cũng đã muộn vì tuổi trẻ
 Chắp gươm thề coi rẻ tướng khanh
 Đêm trắng đuổi ngựa lên thành
 Chiều thu thét gió bên ghềnh Lạng-sơn
 Khốn gàn gù mà hơn cách trở
 Chuyện ngàn xưa thêm dở ngàn sau
 Xót đời trợn lẫn vàng thau
 Liếc ngang khước mắt những đau thể tình
 Thôi cũng tạm làm thỉnh giả diếc
 Tháng ngày vui nước biếc non xanh
 Gảy chơi một khúc đàn tranh
 Thắt dây thiên-lý làm anh lái dò

Làn gió mát thơm-tho mái tóc
 Mảnh trắng trong cười khóc cổ-nhân
 Trăm năm rũ áo bụi trần
 Giàu sang cũng đến một lần mà thôi
 Hưởng lại nữa cuộc đời dâu bể
 Thơ nghìn trang chép đề riêng ai
 Dặm xa vắng khúc ly-hoài
 Nơi đây nghe đã tơi-bời đáng thu.

HOÀNG-TRINH



CON VỆT

Một con vẹt bị người đánh bắt
 Nhốt vào lồng để dạy để nuôi
 Dạy cho nói được nên lời
 Mười phần cũng hết giọng người một, hai
 Người khen vẹt học tài nói sõi
 Vẹt hợm mình càng nói huyền-thiên
 Một hôm lồng ngổ lỏng then
 Vẹt bèn bay bổng về miền rừng xanh
 Khi về tới gia-đình họ vẹt
 Vẹt liên-thanh xoen-xoét trở tài
 Băn-be hàng chuỗi tiếng người
 Tưởng làm bở vía cả loài áo xanh
 Phải khiếp-phục tài mình lỗi-lạc
 Biết nói năng hoạt-bác như người
 Nức khen tiếng chúa trên đời
 Nghe hay hơn hết tiếng loài chim muông
 Vẹt nọ muốn khoe-khoang nói nữa
 Các vẹt kia nghe chẳng hiểu gì
 Con ngáp vặt, con ngủ khi
 Con thì há mỏ, con thì rửa lông
 Một lão vẹt — chừng ông loài vẹt —
 Thấy vẹt non xoen-xoét nói hoài

Làm cho họ vệt ngựa tai
 Vệt già mới phải nghe lời khuyên lơn
 Rằng : Mày đã khôn-ngoa học mót
 Được tiếng người cũng tốt cũng hay
 Nhưng mày đã xổng về đây
 Định lờ ai, tiếng học vạy nói nhờ
 Dù có giỏi bắm-bơ ai hiểu
 Học dẫu tài leo-lẻo ích chi
 Tiếng người đề trả người đi
 Hay gì kỷ-niệm thời-kỳ làm nô.

T. M.



THẾ MỚI LÀ XUÂN

Bỏ bạc vụn tiêu ba ngày Tết
 Được những gì ? Tết hết là thôi
 Hoa hèn, hoa sớ, vẽ vờ
 Tiếng khen chẳng bỏ tiếng cười huênh-hoang
 Tiền bạc ấy đồ đàn đồ chợ
 Sao không đem cứu trợ nhau cùng
 Cửa trời vốn dĩ của chung
 Gì sang hơn nữa tấm lòng vị-tha
 Ôi ! Lục tỉnh muôn nhà vất-vưởng
 Ai đàn lòng vui hưởng ngày xuân
 Xuân là xuân của quốc-dân
 Người đau mình lại trăm phần xót-xa
 Bớt một chút rượu trà hoang-phí
 Bớt xi-nê du-hí đắm ngày
 Ai vui một cuộc rượu say
 Đề ai đói rét đắng cay mọi bề
 Không chỗ trú, đi về sớm tối
 Cảnh tình này bối-rối thảm-thương
 Nghĩ ai lấy đấy làm giường
 Lấy đồng lệ thấm bữa thường thay cơm
 Cửa giúp nhau tiêng thơm còn đây
 Bụng nhân-từ biết lấy chi cân
 Yêu nhau xa cũng như gần
 Đồng-bào tương-trợ là xuân chớ gì.

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

NGÔNG QUÁ

Rạp hát nọ có cô bán vé
 Giữ một chân « cắc kè » mà tàng
 Nhân vì gặp buổi đắt hàng
 Khách xem chủ-nhật lại càng thêm đông
 Bởi chẳng muốn mất công mất việc
 Bèn giả câm, giả điếc cho qua
 Tiền ông vừa mới giơ ra
 Tự nhiên bỗng cái mặt hoa bưng bưng :
 — « Tôi bán vé cho từng này kè
 Thì lấy đâu tiền lẻ trả lui
 Ông về bữa khác đến coi »
 Nói xong gạt phắt tiền rơi xuống gầm
 Cô tiếp-tục làm-bầm : « Một quá
 Họ ngu sao ngu lạ ngu lòng »
 Chẳng qua một kẻ làm công
 Vội chi vác mặt chơi ngông thế bỏ !

HÀ-THƯỢNG-NHÂN



CON YÈNG VÀ VỢ CHỒNG BÁC LÁI

Truyện ngày xưa có một bác lái
 Việc bán buôn thường phải đi xa
 Bác đi để vợ ở nhà
 Một người vợ trẻ tài hoa yêu-kiều
 Bác rất quý rất chiều rất nể
 Và nâng-niu như thề bông hoa
 Mỗi khi bác ngược xuôi xa
 Ngậm-ngùi dặn vợ ở nhà cho ngoan
 Bác gái cũng nũng-nân gạt lệ
 Âu-yếm và thỏ-thẻ cầm tay
 Dặn chớ g : « đi liệu về ngay
 Kẻo em khắc-khoại đêm ngày nhớ mong »

Một chuyến đi vừa trong một tháng
 Bác buôn may mà bán cũng lời
 Lui về lòng bác thanh thơi
 Có trăm nén bạc tiền lời dặt lưng
 Bền đạo chơi khắp vùng kẻ chợ
 Xem thức gì lạ lạ hay hay
 Sẽ mua về — Nặng tình thay
 Làm quà đề tặng đến tay vợ hiền
 Chẳng ngại của đắt tiền, bác sắm
 Nào tư-trang, vóc, gấm, bạc vàng,
 Xong xuôi thơ-thần nhẹ-nhàng
 Dừng chân vào một cửa hàng bán chim
 Tò-mò bác đứng nhìn bách điều
 Trong lồng son lúu-rúu hót vui
 Một con yềng, thuộc tiếng người
 Nói năng ngô-nghĩnh mấy lời bán rao
 « Hỡi ai đó, anh nào ngốc-nghech
 Rước yềng về làm khách tri-âm
 Truyện đời yềng sẽ nhủ thầm
 Yềng này quý giá đến trăm quan tiền »
 Thấy yềng lạ bác liền thích chí
 Hỏi chủ hàng ngỏ ý muốn mua
 Chủ hàng thưa : « Chẳng dám ngoa
 Yềng này học nói thực là bẻm ghê
 Phàm những việc tai nghe mắt thấy
 Yềng trải qua thuật lại rõ-ràng ... »
 Trăm quan tiền trả nhà hàng
 Ung-dung bác lại lên đường về quê
 Về nhà thấy hiền thê vắng mặt
 Chốn buồng điều lặng ngắt lặng ngơ
 Người nhà, bác hỏi, đều thưa
 Bà đi vắng tự hôm qua chưa về
 Bác ngạc-nhiên ủ-ê buồn rượi
 Lòng băn-khoăn ngồi đợi người yêu
 Mặt trời đã xế bóng chiều
 Vợ ngoan mới thấy mỹ-miêu thướt-tha

Dẫu phúc đức về nhà uề-oải
 Sức thấy chồng rất đôi ngạc-nhiên
 Vội-vàng vồn-vã hàn-huyên
 Vuốt-ve, làm nũng, làm duyên nỡn-nường
 Rồi phụng-phịu rưng rưng giọt lệ
 Miệng nỉ-non kè-lễ thiết-tha :
 « Mình đi lâu quá đi mà
 Đề em thơm-thỏm ở nhà nhớ nhung
 Những mong-mỏi nóng lòng sốt ruột
 Đêm lạnh-lùng trần-trọc năm canh
 Sớm chiều hai bữa buồn tênh
 Một mâm, một bát, vắng mình, biếng ăn
 Mình ở chốn xa-xăm cách trở
 Mãi bán buôn có nhớ em không ? »
 Lặng nghe lời tán náo-nùng
 Chàng si quên hết, đề lòng đề-mê
 Liền an-ủi vỗ-vỗ, nựng vợ
 Và làm quà quý hóa trao tay
 Đỗ-dành : « Quà của mình đây
 Thôi mình hãy tạm quên ngày xa nhau
 Nay gấm vóc, hàng tàu tổ hảo
 Mua đề mình may áo mặc đông
 Nay hoa, nay nhẫn, này vòng
 Đề mình trang-diễm, vừa lòng mình chẳng
 Nay con yềng nói năng rất sôi
 Mình sẽ coi nó giỏi lạ thường ... »
 Hỏi han những chuyện dọc đường
 Yềng xoen-xoét kể tình tường cho nghe
 Nào sông bến thuyền bè mắc cửi
 Nào phố phường tấp tểi ngựa xe
 Chợ phiên đông tựa hội hè
 Cao-lâu, tửu-quán tha-hỗ ăn chơi
 Nghe yềng nói như người thông-thái
 Hai vợ chồng bác lái vui tai
 Chồng rằng : « Rồi độ một, hai
 Anh đi xuôi ngược bên trời xa xa

Mình khi ấy ở nhà có bạn
Cùng yềng đây chuyện văn tiêu-sầu ... »

* * *

Thế rồi cách một tháng sau
Bác đi buôn bán ít lâu lại về
Tới nhà vợ lại đi chơi vắng
Bác lái ta lẳng lặng, buồn lòng
Bèn ra hỏi yềng trong lồng
Rằng : « Khi ta vắng yềng trông thấy gì ? »
Yềng rủ-rủ, thù-thì, thốc mách
Việc trong nhà vanh-vách kè ra
Rằng : « ông đi vắng khỏi nhà
Thời bà được dịp mở cờ vui chơi
Rồi những bạn nào trai nào gái
Đánh bạc bài mê mãi ngày đêm
Bữa ăn những chả cùng nem
Rượu chế phê-phởn chị em chén tràn
Ăn xong lại xoay bàn cờ bạc
Cảnh nhà ta đủ các thú vui
Đùa nô, kẻ vẽ, võ dùi
Vang nhà tiếng nói, tiếng cười ba-hoa ... »
Nghe lời yềng nói trước sau
Tam bành bác đã bắt đầu lên cơn
Nhưng nghĩ lại, ăn hơn, hờn thiệt
Bác nén lòng cứ việc điềm-nhiên
Ăn bữa ngon, ngủ giấc yên
Nghỉ-ngơi chờ vợ. Tới đêm vợ về
Lại toan giở trò vờ thương nhớ
Đức anh chường vội đỡ lời ngay
Rằng : « Thôi ! Ngốc đã về đây
Kẻo mà vợ ngốc đêm ngày nhớ mong
Và, cho đỡ nóng lòng sốt ruột
Phải bày ra những cuộc giải phiến
Miệt-mài cờ bạc liên-miên
Rượu chè khoái-trá, chả nem lu bù »,

Nghe chồng nói nửa đùa nửa thật
 Bác gái ta biển mặt, tái xanh
 Cũng liều cải cối, chửi quanh
 Bác trai mát-mẻ cười tình như không
 Bác gái nghĩ trong lòng nghi-hoặc
 Nào biết ai thắc-mắc dò la
 Cớ sao thông tỏ việc nhà
 Biết ma ăn cỗ đem ra mách chồng
 Bực-tức lạ, nổi lòng khôn tỏ
 Chồng lạnh-lùng, biết ngỏ cùng ai
 Một hôm bác lái đi chơi
 Vợ bèn cho triệu một người bạn thân
 Đến bàn-tán phân-vân cớ sự
 Gợi kể thầy người tớ hỏi tra
 Kể ăn người ở trong nhà
 Quyết thề sống chết thực-thà rằng không
 Chẳng hề ở hai lòng, quay quéo
 Như những phường hớt lẻo mỏng môi
 Vả chẳng ông chủ vừa rồi
 Khi về nào có đôi hồi với ai
 Chỉ cùng yềng nói cười một lúc
 Rồi ông xơi cơm nước, nghỉ-ngơi
 Bây giờ bác gái ngàn người
 Té ra con yềng là loài... nan-du
 Bác đã định trả thù giết quách
 Con « thần đánh » thốc-mách việc riêng
 Nhưng sau nghĩ lại không nên
 Vì chưng bác hãy còn kiêng nề chồng
 Vả giết yềng sự lòng vờ lờ
 Tức lạ ông tôi ở bụi này
 Thâm-trầm đã rắp mưu hay
 Một mưu nhỏ mọn khiến thay lòng chồng
 Bác liền xách ngay lòng yềng nọ
 Dem nhốt vào trong xó tối mò
 Bảo rằng : « Hỡ yềng ! Khá lo
 Trời làm sắp-sửa bão to đùng đùng »

Rồi đóng cửa đem thùng sắt nện
 Làm ầm ầm như tiếng sấm vang
 Yềng dương cuống-quít bùng-hoàng
 Bổng ào nước té chứa-chan đầy lồng
 Yềng tường bão, hải-hùng khôn xiết
 Mắt tối-tăm còn biết chỉ mà
 Sớm mai bác lái về nhà
 Hỏi han, yềng cứ thật-thà yềng thưa
 Rằng : « Ông đi vắng hôm qua
 Trời làm bão táp mưa sa ùng ùng »
 Khiến ông chủ lạ-lùng ngờ-ngợ
 Yềng nói gì ? Quái gỡ làm sao !
 Khôn ngoan bà chủ thêm vào :
 « Nghe gì loài vật nói tào bâng-quơ
 Con yềng ấy chẳng qua người dạy
 Thuộc câu nào nói vậy vu-vơ ... »
 Thế là bác lái bị lừa
 Không tin yềng nữa, hết ngờ vợ ngoan
 Cứ yên trí đi buôn đi bán
 Mặc vợ lo cai-quản việc nhà
 Quá si, tin vợ thực-thà
 Hiền như bà bụt trên tòa hoa sen.

* * *

Xưa nay những bạn hiền trung-thực
 Chẳng quản câu nói thực mất lòng
 Ngán thay lắm đức ông chồng
 Quá nghe lời vợ vào tròng như chơi
 Lời thành-thực ngoài tai gác bỏ
 Nghi bạn bè xiên-xỏ, điêu-ngoa
 Trăm năm trong cõi người ta
 Đàn ông vẫn ngốc, đàn bà vẫn ranh.

T. M.





**ĐƯỜNG
LƯỢT**

THƠ ĐƯỜNG-LUẬT

Khác với lục bát và song thất lục bát là những thể thơ thuần-túy Việt-Nam, thể Đường-luật hoàn-toàn mượn của người Tàu.

Ở Trung-Hoa, trước đời Đường, thơ chưa được điền-chế theo những qui-tắc chặt-chẽ gọi là thơ cò-thề hay cò-phong. Đến nhà Đường, những mẫu mực làm thơ được đặt ra rồi được các nhà thơ tuân theo. Từ đó xuất hiện thơ Đường-luật.

CÁC LOẠI THƠ ĐƯỜNG-LUẬT

Theo số câu, số chữ, thơ luật có 4 loại chính :

- 1) Bài có 8 câu, mỗi câu bảy chữ, gọi là thất ngôn bát cú.
- 2) Bài có 8 câu, mỗi câu 5 chữ, gọi là ngũ ngôn bát cú.
- 3) Bài có 4 câu, mỗi câu 7 chữ, gọi là thất ngôn tứ tuyệt.
- 4) Bài có 4 câu, mỗi câu 5 chữ, gọi là ngũ ngôn tứ tuyệt.

● A.— THẤT NGÔN BÁT CÚ

MÙA THU CÀU CÁ

*Ao thu lạnh-lẻo nước trong veo
 Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo
 Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
 Lá vàng trước gió sẽ đưa về
 Từng mây lơ-lửng trời xanh ngắt
 Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
 Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
 Cá đâuớp động dưới chân bèo.*

NGUYỄN-KHUYẾN

I.— Văn :

Thơ Đường-luật chỉ có văn ở cuối câu, văn bằng và độc vận. Bài 8 câu có 5 văn ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 : veo, teo, vèo, teo, bèo, (bài vừa trích).

II.— Luật bằng trắc :

— 1) Chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 lúc nào cũng bằng (vì là những tiếng hiệp vần) ; chữ cuối các câu 3, 5, 7, lúc nào cũng trắc.

— 2) Trong một câu những chữ 2, 4, 6, phải theo đúng luật bằng trắc, còn những chữ 1, 3, 5, không bị hạn-định.

Câu nào cũng vậy, những chữ 2 và 6 thanh giống nhau, hoặc bằng cả, hoặc trắc cả. Chữ 4 thanh phải nghịch lại.

Đó là luật bằng trắc trong từng câu.

— 3) Âm-luật của các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7, cứ giống nhau từng đôi một và đặt đúng theo thứ-tự từ trên xuống dưới :

b t t b b t t b hoặc t b b t t b b t

Sự liên-lạc về bằng trắc giữa các câu như thế gọi là NIÊM.

Vậy, nếu ta biết chữ thứ hai câu đầu có thanh bằng chẳng hạn, ta có thể viết đúng niêm luật cho cả bài như sau :

2 4 6 7

CÁM CẢNH CÔN-LÔN

1	B	T	B	V	<i>Biên châu đời đời mây thu đông</i>
2	T	B	T	V	<i>Cụm núi Côn-Lôn đứng vững trong</i>
3	T	B	T	T	<i>Bốn mặt giầy vò oai sóng gió</i>
4	B	T	B	V	<i>Một mình che chở tội non sông</i>
5	B	T	B	T	<i>Cỏ hoa đất nẩy cây trăm thức</i>
6	T	B	T	V	<i>Rồng cá trời riêng biên một vùng</i>
7	T	B	T	T	<i>Nước biếc non xanh thương chẳng nhẽ</i>
8	B	T	B	V	<i>Gian-nan thường độ khách anh-hùng.</i>

PHAN-CHÂU-TRINH

Bài thơ có chữ thứ hai câu đầu bằng như trên thì gọi là bài luật bằng. Nếu chữ ấy trắc thì gọi là bài luật trắc.

BÀI LUẬT TRẮC

	<u>2</u>	<u>4</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	QUA ĐÈO NGANG
1	T	B	T	V	Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
2	B	T	B	V	Cỏ cây chen đá lá chen hoa
3	B	T	B	T	Lom-khom dưới núi tiêu vài chú
4	T	B	T	V	Lác-đác bên sông rợ mấy nhà
5	T	B	T	T	Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
6	B	T	B	V	Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
7	B	T	B	T	Dừng chân ngoảnh lại: trời, non, nước
8	T	B	T	V	Một mảnh tình riêng ta với ta.

Bà Huyện THANH-QUAN

— 4) CƯỚC-CHỮ.— Trên lý-thuyết, người ta còn qui-định âm-luật cho tất cả 56 chữ trong một bài thất ngôn bát cú như sau :

LUẬT BẰNG

BB	TT	TBB
TT	BB	TTB
TT	BB	BTT
BB	TT	TBB
BB	TT	BBT
TT	BB	TTB
TT	BB	BTT
BB	TT	TBB

LUẬT TRẮC

TT	BB	TTB
BB	TT	TBB
BB	TT	BBT
TT	BB	TTB
TT	BB	BTT
BB	TT	TBB
BB	TT	BBT
TT	BB	TTB

Thực ra những chữ 1, 3, 5 đều ở vào đầu nhịp, đầu bằng hay trắc cũng không quan-hệ gì đến âm-diệu câu thơ. Những chữ này, luật thơ

cũng cho là « bất luận », không cần phải đề ý. (Nhất, tam, ngũ bất luận ; nhị, tứ, lục phân minh : 1, 3, 5 bằng hay trắc cũng được ; 2, 4, 6 phải theo đúng luật).

III.— Bố cục và đối :

a) — Thơ Đường-luật, cách xếp đặt ý-từ phải theo một khuôn khổ nhất-định.

Bài thơ 8 câu có 4 phần :

1. Đề (2 câu 1, 2) gồm có :

— Phá đề (câu 1) : mở bài.

— Thừa đề (câu 2) : tiếp theo câu 1 mà vào bài.

2. Thực hay trạng.— (2 câu 3, 4) : giải-thích đầu bài.

3. Luận (2 câu 5, 6) : bàn rộng thêm.

4. Kết (2 câu 7, 8) : đóng lại, kết-thúc bài thơ.

b) — Câu 3 phải đối với câu 4 ; câu 5 đối với câu 6.

VỊNH PHẠM-HỒNG-THÁI

Đề	{	Phá	1	Một tiếng vang trời khét Việt Đông
		Thừa	2	Người Nam coi cái chết như không
	{	Thực	3	Gió mây Sa-Điện vèo non Thái
		(đối)	4	Sương tuyết Hoàng-Hoa đẹp vết Hồng
	{	Luận	5	Ngụy Hiễn còn đầu chưa hả giận
		(đối)	6	Tây cường mất vía đủ nên công
	{	Kết	7	Bút thơ giới bước đường tranh-dấu
			8	Gang thép tung-hoành chọt cảm thông.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

IV.— **Bình thơ** : Một bài thơ luật có thể mắc phải các lỗi sau đây :

1) *Khò độc* : đọc không êm tai tuy vẫn đúng niêm-luật. Muốn tránh khò độc, câu thơ không nên tận cùng liền tiếp bằng ba thanh bằng hoặc ba thanh trắc. Vậy, gặp câu có 2 chữ cuối liền một thanh thì phải đề ý thanh của chữ thứ năm cốt tránh ba tiếng cùng một thanh đi liền nhau.

2) *Thất luật* : sai bằng trắc 1 hay 2 chữ trong câu :

Thí-dụ :

Đáng lẽ	2b	4t	6b
Mà làm	2t	4t	6b

3) *Thất niêm* : Sai bằng trắc cả câu (đúng luật nhưng sai niêm).

Thí-dụ :

Đáng lẽ	2b	4t	6b
Mà làm	2t	4b	6t

4) *Lạc vận* : gieo vần sai

Thí-dụ :

Cả bài gieo vần ƯƠNG mà có một câu bỏ vần INH.

5) *Cưỡng áp* : tức ép vần.

Thí-dụ :

*Trải nổi gian nguy đã mấy phen
Thân nhân phúc lại được về nhân*

6) *Điệp vận* : Trong một bài 8 câu có 5 chữ vần mà lại dùng 2 chữ vần giống nhau. Nếu 2 chữ này khác nghĩa thì được, còn trùng nghĩa là lỗi. Như bài « Mùa thu câu cá » trích ở trên, tác-giả dùng 2 lần vần « teo », câu trên là « bé tẻo teo » câu dưới là « Khách vắng teo ». Vậy tuy trùng vần mà không lỗi vì khác nghĩa.

Ngoài các bệnh chính kể trên, còn có các lỗi khác như « không đối », « đối không chỉnh » hoặc « trùng chữ », trùng ý », v.v...

● B.— NGŨ NGÔN BÁT CÚ

Về qui-tắc, có thể xem bài ngũ ngôn bát cú như một bài thất ngôn mà mỗi câu được ngắt bớt 2 chữ đầu.

NHỚ NHÀ

Đề	{	Phá	1	Ong óng nhận kêu thu
		Thừa	2	Trời xanh lẫn một màu
	{	Thực	3	Nước non nhìn cảnh lạ
		(đối)	4	Cây cỏ chạnh lòng sầu

Luận	{	5	Một gánh đồ thư đó
(đối)	{	6	Ngàn trùng xứ sở đâu
Kết	{	7	Chữ nhàn ai bán rẻ
	{	8	Trăm lượng cũng nên cầu.

NGUYỄN-THÔNG

Thất ngôn :	1	<u>2</u>	3	<u>4</u>	5	<u>6</u>	<u>7</u>
Ngũ ngôn :			1	<u>2</u>	3	<u>4</u>	<u>5</u>
		B		T		B	V
		T		b		T	V
		T		b		T	T
		B		T		B	V
		B		T		B	T
		T		B		T	V
		T		B		T	T
		T		T		B	V

● C.— THẤT NGÔN TƯ TUYỆT VÀ NGŨ NGÔN TƯ TUYỆT

Hình trạng một bài tứ tuyệt giống như 4 câu trong một bài bát cú ngắt ra.

1) Bài có 3 vắn, hai câu dưới đối nhau (như 4 câu đầu của bài bát cú).

DỆT CỬI (thất ngôn)

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương
 Vậy phải lên ngôi giữ mối giương
 Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt } Đối
 Gót vàng dặm dặm mây âm-dương.

LÊ-THÁNH-TÔN

2	4	6	7
b	t	b	v
t	b	t	v
t	b	t	t
b	t	b	v

2) Bài có 2 vần, hai câu đầu đối nhau hai câu dưới không đối (như 4 câu cuối của bài bát cú).

KHÓM GỪNG, HÀNG TỎI (ngũ ngôn)

Lờm-chờm gừng vài khóm } Đối
Lơ thơ tỏi mấy hàng }
Về chi là cảnh mọn
Mà cũng đến tang thương.

ÔN-NHƯ-HÀU

2	4	5
t	b	t
b	t	v
b	t	t
t	b	v

3) Bài có 3 vần, không có đối (như hai câu đầu và hai câu cuối của bài bát cú).

Lối này thịnh hành nhất.

HÒI XUÂN (thất ngôn)

Ta lại cùng nhau gặp gỡ xuân
Xuân đi xuân lại biết bao lần
Xuân ơi ta hỏi xuân xem nhé
Quả đất còn bao độ chuyển vần ?

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

2	4	6	7
t	b	t	v
b	t	b	v
b	t	b	t
t	b	t	v

CẢNH HỒ TÂY (ngũ ngôn)

*Từ bề cảnh vắng teo
Một vũng nước trong veo
Phất-phới thuyền ai đó
Xa xa một mái chèo.*

YÊN-ĐỖ

2	4	5
h	t	v
t	b	v
t	b	t
b	t	v

❶ D.— MẤY LOẠI THƠ ĐẶC-BIỆT

Ngoài các lối thơ thông-thường trên, còn có mấy loại thơ đặc-biệt, thỉnh-thoảng mới được dùng đến, mỗi loại có một tên gọi riêng như sau :

1) **Thủ vỹ ngâm.**— Bài thơ có câu đầu và câu cuối giống nhau.

TẾT NGHÈO

*Anh em đừng tưởng Tết tôi nghèo
Tiền cửa trong kho chứa linh tiêu
Rượu cúc nhẩn đêm, hàng biếng quây
Trà sen mượn hỏi giá còn kiêu
Bánh đường sắp gói, e nỡm chầy
Giò lụa toan làm, sợ nặng thiêu
Thôi thế là thôi, đành Tết khác
Anh em đừng tưởng Tết tôi nghèo.*

TRẦN-TẾ-XUÔNG

2) **Liên-hoàn.**— Hai hay nhiều bài kể tiếp nhau, cứ câu cuối bài trên đem làm câu đầu bài dưới.

THAN NGHÈO

*Chưa chán ru mà quấy mãi đây
Nợ nần dan-điu mấy lâu này*

Mang danh tài sắc cho nên nợ
 Quen thói phong-lưu hóa phải vay
 Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt
 Anh-hùng khi gặp cũng khoanh tay
 Còn trời, còn đất, còn non nước
 Có lẽ ta đâu mãi thế này.

Có lẽ ta đâu mãi thế này
 Non sông lần-thần mấy thu chầy
 Đã từng tắm gội ơn mưa móc
 Cũng phải xênh-xang hội gió mây
 Hãy quyết phen này xem thử đã
 Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay
 Xưa nay xuất xử thường hai lối
 Mãi thế rồi ta sẽ tính đây ...

Mãi thế rồi ta sẽ tính đây ...
 Điền-viên thú nợ vẫn xưa nay
 Giang-hồ bạn lứa câu tan hợp
 Tùng cúc anh em cuộc tỉnh say
 Tòa đá Khương-công đôi khóm trúc
 Áo Xuân Nghiêm Tử một vai cày
 Thái-bình vũ-trụ càng thông-thả
 Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.

Chẳng lợi danh gì lại hóa hay
 Chẳng ai phiền-lụy, chẳng ai rầy
 Ngoài vòng cương-tỏa chân cao thấp
 Trong thú yên-hà cuộc tỉnh say
 Liếc mắt coi chơi người lớn bé
 Vênh râu bàn những chuyện xưa nay
 Cửa trời trăng gió kho vô tận
 Cầm hạt tiêu dao đất nước này.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ



3) Yết-hậu.— Bài thơ bốn câu, câu cuối chỉ có một chữ.

NGHIỆN RƯỢU

*Sống ở dương-gian đánh chén nhè
Chết về âm-phủ cặp kè kè
Diêm-vương phán hỏi rằng chi đó ?
— Be !*

PHẠM-THÁI



4) Thuận nghịch độc.— Bài thơ đọc xuôi hay đọc ngược cũng có ý-nghĩa.

Thí-dụ :

VỊNH CÚC

(đọc xuôi)

*Thanh thu cảnh chiếm thú điền-viên
Cúc nào người thay vẻ lạ nhìn
Mành lọt gió đưa hương nước cửa
Trạo kẻ trắng dải ngọc lồng hiên
Cánh phôi gấm dệt hoa cao thấp
Đóa dải vàng thừa rực dưới trên
Tinh khách nước xông đào với mận
Xinh xinh sắc cúc đậm đà duyên.*

(Đọc ngược)

*Duyên đà đậm cúc sắc xinh xinh
Mận với đào xông nước khách tình
Trên dưới rực thừa vàng dải đóa
Thấp cao hoa dệt gấm phôi cành
Hiên lồng ngọc dải trắng kẻ trạo
Cúc nước hương đưa gió lọt mành
Nhìn lạ vẻ thay người nào cúc
Điền-viên thú chiếm cảnh thu thanh.*

VÔ DANH



5) Thơ vần trắc.— Thực ra thơ Đường-luật không có vần trắc. Nếu có nhà thơ nào dựa vào luật-tắc đời Đường, viết một đôi bài vần trắc thì cũng chỉ là một trường-hợp cao hứng đặc-biệt, vượt ra ngoài khuôn-khò mà thôi.

TỰ SỰ

Hóa An-nam, lữ Khách-trú
 Trắng trời lằng-nhằng chung một lữ
 Ngoài mặt ngõ-ngàng lạ Bắc Nam
 Trong tay cắc cớ xui đoàn-tụ
 Bợn lòng chẳng vị sĩ năm kinh
 Ông Bồn không thương người bảy phủ
 Phạt vạ xong rồi trở lộn về
 Hóa thì hốt thuốc, lữ bong vụn.

NGUYỄN-VĂN-LẠC



6) Xướng họa.— Một bài Đường-luật làm ra được người khác dùng một bài cùng thể đáp lại. Bài ra là bài xướng. Đáp lại là họa. Bài họa gieo cùng vần với bài xướng gọi là họa nguyên vận.

TÔN PHU-NHÂN QUI THỰC

Cật ngựa thanh gươm vện chữ tông
 Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông
 Lìa Ngô, bịn-rịn chòm râu bạc
 Về Hán, trau-tria mảnh má hồng
 Sơn phấn thà cam đầy gió bụi
 Đá vàng chi để thẹn non sông
 Ai về nhắn với Châu-Công-Cần
 Thà mất lòng anh được bụng chông.

TÔN-THỌ-TƯỜNG

Họa nguyên vận :

Cài trâm sửa áo vện câu tông
 Mặt ngà trời chiều biệt cõi đông

*Ngút tòa đời Ngô ùn sắc trắng
 Duyên về đất Thục đượm màu hồng
 Hai vai tơ tóc bền trời đất
 Một gánh cương-thường nặng núi sông
 Anh-hỡi Tôn-Quyền! Anh có biết
 Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*

PHAN-VĂN-TRỊ

HỎI THỊ LỘ

*Ả ở đâu mà bán chiếu gon
 Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
 Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi
 Đã có chồng chưa, được mấy con?*

NGUYỄN - TRÃI

THỊ LỘ ĐÁP LẠI:

*Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon
 Có chi ông hỏi hết hay còn
 Xuân thu tuổi mới trăng tròn lẻ
 Chồng còn chưa có, có chi con!*

● D.— CỒ - PHONG

Xin trích ra đây mấy bài cồ-phong đề tiện đối-chiếu với thơ Đường-luật.

Cồ-phong cũng có ngũ ngôn, thất ngôn, nhưng không cần niêm luật. Bài từ bốn câu trở lên đến bao nhiêu cũng được. Không cần đối, chỉ cần vần, vần bằng hay vần trắc cũng được.

LÒNG VÔ SỰ

*Trải nguy-nạn đã mấy phen
 Thân nhân phúc lại được về nhà
 Niềm xưa trung ái thể chẳng phụ
 Cảnh cũ diễm-viên thú đã quen*

Ba quyền đồ thư thu nặng túi
 Một thuyền phong nguyệt chở đầy then
 Trời cũng biết nơi lành dữ
 Họa phúc chẳng dung cái tóc chen.

NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM



ĐÊM MÙA HẠ

Tháng tư đầu mùa hạ
 Tiết trời thực oi-ả
 Tiếng dế kêu thiết-tha
 Đàn muỗi hay tơi-tả
 Nỗi ấy biết cùng ai
 Cảnh này buồn cả dạ
 Biếng nhắp nắm canh chầy
 Gà đã sớm giục-ai-ả.

YÊN-ĐỒ



THĂM MẢ CŨ BÊN ĐƯỜNG

Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà
 Đường xa người vắng bóng chiều tà
 Một dây lau cao làn gió chạy
 Mấy cây thưa lá sắc vàng pha
 Ngoài xe trơ một đồng đất đỏ
 Hang hốc đùn lên đám cỏ gà
 Người nằm dưới mả ai ai đó
 Biết có quê đây hay vùng xa
 Hay là thuở trước kẻ cung đao
 Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao
 Cửa nhà xa cách, vợ con khuất
 Da ngựa gởi bỏ, lâu ngày cao

Hay là thuở trước kẻ văn-chương
 Chen hội công-danh, nhờ lạc đường
 Tài cao, phận thấp chí khí uất
 Giang-hồ mê chơi quên quê-hương
 Hay là thuở trước khách hồng-nhan
 Sắc-sảo khôn-ngao trời đất ghen
 Phong-trần xui gặp bước luân-lạc
 Đầu xanh theo một chuyển xuân tàn
 Hay là thuở trước khách phong-lưu
 Vợ con đàn hạc dễ-huê theo
 Quan-san xa lạ đường lối khó
 Ma thiêng nước độc phong sương nhiều
 Hay là thuở trước bậc tài danh
 Đôi đôi lứa lứa cũng linh-đinh
 Giận duyên tử phận hờn ân-ái
 Đất khách nhờ chôn một khối tình
 Suối vàng sâu thẳm biết là ai
 Mả cũ không ai kẻ đoái-hoài
 Trải bao ngày tháng ai ai đó
 Mưa đầu nắng dãi trắng mờ soi...

TÀN-ĐÀ



GHEO CÔ HÀNG NƯỚC

Bán hàng nay cô đã mấy tuổi
 Nước cô còn nóng hay là nguội
 Lủng-lẳng trên treo dăm năm nem
 Lơ-thơ dưới móc một buồng chuối
 Bánh rắng bánh dày đều thoa mỡ
 Khoai ngứa khoai lang cũng chấm muối
 Ăn uống xong rồi tiền chưa đủ
 Biết nhau cho chịu một vài buổi.

NGUYỄN-MINH-TRIẾT



ĐIỀN GIA LẠC

Năm ngoái ruộng được mùa
 Nhà ba bốn cót thóc
 Ăn tiêu hầy còn thừa
 Bán cho con đi học
 Năm nay trời hạn hán
 Mười phần thu được ba
 Ăn tiêu đang lo thiếu
 May ra được mùa cà
 Con học không có tiền
 Cha phải đi vay nợ
 Nhà nghèo con học được
 Còn hơn tiền chôn lỗ.

ƯU - THIÊN

● E.— ĐỊA-VỊ THỀ ĐƯỜNG-LUẬT

Thơ Đường-luật, đặc-biệt thề thất ngôn bát cú, đã chiếm lấy địa-vị ưu thắng trên thi-đàn Việt-nam trong nhiều thế-kỷ. Những bài thơ nôm đầu tiên xuất-hiện vào thế-kỷ XIII rồi dần dần phát-triển mãi, cho đến thế-kỷ XIX là thời-kỳ cực thịnh.

Thề-tài vay mượn của Trung-quốc này dĩ-nhiên chỉ lưu-hành và được trọng-vọng trong đám người « hay chữ ».

Dù vậy, những bài Đường-luật hồi ấy đã hàm chứa một nội-dung khá phong-phú, diễn-tả nhiều xu-hướng tình-cảm khác nhau, và giọng điệu tuy vẫn 8 câu 7 chữ mà cũng biểu-hiện được nhiều sắc thái riêng biệt.

Nhưng sự sụp đổ hoàn-toàn của nho-học mang theo cả sự suy-tàn của nền văn-chương Hán-Việt. Đầu thế-kỷ XX, những bài thất ngôn bát cú vẫn còn thịnh-hành nhưng phần lớn đã lộ rõ tính-cách bất lực của một loại thơ mà khuôn-khò gò bó không còn thích-hợp với tâm-lý phức-tạp đa-đoan của thế-hệ. Những bài thơ giá-trị ra đời trong lúc này cũng chỉ được đón tiếp một cách lạnh nhạt.

Đã lỗi-thời, những bài thất ngôn bát cú còn được gọt rũa thái-quá nên mất hết khả-năng truyền cảm. Người làm thơ phần nhiều

chỉ chú-ý sao cho hợp bằng, trắc, đối cho chỉnh, thể nào cho đúng là phá, là thừa, là trạng, là luận. . . . Nếu đem đối-chiếu với thơ xưa ta thấy nhiều bài của chính các thi-gia đời Đường lại không đúng niêm-luật bằng. Nhưng cũng chính vì thế mà giá-trị khác hẳn nhau, một bên thì lưu-loát, tự-nhiên còn một bên thì khô-khan, giả-tạo.

Nhưng dù sao cũng còn vô số bài Đường-luật hay trong kho tàng văn-chương nước nhà.

ĐỀ MIẾU HAI BÀ TRƯNG

*Ngựa đóng đã lên không
Rừng Thanh voi chữa lồng
Một chồi hoa nhị Lạc
Muôn dặm nước non Hồng
Trắng tỏ gương hồ Bạc
Mây tan dấu cột đồng
Nén hương lòng cố quốc
Xin khẩn một lời chung.*

HOÀNG-THÚC-HỘI



NĂM MỠI

*Tuổi mới non sông cũ
Người xưa vận hội nay
Trải bao cơn nóng rét
Đeo mãi cái râu mày
Tháng tháng mòn con mắt
Năm năm bấm đốt tay
Trẻ thơ khôn lớn mãi
Tuổi tác vẫn còn đây.*

BÙI-KỶ



ĐỀ MIẾU SĂM-NGHI-ĐỒNG

*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo
Kìa đèn thái-thú đứng cheo-leo
Vị đây đòi phận làm trai được
Thì sự anh-hùng há bấy nhiêu?*

HỒ-XUÂN-HƯƠNG



VỊNH TRẦN-THỦ-ĐỘ

*Sóng gió đùng đùng vận hiềm gian
Một tay xoay sở chống gian-san
Còn đầu, còn vững lòng lo nước
Ấy mới anh-hùng, ấy mới gan.*

PHAN-KẾ-BÍNH



HOÀNG-HẠC LÂU

*Tích nhân di thừa Hoàng-hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng-hạc lâu
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch-vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán-Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng xử nhân sầu.*

THÓI-HIỆU

(Một thi sĩ đời Đường)



LÂU HOÀNG-HẠC

*Hạc vàng ai cưỡi đi đâu
Mà đây Hoàng-hạc riêng lâu còn trơ*

Hạc vàng đi mất từ xưa
 Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay
 Hán-Dương, sông tạnh cây bầy
 Bãi xa Anh-Vũ xanh đầy cỏ non
 Quê-hương khuất bóng hoàng-hôn
 Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai!

TÂN-ĐÀ dịch



NỖI RIÊNG

Chiếc bách, buồn vì phận nôi nênh
 Giữa dòng ngao-ngán nỗi lênh-đênh
 Lưng khoang tình nghĩa dờng lai-láng
 Nửa mạn phong ba luống bập-bềnh
 Cầm lái mặc ai lăm đổ bến
 Giòng lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh
 Ấy ai tham ván cam lòng vậy
 Ngán nỗi ôm đàn những tấp-tênh.

HỒ-XUÂN.HƯƠNG



VỊNH LÀNG TAM CHẾ

Bóng ác non đoài nom xế xế
 Bổng đầu đã tới miền Tam-chế
 Mênh-mang khóm nước nhuộm màu lam
 Chận ngắt đỉnh non lồng bóng quế
 Chợ hợp bên sông gấm có chiều
 Thuyền bày trên đất xem nhiều thề
 Cảnh vật bằng đây họa có hai
 Vì dân, khoan giản bên tô thuế.

LÊ-THÁNH.TÔNG



CÔN-LÔN CÀM TÁC

Vấn dư hà sự đảo Côn-Lôn
 Tứ vọng thương man ý ngục môn
 Trung quốc vị thù nam tử trái
 Hiếu gia du hám lão thân tồn
 Ngự thư hải ngoại truyền tâm huyết
 Kinh thống thiên biên tỉnh mộng hồn
 Hồng-Lạc hồi tư khai Việt tổ
 Thử thân thế hử thử cần-khôn.

TRẦN CAO VÂN

Bài dịch :

Cớ gì ta lại đến Côn-Lôn
 Trời bề mệnh-mạng tựa ngục trông
 Thù nước chưa nguôi cơn báo phục
 Thảo thân khôn thấu nỗi hàn ôn
 Cá di ước mớ lời tâm huyết
 Sóng vỗ như khua giấc mộng hồn
 Nhớ tổ Lạc-Hồng công dựng nước
 Thân này thế nguyện với cần-khôn.

TRẦN-CƯ-CHÁNH



CHIẾN-CÔNG ĐỜI TRẦN

Trang sử Đông-A nhược thắng cường
 Đến nay càng đẹp ý treo gương
 Hội Diên-Hồng đó nền Dân-chủ
 Sóng Bạch-Đằng kia hịch Đại-Vương
 Giáo trở « Thôn Ngư » trời đã nín
 Tay chằm « Sát Thát » giặc nào dương
 Kní thiêng Vạn-kiếp bùng mây khói
 Lòng chột hoa quỳ khắp bốn phương.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG



ĐÊM KHÔNG NGỦ

Non sông bốn mặt ngủ mơ-màng
 Thức chỉ mình ta dạ chẳng an
 Bóng nguyệt leo song sờ-sẫm gối
 Gió thu lọt cửa cọ mài chấn
 Khóc giùm thân-thể hoa rơi lệ
 Buồn giúp công-danh để dạo đàn
 Chối dậy nôm-na vài điệu cũ
 Năm canh tâm-sự vẫn chưa tàn.

HÀN-MẶC-TỬ



CHIỀU XUÂN

Chim mang về tờ bóng hoàng-hôn
 Vàng lửng-lơ non, biếc đọng cồn
 Cành gió hương xao hoa tử-muội
 Đồi sương sóng lượn cỏ vương-tôn
 Khói mây quanh quất hồi chuông vọng
 Trời biên nòn-nao tiếng địch đồn
 Thưởng cảnh ông câu tình tự quá
 Thuyền con chờ nguyệt đến cô-thôn.

QUÁCH-TẤN



KHUÊ PHỤ THÂN

(Vì việc hai vua Thành-Thái và Duy-Tân bị đày)

Chồng hỡi chồng! con hỡi con
 Cùng nhau xa cách mấy thu tròn
 Ven trời góc bể chìm tăm cá
 Dạn gió dày sương tủi nước non
 Mộng điệp khéo vì ai lẻo-đẻo
 Hồn quyên luống đề thiếp chon-von
 Ngày qua tháng lại trông đăm đăm
 Muôn dặm xa xuôi mắt đã mòn

Đã mòn con mắt một phương Âu
 Có thấy chồng con đâu ở đâu
 Dầu đặng non xinh cùng bề tốt
 Khó ngăn gió thảm với mưa sầu
 Trách ai dặt nẻo khôn lừa-lạc
 Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầu
 Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái
 Xui lòng quẩn-quại trót canh đầu.

Canh đầu chưa nghỉ hãy còn ngồi.
 Gan ruột như dầu sục sục sôi
 Nghĩa cả ắp-yêu đành lỡ-dỡ
 Công cho bú-mớm chắc thôi rồi
 Quyết gòn giữ dạ tròn sau trước
 Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nôi
 Dầu bề xanh xanh trời một góc
 Hỡi chồng ôi ! hỡi con ôi.

Con ôi ! ruột mẹ nát như tương
 Bấy nời ba chìm xiết thảm thương
 Khô héo lá gan cây dĩnh Ngự
 Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương
 Quê người đành gửi thân trăm tuổi
 Đất tỏ mong gì nợ bốn phương
 Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp
 Đề cho vẹn vẽ mối cang-thường.

Cang-thường gánh nặng cả hai vai
 Biết tỏ cùng ai, ai hỡi ai
 Đề bụng chôn e tắm đút ruột
 Hở môi thì sợ vách nghiêng tai
 Trắng khuya nương bóng chênh chênh một
 Kiếng bề soi hình tẻ tẻ hai
 Nhắm thử từ đây qua đến đó
 Đường đi non nước độ bao dài.

Bao dài non nước chẳng hay cùng
 Xin gửi hồn ta đến ở chung

Hôm sớm cho tròn luôn một tiết
 Trước sau khỏi thẹn với ba tòng
 Quê nhà đã có người săn-sóc
 Đất khách nương nhau khỏi lạ-lùng
 Mảng tính chưa xong vừa chớp mắt
 Trống lâu đầu đã đồ tung tung

Đã đồ tung tung tiếng trống thành
 Giết mình tỉnh dậy mới tàn canh
 Sương sa lúc-đắc dẫn tàu lá
 Gió thổi lai-rai lạc bức màn
 Cảnh ấy tình này thôi hết muốn
 Trời kia đất nọ nở bao đàn
 Thương nhau chẳngặng cùng nhau trọn
 Xin hẹn chung cùng kiếp tái sanh.

Kiếp tái sanh may có gặp không
 Kiếp này đành thẹn với non sông
 Chiêm bao lần-thần theo chơn bướm
 Tin-tức bơ-vơ lạc cánh hồng
 Lính tới lính lui thân cá chậu
 Lo quanh lo quần phận chim lồng
 Đã không chung hưởng thời thời chó
 Sao nở xa nhau chồng hời chồng.

Hỡi chồng ! có thấu nỗi này chẳng
 Sóng gió khi không dậy đất bằng
 Non nước chia hai trời lộng lộng
 Cha con riêng một biển giăng giăng
 Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết
 Giọt thảm này tuôn bửng khó ngăn
 Ngán bấy cuộc đời khôn gượng gạc
 Canh chầy còn ở dưới cung trăng.

Ở dưới cung trăng luống nỉ-non
 Đắng cay như ngậm trái bồ hòn
 Khói mây giông quốc nghe hơi mớn
 Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn

*Nhịp mõ làng xa canh cốc cốc
Tiếng chuông chùa cũ động bon bon
Nỗi riêng ai biết ta thương nhớ
Chồng hỡi chồng ! con hỡi con !*

THƯỢNG TÂN-TH!





HÁT
NÓI

HÁT NÓI

Trong văn-chương cổ-diền Việt-Nam, hát nói là một thể văn ra đời chậm hơn cả. Nó mới xuất-hiện vào đầu thế-kỷ XIX và được chế-hóa theo nhiều thể văn văn sẵn có, cả thể Hán lẫn thể Việt.

Bản-chất phóng-túg và giàu nhạc-điệu, hát nói cốt làm ra đề hát theo cung đàn, nhịp phách, tiếng trống, tiếng sênh.

UỐNG RƯỢU TIÊU SẦU

1. *Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy*
2. *Cảnh phù-du trông thấy cũng nức cười*
3. *Thôi công đâu chuốc lấy sự đời*
4. *Tiêu-khiên một vài chung lếu-láo*
5. *Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu*
6. *Trăm tư bách kế bất như nhàn*
7. *Dưới thiều-quang thấp-thoáng bóng Nam-san*
8. *Ngoảnh mặt lại cửu-hoàn coi cũng nhỏ*
9. *Khoảng trời đất cồ kim kim cồ*
10. *Mảnh hình hài không có có không*
11. *Lọ là thiên tứ vạn chung.*

CAO-BÁ-QUÁT

Những điểm cần khảo-sát trong một bài hát nói :

- Khò, câu, tiếng.
- Văn
- Luật bằng trắc.
- Những câu thơ thể Hán.
- Mưỡu.

● 1. — SỐ KHỜ — SỐ CÂU — SỐ CHỮ

1) Một bài hát nói gồm nhiều đoạn, mỗi đoạn gọi là khờ. Mỗi khờ 4 câu, trừ khờ cuối 3 câu.

2) Một bài đủ khờ gồm 11 câu:

Khờ đầu : 4 câu

Khờ giữa : 4 câu

Khờ xếp : 3 câu

Bố-cục được qui-định như sau:

Các câu 1 , 2 — lá đầu

3 , 4 — xuyên thừa

5 , 6 — thơ

7 , 8 — xuyên mau

Câu 9 — đôn

10 — xếp

11 — keo

— Bài thiếu khờ chỉ có khờ đầu và khờ xếp, thiếu khờ giữa.

— Bài đôi khờ có thêm 1, 2 khờ hay nhiều hơn. Khờ đôi bao giờ cũng đủ 4 câu.

— Bài đôi câu nghĩa là trong bài có khờ thường mà trên 4 câu hay khờ xếp trên 3 câu. Cũng có khi có những câu xen vào giữa 2 khờ hay giữa một khờ mà không tính số câu cho bất cứ khờ nào.

3) Số chữ trong câu không hạn-định, ngắn thì 4, 5 chữ, dài có thể đến 14, 15 chữ, hay hơn nữa cũng được. Thông thường là 7, 8 chữ. Riêng câu cuối bài, bắt buộc phải 6 chữ.

● II. — VĂN

Hát nói có cước-vận lẫn yêu-vận, dùng cả văn bằng lẫn văn trắc.

1) **Cước-vận.** — Câu đầu hạ một tiếng trắc ở cuối. Đến 2 câu văn bằng rồi 2 câu văn trắc, từng đôi một nối tiếp nhau cho đến hết.

Cước-vận trong bài « Uống rượu tiêu sầu » vừa trích: Cười đời, lão tửu, nhân san, nhỏ cồ, không chung.

2) **Yêu-vận.** — Những câu chẵn có thể có văn lưng, nhưng

không bắt buộc. Yêu-vận có thể bằng hoặc trắc và cũng không nhất định ở tiếng thứ mấy.

*Tang-bồng hồ thử nam-nhi trái
Cái công-danh là cái nợ nần
Nặng nề thay đôi chữ quân thân
Đạo vi tử vi thần đâu có nhẹ...*

Nợ nam-nhi
NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Cái (vần với **trái**) là yêu-vận trắc.
Thần (vần với **thân**) là yêu-vận bằng.

● III.— LUẬT BẰNG TRẮC

Số chữ đã không hạn-định thì bằng trắc cũng được tự-do. Mỗi câu thường chia làm 3 mạch, bằng trắc chỉ cần áp-dụng cho những tiếng cuối mạch cốt đọc cho êm tai.

Những tiếng cuối mạch trong câu :

Văn trắc :				Văn bằng :		
t	b	t		b	t	b
Đời đáng chán hay không đáng chán						
	t			b	t	
Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri-âm						
	b			t		b
Giá khuyh-thành nhất tiểu thiên kim						
	b			t		b
Mắt xanh, trắng đời nhầm bao khách tục						
	t			b		t

Đời **đáng chán** — TÀN-ĐÀ

● IV.— NHỮNG CÂU THƠ THE HÁN

Mỗi khổ. trừ khổ xếp, có quyền đặt vài câu ngũ ngôn, thất ngôn,

Đường-luật hay Cồ-phong, bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, do chính tác-giả làm ra hay mượn ở thơ cồ.

Thông-thường người ta mượn 2 câu cồ-thi thất ngôn Đường-luật đặt vào 2 câu 5 và 6.

— Hai câu 5, 6 trong bài « Ông phòng đá » của Nguyễn-Khuyến :

*« Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc
« Thương hải thủy tri ngā diệc âu. »*

là mượn cồ-thi, thất ngôn Đường-luật.

— Hai câu 1, 2 trong bài « Chí nam-nhi » của Nguyễn-công-Trứ :

*« Thông minh nhất nam tử
« Yếu vi thiên hạ kỳ »*

là 2 câu ngũ ngôn cồ-phong của chính tác-giả.

— Hai câu 9, 10 trong bài « Con tào ghét ghen » của Nguyễn-công-Trứ :

*« Đã mang tiếng ở trong trời đất
« Phải có danh gì với núi sông ».*

rút trong bài « Đi thi tự vịnh », thất ngôn đường-luật của tác-giả.

● V.— MƯỠU :

1) Mưỡu là những câu lục bát do tác-giả làm ra hay mượn trong ca-dao đặt vào đầu bài hát nói (mưỡu đầu) hay sau bài hát nói nhưng trước câu keo (mưỡu hậu). Hai câu là mưỡu đơn, 4 câu là mưỡu kép.

2) Câu đầu bài hát nói có thể tiếp vãn của mưỡu đầu bằng một yêu-vận bằng, nhưng phần nhiều là không tiếp vãn.

— Thí-dụ có tiếp-vãn

Mưỡu :

*Gió trăng chứa một thuyền đầy
Của kho vô tận biết ngày nào ngơi*

NÓI :

*Ông Tô Tử qua chơi xích xích.
Một con thuyền với một túi thơ ...*

Vịnh Tiền Xích-Bích — NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Thí-dụ không tiếp vãn :

MƯỠU :

Say xưa nghĩ cũng hư đời
Hư thời hư vậy say thời cứ say
Đất say đất cũng lặn quay
Trời say mặt cũng đỏ gay ai cười

NÓI :

Say chẳng biết phen này là mấy ...

Lại say — TÀN-ĐÀ

3) Mượu hậu bao giờ cũng chỉ có hai câu và bắt buộc phải tiếp vãn của câu xếp ở trên và ăn vãn xuống câu keo ở dưới :

.

DỖN : *Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,*

XẾP : *Mảnh gương trinh vằng vặc quyết không nhơ*

MƯỢU : *Đắp tai, ngoảnh mặt làm ngơ*

Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thầy

KEO : *Khôn em dễ bán đại này.*

Mẹ Mốc — NGUYỄN-KHUYẾN

● VI.— TRÍCH DẪN

a) Bài thiếu khổ :

CẬU MÁN

1. *Phong-lưu nhất ai bằng cậu Mán*
2. *Trong anh em chúng bạn kém thua xa*
3. *Buổi loạn-ly bốn bề không nhà*
4. *Rằng không nhuộm, vợ không lấy, lựa là không mặc*
5. *Mán chỉ làm đủ tiền tiêu-vật*
6. *Khi cao-lâu, khi cà-phê, khi nước đá, khi lại đi xe*
7. *Sự đời Mán chẳng muốn nghe.*

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

b) Bài đôi khổ, có mười đầu đơn :

VỊNH TỖ-BÀ

*Cũng người hải giác thiên-nha
Cùng nhau gặp gỡ là quen nhau*

1. *Tầm-Dương* giang đầu dạ tống khách
2. *Bóng trắng* thu thấp-thoáng bên thuyền
3. *Tiếng tỳ-bà* ai khéo gảy cho nên
4. *Xui lòng* khách thiên-nha lưỡng những

* * *

5. *Ai oán* nhẽ bốn dây vắng-vắng
6. *Nỗi bất* bình như khắp, như tố, như oán, như than
7. *Nực cười* thay cái hồng-nhan
8. *Nào* những khách Ngũ-lăng đâu vắng tá

* * *

9. *Yên thủy* mang mang thiên ngũ dạ
10. *Tỳ-bà* khúc khúc nguyệt tam canh
11. *Bến Tầm-dương* cảnh ấy biết bao tình
12. *Chiếc thuyền* lưỡng đi về trong bóng nguyệt

* * *

13. *Người viễn-thú* biết chẳng chẳng biết
14. *Khúc đàn* này biết gảy cùng ai
15. *Giang đầu* hạnh hữu khách lai.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

c) Bài đôi câu có mười đầu và mười hậu :

VỊNH TIỀN XÍCH-BÍCH

Gió trắng chứa một thuyền đầy
Cửa kho vô tận biết ngày nào ngại

* * *

1. *Ông Tô-Tử* qua chơi Xích-Bích
2. *Một con* thuyền với một túi thơ

3. Gió hiu-hiu mặt nước như tờ
4. Trăng chênh-chếch đầu non mới ló

* * *

5. Thuyền một lá xông ngang gành bạch lộ
6. Buồng chèo hoa len lõi chốn sơn-cương

Ca rằng : Quế trạo hề lan tương
 Kịch không minh hề tố lưu quang
 Diểu diểu hề dư hoài
 Vọng mỹ-nhân hề thiên nhất phương

4 câu
 đôi giữa khò

7. Người ỷ ca réo-rất khúc cung thương
8. Tiếng tiêu lẫn ca vang đáy nước

* * *

9. Sức nhớ kẻ quày gọn giáo vịnh câu thơ thuở trước
10. Nghĩ sự đời nên cảm nỗi phù-du
 Đành hay trời đất dành cho
 Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn
11. Còn trời còn nước còn non.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

d) Bài đôi câu có mưỡu đầu kép :

ÔNG PHỒNG ĐÁ

Người đâu tên họ là gì
 Khéo thay chích chích chi chi nực cười
 Giang tay ngửa mặt lên trời
 Hay là còn nghĩ sự đời chi đây

1. Trông phồng đá lạ-lùng muốn hỏi
2. Cớ làm sao len-lỏi đến chi đây
3. Hay là vui hoa cỏ nước non này
4. Chí cũng rắp chen chân vào hội lạc

* * *

5. Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc
6. Thương hải thùy tri ngã diệp âu

7. *Thôi cũng đừng chấp chuyện đầu đầu*
8. *Túi vũ-trụ mặc đàn sau gách vách*

* * *

- | | |
|---|---|
| 9. <i>Duyên kỳ ngộ là duyên tuổi tác</i> | $\left\{ \begin{array}{l} \text{khò xếp} \\ \text{đôi một câu} \end{array} \right.$ |
| 10. <i>Chén chú, chén tôi, chén anh, chén bác</i> | |
| 11. <i>Cuộc tình say, say tình cùng nhau</i> | |
| 12. <i>Nên chẳng đá cũng gặt đầu.</i> | |

NGUYỄN-KHUYẾN

đ) Bài thiếu khổ, đôi câu, có mưỡu hậu :

CÂU ĐỐI TẾT

1. *Nhập thể cục bất khả vô văn tự*
2. *Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài*
3. *Hướng chi mình cũng đỡ tú-tài*
4. *Ngày tết đến phải một hai câu đối*

Đối rằng :

<i>Cực nhân gian chi phẩm giá : phong nguyệt tình hoài</i>	$\left\{ \begin{array}{l} 2 \text{ câu} \\ \text{đôi} \\ \text{giữa} \\ 2 \text{ khò} \end{array} \right.$
<i>Tối thể thượng chi phong lưu : giang hồ khí cốt</i>	

5. *Viết vào giấy dán lên cột*
6. *Hỏi mẹ mà rằng dốt hay hay*
Rằng hay thì thực là hay
Chẳng hay sao lại đỡ ngay tú-tài
7. *Xưa nay em vẫn chịu ngài.*

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

● VI.— ĐỊA-VỊ THỀ HÁT NÓI

Là một thề-tài phối-hợp cả hai nền văn-chương bác-học và bình-dân, hát nói ra đời liền được các nhà thơ đón nhận một cách niềm-nở. Các điệu Hán nghiêm-chỉnh quá, không còn phải lúc nào cũng hợp với những nỗi-niềm riêng tây của họ. Còn các thề

Việt thì bị xem là nô-m-na, đơn-giản, không xứng với cái vốn chữ nghĩa nhà nho. Hát nói chính là một điệu thơ ca còn giữ ít nhiều tính-cách kiêu-kỳ của văn-chương nho-sĩ, nhưng thề-thức lại khá rộng rãi, tự-do, thích-hợp để phát-biểu những tình-cảm lãng-mạn phóng-khoáng vậy.

Trong vòng một thế-kỷ, hát nói cũng đã góp nhiều văn điệu tươi thắm vào vườn thơ cổ-diền nước nhà.

Tuy nhiên, vốn là một sản-phẩm của giới nho-gia thi-sĩ nên khi chữ nho mất địa-vị thì hát nói cũng vắng bóng trên thi-đàn. Về sau này thịnh-thoảng mới thấy trên mặt báo một đôi bài trào-phúng của những người có ít nhiều Hán-học hoặc ít nhất cũng đã am-tường nhiều thề-tài Việt-Hán.

TRỜI NAM ĐẤT VIỆT

Sơn hà trường tại

*Cũng vì ai đã thệ hải minh sơn
Mặc Đông Tây gió kếp với mưa đơn
Vườn Hồng-Lạc, vẫn ơn người gìn giữ
Dệt gấm trời Nam tô quốc sử
Trồng hoa đất Việt đỡ thiên công
Này Đồng-Nai, Bến Nghé, này Đèo Cả, Hòn Chông
Này Long-giang, Trường-Linh, này Núi Tản, sông Hồng
Có du-lâm mới cảm thông cùng đất nước
Nhớ người xưa dan tay đều tiến bước
Vì non sông sau trước vững bền lòng
Nhiều điều phủ tấm gương trong
Bút hoa tô điểm vườn hồng thêm xuân
Nước nhà rạng vẻ canh tân...*

HOÀI-QUANG BÙI-ĐÌNH-SANG



TRỜI MẶNG

*Tình riêng trăm ngàn mười ngơ
Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hỏi Trời
Xem thư, Trời cũng bực cười
Cười cho hạ-giới có người oái-oăm*

Khách hà nhân giả
 Cớ làm sao suồng-sã dám đưa thơ
 Chốn Thiên-cung ai kén rề bao giờ
 Chi những sự vắn-vor mà giấy má
 Chức-nữ tảo từng giai-tế giá
 Hăng-Nga bắt nạt lão phu miên
 Mở then mây quăng trả bức hồng-tiên
 Mời khách hãy ngồi yên trong cỏi tục
 Người đâu kiếp trước Đông-Phương-Sóc
 Ăn trộm đào, quen học thói ngày xưa
 Trần-gian đây mãi không chừa!

TẢN-ĐÀ



ĐÊM TRUNG THU GẶP MƯA

Trời đâu mà vẫn hỏn-mang
 Mưa đâu mà nữ phụ-phàng hăng-nga
 Bóng đâu tìm thấy sơn-hà
 Tiếc thay như ngọc xóa nhòa như không
 Trông trăng rằm tháng tám
 Trạnh viễn hoài thêm cảm với trăng thâu
 Trời bốn phương đen kít một màu
 Nào những khách nam lâu chờ đợi nguyệt
 Trong đám mịt-mù ai kẻ biết
 Tắm thân băng tuyết vẫn là trong
 Làn gương cho thể-giới soi chung
 Dù mắt tục biết không, không xá kè
 Mặc trời đất mưa nguồn chớp bề
 Quang tạnh rồi thân-thể lại như xưa
 Vàng trắng còn đó tro trơ.

NGUYỄN-CAN-MỘNG



BÀI CA CHÚC TẾT THANH-NIÊN

Dậy ! Dậy ! Dậy !

Bên án một tiếng gà vừa gáy

Chim trên cây liềm ngỏ ý chào mừng

Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chẳng

Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng

Hai mươi năm lẻ đã từng bao chua với xót

Trời đất may còn thân sống sót

Tháng ngày khuấy-khỏa lữ đầu xanh

Thưa các cô, các cậu, lại các anh

Thời đã mới, người càng nên đời mới

Mở mắt thấy rõ-ràng tân vận hội

Ghé vai vào xốc vác cưu giang-san

Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan

Dây đoàn-thề quyết ghe phên thành nghiệp lại

Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi

Cởi lột xưa mà tu dưỡng lấy tinh-thần

Chẳng thềm chơi, chẳng thềm mặc, chẳng thềm ăn

Đúc gan sắt đề dờ non lấp bề

Xối máu nóng rửa vết dơ nô-lệ

Mới thể này là mới hơi chừ quân

Chữ rằng : nhật nhật tân, hựu nhật tân.

PHAN-BỘI-CHÁU



BÀI HÁT LƯU BIỆT

Trắng trên trời có khi tròn khi khuyết

Người ở đời đâu khỏi tiết gian-nan

Đứng trượng-phu tùy ngộ nhi an

Tổ hoạn-nạn, hành hữ hoạn-nạn

Tiền lộ định tri thiên hữu nhần

Thâm tiêu do hứa mộng hoàn gia

Bấy nhiêu năm cũng vẫn chưa già

Nọ núi Ấn, này sông Đà

Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt

Kìa tự tán chẳng qua là tiều biệt
 Ngựa Tái ông họa phúc biết về đâu
 Một mai kia con tạo khéo cơ cầu
 Thấy bốn biển cũng trong bầu trời đất cả
 Ư bách niên trung, tu hữu ngã
 Dầu đến núi sập, biển lồi, trời nghiêng, đất ngã
 Tắm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn
 Trăng kia khuyết đó lại tròn.

HUỲNH-THÚC-KHÁNG



HẢI NGOẠI HUYẾT THƠ

Ngồi găm lại năm châu trên trái đất
 Biển văn minh dỗi đập giữa phong trào
 Kìa ai, người thì khôn, nước thì mạnh, đất thì rộng, của
 thì nhiều
 Trời đất lẽ đâu riêng yêu vì một cơi
 Sao ta cứ dã-man quen thói
 Xách thân nô mà lòn lỏi dưới cường quyền
 Hú ba hồn mấy chú thiếu-niên
 Vì ép lực mới gắng nên động-lực
 Trí não tiện từng tân học đặc
 Phương châm tu tỵu nhiệt thành lai
 Đắt tay nhau lên chốn võ-đài
 Cho rõ mặt nhờn tài trong Á-Hải
 Ai thắng ưu ta đành liệt bại
 Năm dân-quyền lồi lại giữa phương đông
 Tạo thời mới gọi anh-hùng.

PHAN-SÀO-NAM



MỤC-LỤC

Lời nói đầu	3
-------------	---

LUẬT GIẢN-THANH

Luật Giản-thanh	8
Câu 8 chữ, Hát Nói, Thơ Mới	11
Câu 7 chữ, loại Song Thất trong Hát Nói và Song Thất Lục Bát	13
Câu 7 chữ, Đường-luật Cỗ-phong và Thơ Mới	14
Câu 6 chữ, trong thể Lục Bát, Thơ Mới	15
Câu 8 chữ, điệu Lục Bát	17
Câu 5 chữ, 4 chữ	17
Khảo-sát Luật Giản-thanh trong vài lối văn vần đặc-biệt	24

LỤC BÁT

Lục Bát — Qui-tắc	28
Địa-vị thể Lục Bát qua Văn-chương bình-dân	32
Qua Văn-chương bác-học cổ-diễn	37
Qua Thơ Mới	47

THƠ MỚI

Thơ Mới	60
Văn liên-tiếp	60
Văn gián-cách	62
Văn tréo	64
Văn ôm	66
Văn tứ tuyệt	66
Văn hỗn-hợp	71
Văn lặp	74
Âm-thanh tiết-diệu	74

SONG THẤT LỤC BÁT

Song Thất Lục Bát — Qui-tắc	88
Địa-vị thể Song Thất Lục Bát	91

ĐƯỜNG - LUẬT

Thơ Đường-luật -- Qui-tắc	118
Thơ Cò-phong	129
Địa-vị thề Đường-luật	132

HÁT NÓI

Hát Nói -- Qui-tắc	142
Địa-vị thề Hát Nói	149

TRÍCH ĐIỂM

	TÁC GIẢ	TRANG
Những nẻo đường đất nước	Huy-Lục	8
Đêm	Trụ-vũ	18
Tiếng Thu	L.T.L.	20
Con sâu	Hoàng-ngọc-Khôi	21
Liên-tưởng	Luân-Hoán	21
Tiếng trúc tuyệt vời	T.L.	24
Tống biệt	Tản-Đà	25
Mấy câu hò trên sông	Sơn-Nam	35
Cảm-thông	H.C.	48
Suối mây	L.T.L.	48
Hoa	Trụ-vũ	49
Thời trước	N.B.	49
Say	Hoàng-Trình	50
Hòa điệu	Hồ-dạ-Thảo	51
Thì thơ sẽ hết là thơ	Thanh-Thanh	51
Bao-la	Hoàng-thiên-Phương	52
Ngõ hẻm	Bàng-bá-Lân	53
Nam Bắc hợp mặt	T.M.	54
Nhạc xe bò	Kiên-Giang	56
Chiến-sĩ hành	Vũ-anh-Khanh	103
Trở ta sông núi	Vũ-hoàng-Chương	104
Tâm-sự xuân xưa	Hoàng-Trình	108
Con Vệt	T. M.	109
Thế mới là xuân	Hà-Thượng-Nhân	110
Ngông quá	Hà-Thượng-Nhân	111
Con yêng và vợ chồng bác lái	T.M.	111
Vịnh Phạm-Hồng-Thái	Vũ-Hoàng-Chương	121
Chiến-công đời Trần	Vũ-Hoàng-Chương	136
Đêm không ngủ	Hàn-Mạc-Tử	137
Chiều Xuân	Quách-Tấn	137
Tình-tự	H. C.	60
Lá thư về Huế	Thanh-Thanh	61

Đẹp Hậu-Giang	Kiên-Giang	62
Hòa-Bình	Huy-lực	64
Trên đường về	C.L.V.	65
Chùa Hương	Nguyễn-Nhược-Pháp	66
Tết	Anh-Tuyển	71
Sương rơi	Nguyễn-Vỹ	72
Tình Quê	Hàn-Mạc-Tử	74
Lời về	H.D.	75
Tin bão miền Trung	Tường-Linh	76
Viễn-Khách	X.D.	77
Bài ca xứ Huế	Thế-Viên	78
Màu tím hoa Sim	H.	79
Với bàn tay ấy	X.D.	81



Dân Ca	Tường-Linh	84
Chơi Hồ Tây	Nguyễn-Khuyến	11
Vấn Nguyệt	Nguyễn-văn-Siêu	14
Cây thông	Nguyễn-công-Trứ	15
Trần-Quang-Khải	Trần-trọng-Kim	18
Vịnh Hai Bà Trưng	Dương-bá-Trạc	19
Tự thán	Ưu-thiên Bùi-kỷ	20
Bình Ngô Đại Cáo (bản dịch)	Bùi-Kỷ	22
Ông Trạng	Trần-tế-Xương	29
Ca-dao lục bát		28
Đổi thay	Trần-tế-Xương	37
Mong đợi	Dương-Khuê	38
Thành Hà-Nội	Dương-Khuê	38
Tâm-sự	Nguyễn-Trãi	38
Thề non-nước	Tản-Đà	39
Điên	Tản-Đà	39
Cảm thu, tiễn thu	Tản-Đà	40
Đoạn-trường tân-thanh	Nguyễn-Du	42
Chiêu hồn nước	Nguyễn-Quyền	44
Địa-lý và lịch-sử Việt-Nam	Trương Đông-Kinh Nghĩa-Thục	45
Nói chuyện với ảnh	Tản-Đà	88
Ca-dao song thất lục bát		88-91
Hải-ngoại huyết thư	Phan-bội-Châu	92
Cung-oán ngâm-khúc	Nguyễn-gia-Thiều	93
Khóc vua Quang-Trung	Ngọc-Hân Công-chúa	94
Khóc Dương-Khuê	Nguyễn-Khuyến	96
Chinh-phụ ngâm	Đoàn-thị-Điễm	90
Tỳ-bà hành	Phan-huy-Vĩnh	98

Bình Ngô Đại Cáo (bản dịch)	Phi-Khanh	100
Ái quốc	Hoàng-trọng-Mậu	102
Mùa thu câu cá	Nguyễn-Khuyến	118
Cắm cảnh Côn-lôn	Phan-châu-Trình	119
Qua đèo Ngang	Bà Huyện Thanh-Quan	120
Nhớ nhà	Nguyễn-Thông	122
Dệt Cửi	Lê-thánh-Tông	123
Khóm gừng, hàng tỏi	Ôn-Như-Hầu	124
Hồi Xuân	Trần-tế-Xương	124
Cảnh Hồ Tây	Nguyễn-Khuyến	125
Tết nghèo	Trần-tế-Xương	125
Than nghèo	Nguyễn-công-Trứ	126
Nghien rượu	Phạm-Thái	127
Trời mắng	Tản-Đà	150
Đêm Trung-Thu gặp mưa	Nguyễn-can-Mộng	151
Bài ca chúc tết thanh-niên	Phan-Bội-Châu	152



★ SÁCH QUỐC-VĂN ★ SÁCH QUỐC-VĂN ★

- Muốn trau-dồi Việt-văn một cách căn-bản,
- Muốn luyện thi Việt-văn Tú-Tài I ABCD cho có kết-quả tốt,

MỖI HỌC-SINH ĐỀ NHỊ CẦN CÓ:

★ **VIỆT-VĂN ĐỀ II**

gồm 2 tập I và II đóng riêng
và trọn bộ đóng chung

của **VÕ - THU - TỊNH**

★ **LUYỆN THI VIỆT-VĂN T.T.I**

của **VÕ - THU - TỊNH**

★ **Câu Hỏi Văn-Chương
& Luận Phổ-Thông, Văn-Chương
Thi Tú-Tài I ABCD**

của **NGUYỄN - DUY - DIỄN**

★ TAO-ĐÀN XUẤT-BẢN & PHÁT-HÀNH ★



Muốn học dần

TÂY - BAN - CẦM

Không thấy mà mau biết

HÃY MUA :

*** Tự học độc-tấu**

TÂY - BAN - CẦM

Tập I (SƠ - CẤP)

*** Tự học độc-tấu**

TÂY - BAN - CẦM

Tập II (TRUNG-CẤP)

- In trên giấy trắng đẹp
- giảng-giải lý-thuyết rõ-ràng
- hướng-dẫn tỉ-mỉ cách thực-hành từ hình-thức thấp đến cao.

*** CÓ BÁN Ở KHẮP CÁC HIỆU SÁCH ***
